

MINH VÕ

**HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT
SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH
NHIỆM**



*(Trích “Hồ Chí Minh, nhận định và tổng hợp”,
Phần III, các chương 43-52)*

Tập 2

**Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
09-2009**

MỤC LỤC

Chương 49	
HỒ CHÍ MINH và tình trạng bị thủ hạ khống chế	trang 06
<i>Chú thích chương 49</i>	28
Chương 50	
HỒ CHÍ MINH và Titô Việt Nam?	30
<i>Chú thích chương 50</i>	45
Chương 51	
HỒ CHÍ MINH và vị đại anh hùng ái quốc	46
<i>Chú thích chương 51</i>	80
Chương 52	
LỜI CUỐI SÁCH	83
PHỤ LỤC	
01- UB Dân tộc Giải phóng trong “Quốc dân Đại hội” Tân Trào	95
02- Chính phủ đầu tiên (Lâm thời) thành lập ngày 29- 8-1945	95
03- Chính phủ Liên hiệp (Lâm thời) ngày 01-01-1946	96
04- Chính phủ Liên hiệp (Thứ nhất) ngày 02-03-1946	96
05- Chính phủ Liên hiệp (Thứ hai) ngày 13-11-1946	97
06- Thành phần Dân biểu Quốc hội đầu tiên tháng 01-1946	97
07- Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam VN ngày 8-6-1969	98
08- Nội các cuối cùng của triều Nguyễn với vua Bảo Đại	98
09- Chính phủ Trần Trọng Kim (sau Nhật đảo chính Pháp)	98
10- Vài bút hiệu và bí danh của Hồ Chí Minh nhắc tới trong sách	99
11- Những năm sinh của Hồ Chí Minh	99
12- Các Tổ chức Quốc tế Cộng sản	99
13- Các Đại hội Quốc tế 3 từ đại hội 1 đến đại hội 7	100
14- Các Đại hội đảng Cộng sản Việt Nam	101
15- Danh sách 20 đảng viên CSVN tại trường Đông Phương....	101
16- Những bà vợ và người tình của Hồ Chí Minh	102
17- Một số niên hiệu liên quan đến đến cuộc đời Hồ Chí Minh	102

Liên lạc với
Khối 8406 Tự do Dân chủ cho Việt Nam
<http://khoi8406vn.blogspot.com/>
vanphong8406@gmail.com

Lời giới thiệu

Kính thưa Quý vị và Quý bạn. Trong tập 1, tác giả Minh Võ đã trình bày cho chúng ta thấy muốn hiểu Hồ Chí Minh và các trách nhiệm của ông ta, trước hết phải đặt ông trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ do Cộng sản gây ra tại Việt Nam, phải xét xem chủ thuyết và mục tiêu, chiến lược và sách lược đấu tranh của CS, vai trò lãnh đạo của Đệ tam Quốc tế và vũ khí chính trong chiến tranh ý hệ này là tuyên truyền. Tiếp đó, tác giả cho thấy chính HCM đã du nhập chủ nghĩa Cộng sản kiểu cách mạng lật đổ vào Việt Nam, đã chủ mưu vụ bán chí sĩ Phan Bội Châu cho Pháp, đã phát động vụ Xô viết Nghệ Tĩnh và Cải cách Ruộng đất đầy man rợ bạo tàn, đã lập ra Mặt trận Việt Minh nhằm lường gạt và tiêu diệt các nhà ái quốc tha thiết với độc lập dân tộc, đã có một cuộc sống hết sức vô đạo đức (rẫy vợ, bỏ con, giết người tinh, phản đồng chí, tiêu diệt các đối thủ trong hàng ngũ quốc gia...) lại còn tô vẽ mình như một con người thánh thiện.

Với tập 2 này, tác giả Minh Võ lại cho thấy Hồ Chí Minh cho đến cuối đời vẫn nắm giữ quyền lực trong bàn tay sắt và vẫn tự mình quyết định những việc quan trọng với trái tim chai đá và đầu óc nham hiểm (cụ thể là cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, gây ra cái chết cho hàng ngàn nạn nhân vô tội). Rồi không như nhiều người tiếc nuối, Hồ Chí Minh đã chẳng bao giờ muốn chia bàn tay với Hoa Kỳ và với thế giới dân chủ tự do, một vẫn trung thành với Liên Xô, với Stalin, với Đệ tam Quốc tế Cộng sản. Và tuy không có tinh thần độc lập với LX như Titô, HCM vẫn giống Titô rất nhiều mặt (độc tôn, độc tài, đa thù, tàn sát đối lập và đưa đất nước đến thảm họa...). Minh Võ cũng chứng minh: Hồ Chí Minh không hề là một nhà ái quốc, một anh hùng dân tộc. Tổ quốc của ông là Thế giới Cộng sản, tổ tiên của ông là Mác, Lênin, dân tộc đồng bào của ông là giai cấp vô sản khắp hoàn vũ, bằng hữu của ông là những kẻ trung thành với ông và với chế độ Cộng sản. Độc lập dân tộc, giải phóng đất nước đã chỉ là những chiêu bài ông dùng để thu phục nhân dân, quy tụ các nhà ái quốc hầu chiếm đoạt quyền lực toàn diện tuyệt đối cho ông, cho đảng của ông và cho Đệ tam Quốc tế Cộng sản. Một khi đã nắm quyền lực này trong tay, ông quay lại tàn sát những chí sĩ đã cùng ông chung chiến tuyến, quay lại phản bội những đoàn dân (đặc biệt nông dân) đã ủng hộ ông và đã hy sinh xương máu cho đảng.

Trước sự kiện nhà cầm quyền CSVN đang ra sức tô vẽ chân dung Hồ Chí Minh hòng tiếp tục lường gạt nhân dân và giữ vững quyền lực, việc vạch trần chân tướng của kẻ chủ mưu, chủ chốt trong việc đẩy dân tộc vào bao thảm họa và nguy cơ (nhất là nguy cơ mất nước) là bổn phận của tất cả mọi con dân Đất Việt còn lòng yêu mến Quê hương.

Khởi Tụ do Dân chủ cho Việt Nam 8406

HỒ CHÍ MINH, NHẬN ĐỊNH VÀ TỔNG HỢP

PHẦN III MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỒ CHÍ MINH

Chương 49 **HỒ CHÍ MINH** ***và tình trạng bị thủ hạ khống chế***

Một số người Mỹ như Archimedes Patti, Charles Fenn, Gallagher... từng gặp Hồ Chí Minh trước tháng 8-45 và các tác giả Pháp như Bernard Fall, Jean Lacouture, Jean Sainteny... đều mô tả Hồ Chí Minh là người hiếu hòa không thích bạo động.

Do đó, khi xảy ra cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 tại miền Nam, đã có người cho rằng Hồ Chí Minh không dính dáng tới sự việc, thậm chí Hồ Chí Minh còn chống lại chủ trương thống nhất đất nước bằng võ lực.

Ngoài bản tính hiếu hòa, lý do chính được viện dẫn là Hồ Chí Minh đã cao tuổi không còn nắm thực quyền chỉ đạo chế độ miền Bắc, đặc biệt trong những năm cuối đời, HCM đã bị nhóm Lê Duẩn khống chế.

Nhiều cách biện giải để chứng minh cho nhận định trên đã được đưa ra, trước hết là cuộc “tổng công kích, tổng nổi dậy Tết Mậu Thân” xảy ra chỉ cách ngày cuối đời của Hồ Chí Minh không đầy hai năm và cũng là thời điểm Hồ Chí Minh dưỡng bệnh tại Trung Quốc. Trước đó, tình trạng chia rẽ trong nội bộ Cộng sản Việt Nam cũng là nguyên do hạn chế quyền lực của Hồ Chí Minh.

Theo nhiều tác giả, sự phân bè kết nhóm do ảnh hưởng cuộc xung đột Liên Xô – Trung Cộng đã khiến Hồ Chí Minh không còn giữ được vị thế tối cao của thời gian trước 1954 vì thuộc phe yếu thế.

Dựa vào quá trình hoạt động, những người nêu nhận định này cho rằng Hồ Chí Minh đã ngã về phe thân Liên Xô. Đối với Hồ Chí Minh, Mạc Tư Khoa là nơi mở đầu cuộc hành trình đưa vào thế giới Cộng sản và cũng là vùng đất thiêng tượng trưng cho lý tưởng đấu tranh.

Tương quan giữa Hồ Chí Minh với các đồng chí Liên Xô luôn chặt chẽ và đậm đà hơn tương quan với các đồng chí Trung Cộng. Dù được trao vai trò phụ trách vùng Đông Á và có mặt tại Trung Hoa từ cuối năm 1924, Hồ Chí Minh luôn gắn bó với các giới chức Liên Xô trong mọi công tác vì là nhân viên của Đệ tam Quốc tế. Ngoài ra, do bản tính ôn hòa, HCM không tán thành chủ trương sát máu của Mao Trạch Đông.

Kèm theo các biện giải trên là sự viện dẫn một số sự việc ghi nhận qua sách báo viết về Hồ Chí Minh, đặc biệt là một số sự việc mà người kể tự nhận chính là nhân chứng.

Những câu chuyện được nhắc lại nhiều lần để chứng minh cho bản tính hiếu hòa, nhân ái là Hồ Chí Minh thường luôn ôm hôn trẻ em mỗi khi gặp gỡ, thường không ngăn được nước mắt ngay trước các đám đông, từng cởi áo khoác tặng một sĩ quan ngoại quốc hay đưa áo len của mình cho một người lính gác giữa mùa đông với manh áo mỏng...

Lời lẽ, cử chỉ và dáng vẻ bề ngoài của Hồ Chí Minh khi gặp gỡ cũng lưu lại một ấn tượng thoải mái với Archimedes Patti, Fenn, Gallagher hay Sainteny, Wilfred Burchett, France Fitzgerald... Và Lacouture, Bernard Fall đều không quên hình ảnh Hồ Chí Minh đi dép ăn mặc sơ sài từ ngoài bước vào, “*tiếng chân nhẹ nhàng như tiếng lụa xào xạc*” (chữ của Lacouture) khi họ đang phỏng vấn thủ tướng Phạm Văn Đồng về những vấn đề quan trọng.

Cùng với cách xuất hiện đột ngột đó là những lời thăm hỏi hết sức tự nhiên. Các nhà báo trên đều ghi lại Hồ Chí Minh đã điềm nhiên chuyển câu chuyện qua các đề tài thân mật với từng nhà báo như việc *phu nhân Bernard Fall vẽ chân dung Hồ Chí Minh ra sao* hay *Paris lúc này có gì lạ không v.v...*

Mặt khác, việc Hồ Chí Minh giải tán đảng Cộng sản, lập chính phủ liên hiệp với những người đối lập, việc ký Hiệp định sơ bộ 6-3-1946 với Pháp cũng như nội dung hai bản Hiến pháp 1946, 1959 ra đời thuở Hồ Chí Minh còn sống đều không nói đến chuyên chính Vô sản và độc quyền lãnh đạo của đảng Cộng sản... và đặc biệt, một tin đồn cho tới nay vẫn chưa có bằng chứng xác nhận cũng được nhắc như các chứng cứ biểu hiện tính hiếu hòa và chủ trương chống giải pháp vũ lực của Hồ Chí Minh. Đó là tin đồn về việc Hồ Chí Minh gửi tặng Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm một cành đào đình kèm tám thiệp chúc Tết nhân dịp đón Xuân Quý Mão 1963.

Theo tin đồn, thời khoảng sau đó cho tới trước khi xảy ra cuộc đảo chính 1-11-1963 tại Miền Nam, Hồ Chí Minh đã có một loạt cử chỉ bày tỏ thiện chí muốn thương thuyết với chế độ Việt Nam Cộng hòa tại miền Nam để đi tới thống nhất đất nước trong hòa bình.

Trong **Đêm giữa ban ngày**, Vũ Thư Hiên trưng dẫn ý kiến của cha mình, Vũ Đình Huỳnh, vốn là người thân cận với Hồ Chí Minh cho rằng Hồ Chí Minh không chủ trương bạo lực: *“Sau vụ bắt bớ giam cầm những người Cộng sản bất đồng chính kiến, nhiều người buộc tội ông Hồ Chí Minh, thậm chí gán cho ông những tính chất mà ông không có, như tính hiếu chiến, hiếu sát. Cha tôi giận ông Hồ, nhưng không đồng tình với lời buộc tội đó. Những ngày ở trong rừng Việt Bắc, cha tôi kể, mỗi khi sắp mở một chiến dịch ông Hồ trở nên bồn gắt và hút thuốc lá luôn miệng, có khi thức trắng đêm. Hồ Chí Minh hiểu hơn ai rằng gắn liền với mỗi thắng lợi trên chiến trường là máu chiến sĩ, đồng bào phải đổ ra” (1).*

Riêng Vũ Thư Hiên cũng nhận định về Hồ Chí Minh: *“Khi ban lãnh đạo đảng ngã theo Bắc Kinh, ông Hồ còn buồn hơn. Ông hiểu Mao Trạch Đông, hiểu tham vọng bá, tính cách bá của ông ta. Với đường lối “tọa sơn quan hổ đấu” (ngồi trên núi xem hổ đánh nhau) đã nhiều năm Mao xúi Liên Xô đụng đầu với Mỹ, nay ông ta lại khuyến khích Việt Nam xông trận. Mao sẵn sàng hy sinh đến người VN cuối cùng trong cuộc đấu tranh chống “con hổ giấy” là điều Hồ Chí Minh hiểu hơn ai hết” (2)*

Về Lê Duẩn, Vũ Thư Hiên viết: *“Không có chiến tranh, Lê Duẩn không còn là Lê Duẩn. Lê Duẩn chẳng ngần ngại chê bai Hồ Chí Minh không dám chủ trương dùng bạo lực giải phóng miền Nam. “Bác còn do dự, chớ khi rời miền Nam tui đã chuẩn bị hết cả rồi. Với tui chỉ có uýnh thôi, uýnh cho tới thắng lợi cuối cùng” (3)*

Trong **Vietnam, la face cachée du régime**, Bùi Tín kể lại chính mình đã ghi âm trước nhiều nhân chứng khác, những lời Lê Duẩn tự khoe và chê Hồ Chí Minh không dám chủ trương chiến tranh, chỉ nuôi ảo vọng thực hiện thống nhất bằng đường lối hòa bình.

Bùi Tín viết: *“Một hôm ông ta (Lê Duẩn) khoe trước những người được chính thức cử viết tiểu sử của ông ta – trong đó có tôi – rằng: Sau hiệp định Genève, bác Hồ vẫn tiếp tục tin là tổng tuyển cử sẽ có thể xảy ra được trên toàn quốc. Đó chỉ là ảo tưởng. Tôi nhìn sự việc đúng hơn Bác. Tôi tiên liệu ngay việc phải dùng tới bạo lực cách mạng. Tôi bảo các đồng chí miền Nam hãy chôn vũ khí. Chính tôi đã bảo họ để lại lực lượng tại miền Nam chớ đừng tập kết hết ra Bắc.” (4)*

Bùi Tín tỏ ra không tin những lời khoe được đưa ra quá muộn – năm 1983 – nhưng vẫn nhắc lại có lẽ chỉ nhằm cho thấy Hồ Chí Minh ít hiếu sát hơn các thủ hạ và việc sử dụng vũ lực là ngoài ý muốn.

Cả Vũ Thư Hiên lẫn Bùi Tín đều nhắc đến uy thế và lập trường chủ chiến của Lê Duẩn, nhưng không xác nhận tình huống Hồ Chí Minh bị nhóm Lê Duẩn khống chế như Nguyễn Văn Trấn, một trong số cán bộ Cộng sản cao cấp nhất của miền Nam. Sau năm 1975, khi thất vọng về lý tưởng Cộng sản, Nguyễn Văn Trấn đã ghi lại trong **Viết gửi mẹ và Quốc hội** về thái độ của Hồ Chí Minh ngã theo đường lối “sống chung hòa bình” của Khrushchev, nhưng thuộc nhóm thiểu số nên bị nhóm Lê Duẩn – Lê Đức Thọ khống chế.

Nguyễn Văn Trấn trích dẫn lời Bùi Công Trừng tả cảnh Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị Trung ương kỳ 9 ngày 11-12-1963 – chỉ hơn một tháng sau khi chế độ Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam bị lật đổ tại Sài Gòn.

Bùi Công Trừng nói với tác giả nguyên văn như sau: “*Mày coi, coi nó tội nghiệp không. Đồng chí Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu của chúng ta bận đờ lụa gụ, chủ trì hội nghị mà mặt day ra sần. Có lẽ tại tự nhiên nó phải hứng những lời công kích mạt sát Liên Xô. Khi chượng tai quá, quay vô, đưa tay để nói, thì thằng Thọ lễ phép Bắc Hà: “Bác hãy để cho anh em người ta nói đã mà.” Tao đếm lão Hồ đưa tay mấy lần, lần nào thằng Thọ cũng kịp ngăn. Cuối cùng ông cũng cho hội nghị nghe, ông nói ca dao bằng tiếng khóc: “Khi thương trái ấu cũng tròn. Khi ghét bỏ hòn cũng méo”. Và ông nói xui lơ: “Thấy lợi người ta cho tên lừa vô; thấy bất lợi người ta rút ra mà!”* (5)

Đó là quang cảnh hội nghị kỳ 9 Trung ương Đảng đưa ra Nghị quyết số 9, nghị quyết tối quan trọng mở màn cho cuộc tấn công miền Nam, sau khi tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm rồi tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy bị giết trong tháng trước. Hai vị tổng thống trên đều chủ trương rút quân Mỹ khỏi miền Nam Việt Nam, dù lúc ấy cũng chỉ mới có 16 ngàn lính Mỹ được tăng cường từ cuối 1962.

Tóm lại, nhiều người kể cả một số người Cộng sản Việt Nam đã rời bỏ hàng ngũ đều nghĩ rằng sự bùng nổ cuộc chiến Việt Nam sau 1954 cũng như cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968 hoàn toàn ngoài ý muốn của Hồ Chí Minh.

Ba lý do được viện dẫn cho nhận định này là Hồ Chí Minh vốn do bản tính hiếu hòa nhân ái không ưa chuyện giết chóc, tuổi già bệnh hoạn khiến không thể bao quát mọi công việc và bị một nhóm thủ hạ thân Trung Cộng, cụ thể là nhóm Lê Duẩn vốn theo đuổi chủ trương gây chiến khống chế.

Về bản tính hiếu hòa, luận cứ được viện dẫn hầu hết thuộc ý nghĩ chủ quan dựa trên một số giai thoại trong đó gồm cả những giai thoại do chính Hồ Chí Minh dựng nên.

Giả dụ hết thấy những giai thoại này đều xác thực vẫn chưa đủ minh chứng bản tính của một con người luôn đặt vấn đề tuyên truyền

lên hàng đầu và từng nhắc một người thân rằng “*làm chính trị phải biết cười khi cần cười, biết khóc khi cần khóc.*” Đó là lời Hồ Chí Minh nhắc Vũ Đình Huỳnh mùa thu năm 1946 ở Paris khi Vũ Đình Huỳnh thắc mắc tại sao ông ta có thể khóc dễ dàng như vậy tại nghĩa trang Père Lachaise.

Với một người dễ dàng cười khóc theo nhu cầu đối phó với từng hoàn cảnh thì việc ôm hôn trẻ con, việc cởi áo tặng một thuộc hạ thiếu áo, việc bắn khoả bút rút sau khi hạ lệnh mở một chiến dịch, việc xuất hiện nhẹ nhàng, nói năng giản dị với các nhà báo ngoại quốc... đều có thể chứa hậu ý tuyên truyền một điều gì đó.

Sẽ không khó hiểu nếu bảo những cử chỉ hay lời nói rất tự nhiên trước mắt mọi người thực ra đã được xếp đặt để chinh phục tình cảm hay “*đắc nhân tâm*” vốn là mục tiêu mà chính khách chuyên nghiệp nào cũng luôn chú trọng.

Vấn đề chỉ là không phải bất kỳ ai cũng đạt nổi mức tự nhiên để che giấu tính giả tạo của những cử chỉ hay lời nói đó. Hồ Chí Minh đã được rèn luyện kỹ về nghệ thuật tuyên truyền, về kỹ thuật điệp báo và có thể nhờ sự khôn khéo thiên bẩm nên dễ dàng thành công hơn nhiều người khác trong sự giả tạo một cách rất tự nhiên.

Vả lại, bên cạnh những giai thoại trên vẫn hiện diện không ít giai thoại phản ánh một bản tính ngược lại. Trong hồi ký của Võ Nguyên Giáp và trong các tài liệu lịch sử chính thức của Cộng sản Việt Nam đều ghi một lời nói của Hồ Chí Minh năm 1945 trong cơn mê sáng dạ Võ Nguyên Giáp: “*Dù cho phải đốt cả dãy Trường Sơn thì cũng quyết dành cho được nên độc lập*”.

18 năm sau, 1963, Hồ Chí Minh cũng nói một câu tương tự với Chu Ân Lai: “*Đừng nói phải đánh 5 năm, 10 năm, dù có 20 năm, 30 năm, thậm chí 50 năm cũng phải đánh*”.

Tròn ba tháng sau khi gặp Chu Ân Lai để phát biểu như trên, Hồ Chí Minh đã lên tiếng trong phiên họp Bộ Chính trị Trung ương Đảng chỉ thị về một phương cách tiến hành cuộc chiến tại miền Nam: “*Ta vừa tiêu diệt, vừa tuyên truyền*”. Những lời lẽ này không chỉ bác bỏ bản tính hiếu hòa của người nói mà còn cho thấy rõ mưu toan vận dụng tuyên truyền để che giấu mức độ hiếu chiến.

Thêm nữa, ngay khi nói về bản tính hiếu hòa của Hồ Chí Minh, thậm chí còn nghĩ Hồ Chí Minh tin Chúa Giêsu, chính Sainteny lại cho biết không hề ảo tưởng thuyết phục được Hồ Chí Minh nương bộ trong cuộc thương thuyết giữa hai người và giải thích về con người Hồ Chí Minh như sau: “*Khi những mưu tính của ông ta hay đồng chí của ông ta, hoặc chính bản thân ông ta bị đe dọa, ông ta sẽ không do dự dùng những cách tàn bạo. Về phương diện này, ông ta hoàn toàn thuộc về cái*

thứ châu Á quá nhiều mâu thuẫn, ở đó người ta áp dụng các hình thức tra tấn cực hình tinh vi nhất tiếp theo những nghi thức xã giao rất u ngọt ngào". Sainteny đã tự xô đổ hình ảnh thần tượng của mình.

Bởi, cái *tính Á Châu quá nhiều mâu thuẫn* được viện dẫn không thể biến một kẻ không do dự dùng những phương cách tàn bạo thành một kẻ hiếu hòa, nhất là kẻ đó lại đủ thủ đoạn để vẫn nói *cười ngọt ngào giữa lúc thi thố những cực hình man rợ*. Ngôn ngữ Á Châu hay ngôn ngữ Việt Nam đã có những từ để chỉ loại người đó là tàn ác nham hiểm. Người hiếu hòa nhân ái và kẻ tàn ác nham hiểm luôn luôn là hai đối cực ngay tại Á Châu chứ không bao giờ là hai mặt của một con người Á Châu quá nhiều mâu thuẫn.

Duiker trong khi bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với Hồ Chí Minh cũng cho biết Hồ Chí Minh hết sức trung thành với quan điểm về người đấu tranh cách mạng theo diễn tả của Sergey Nechayev như sau: *"Anh ta phải tàn nhẫn, nham hiểm như Machiavel, trong khi cố võ cho mục đích Cách mạng. Anh ta phải tỏ ra tuyệt đối phục tùng đảng của anh ta và sẵn sàng từ bỏ mọi liên hệ bạn bè và gia đình. Cũng phải sẵn sàng hy sinh những tiêu chuẩn đạo lý đã được nhìn nhận một cách phổ quát, để có thể nói dối, ăn gian vì lợi ích Cách mạng..."*

Kẻ đã chấp nhận *từ bỏ mọi liên hệ bạn bè, gia đình để sẵn sàng ăn gian nói dối, sẵn sàng hành động tàn nhẫn nham hiểm* không thể là kẻ hiếu hòa nhân ái.

Hai bản Hiến pháp 1946, 1959 ban hành khi Hồ Chí Minh còn sống không có những điều khoản minh thị nền chuyên chính Vô sản như hai bản Hiến pháp 1976, 1992 không phải vì Hồ Chí Minh có tinh thần dân chủ hơn mà chỉ vì theo sách lược giai đoạn : khi chưa đoạt được quyền lãnh đạo trên cả nước thì chưa thể lộ bản chất độc tài.

Trên thực tế, nội dung hai bản Hiến pháp đó có thể mang thêm nhiều điều khoản tốt đẹp hơn nữa cũng không có ý nghĩa gì. Bởi, ngay trong thời gian Hồ Chí Minh còn sống, các bản Hiến pháp vẫn không hề có hiệu lực thực tế mà chỉ là món đồ trang trí không hơn không kém. Hiến pháp quy định mọi thứ quyền công dân nhưng đủ loại công dân đã bị lôi ra đấu tố, tàn sát trong Cải cách Ruộng đất mà chính Hồ Chí Minh diễn tả là *cuộc đấu tranh long trời lở đất*. Hiến pháp xác nhận quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí nhưng hàng loạt văn nghệ sĩ bị xiềng xích trong các nhà giam với vụ Nhân văn Giai phẩm và hàng loạt đồng chí của Hồ Chí Minh chỉ do phát biểu về những sai lầm của giới lãnh đạo đã bị tù đày, bị hành hạ tới chết như Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Bùi Công Trừng, Phạm Viêt, Phạm Kỳ Vân, Ung Văn Khiêm, Lê Liêm, Nguyễn Văn Vịnh... thậm chí bị hạ sát tức khắc như Dương Bạch Mai để không thể mở miệng nói ra ý nghĩ của mình.

Những sự việc trước đó như tuyên bố giải tán đảng Cộng sản, thành lập chính phủ liên hiệp, hô hào đoàn kết dân tộc, ký kết hiệp định Sơ Bộ 6-3-1946... cũng không khác những bản Hiến pháp chỉ có tính trang trí.

Bởi mặt trái của những sự việc đã nói quá rõ về các mưu tính, các thủ đoạn thâm hiểm xương máu của không biết bao nhiêu nạn nhân.

Hết thấy những sự việc trên đều diễn ra ngay trước mắt Hồ Chí Minh, thậm chí do chính bàn tay sắp đặt của Hồ Chí Minh vào giữa thời điểm mà mỗi lời nói của ông đều là một lời “thánh huấn”. Dù muốn dù không, những tiếng nói thực tế này sẽ tiếp tục cất lên bất chấp một số cá nhân cố sức diễn tả Hồ Chí Minh là người hiếu hòa nhân ái.

Bùi Tín cũng là một người cho rằng Hồ Chí Minh không có tính hiếu sát nhưng lại diễn tả về cách hành xử của Hồ Chí Minh đối với những người Cộng sản Việt Nam thuộc Đế tứ Quốc tế như sau: *“Cuối năm 1939, Nguyễn Ái Quốc trong báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản chỉ rõ: “Đối với bọn trót-ký không thể có một thỏa hiệp hay nhân nhượng nào cả. Phải lột mặt nạ chúng như là tay sai của phát-xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị”. Sau đó, từ Trung Quốc, ông gửi thư về nước, chỉ rõ: “Bọn trót-ký là một lũ bất lương, những con chó săn của chủ nghĩa phát-xít Nhật và chủ nghĩa phát-xít Quốc tế... Vu khống chụp mũ những người trót-ký Việt Nam, ám sát, thủ tiêu những người lãnh đạo trót-ký như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch là những bạn chiến đấu một thời của những người Cộng sản, những người lãnh đạo Đông Dương đã thực hiện chủ nghĩa Staline, đã phạm một tội ác trong lịch sử đấu tranh giành độc lập của dân tộc”.* (6)

Bộ áo không làm thành nhà tu nhưng trong rất nhiều trường hợp, bộ áo vẫn có thể gây ra sự ngộ nhận một kẻ sát nhân là nhà tu. Riêng trong câu chuyện về con người Hồ Chí Minh, bộ áo hiếu hòa nhân ái mà một số người đưa ra để che đậy bản tính tàn ác nham hiểm đã không che nổi hai bàn tay thọc quá sâu vào những thâm trạng đẫm máu kéo dài suốt một thời kỳ lịch sử hơn 30 năm kể từ 1930.

Tuổi già và bệnh hoạn cũng là lý do được viện dẫn để đẩy Hồ Chí Minh xa khỏi những quyết định về trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Cho tới nay, trận đánh này vẫn được ca ngợi là một trận đại thắng của Cộng sản Việt Nam với tầm mức quyết định toàn bộ kết quả cuộc chiến vào tháng 4-1975.

Tuy nhiên, những người ca ngợi ở khắp nơi, kể cả giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam, đều có vẻ chưa thoát khỏi một mặc cảm gì đó khi nhắc đến trận đánh. Sự vướng mắc có thể khởi phát từ thực tế hiển nhiên là mức tổn thất quá nặng cùng một số phản ứng bất lợi trong dư

luận Quốc tế đối với đảng Cộng sản Việt Nam do vụ thảm sát dân chúng tại Huế (7).

Về hai sự việc này, Bùi Tín ghi lại: “Đầu năm 1968, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Tết Mậu Thân, Bộ Quốc phòng có tổ chức một cuộc họp có ý nghĩa tổng kết về cuộc tiến công Mậu Thân 1968. Có đại diện Bộ Ngoại giao đến dự và phát biểu về tác động của thắng lợi ấy về mặt đấu tranh ngoại giao. Theo những con số được đưa ra thì quả thật, hy sinh thật là lớn. Hy sinh trong đợt đầu (tháng 1-1968) không nhiều, nhưng đến đợt 2 (tháng 5-1968) thì nhiều hơn và đợt 3 (tháng 9-1968) lại nhiều hơn nữa. Thiệt hại còn kéo dài sang năm 1969 và đầu năm 1970 với những chiến dịch Bình định, Bình định cấp tốc rất ác liệt. Qua Mậu Thân, các lực lượng cơ sở, du kích, bộ đội địa phương xây dựng hàng chục năm bị lộ gần hết, bị đánh quét bật ra khỏi các địa bàn quan trọng. Từ giữa năm 1970 tình hình mới khôi phục dần. Ai cũng thấy từ giữa 1968 đến đầu 1970 là thời kỳ chuyển vào thoái trào, phải bị động bảo toàn lực lượng để rồi khôi phục dần cơ sở, sức lực bị tổn thất là lớn nhất so với các thời kỳ khác của cuộc chiến tranh...”

Trong cuộc tiến công Mậu Thân 1968, cuộc tàn sát ở Huế được dư luận thế giới hết sức chú ý... Hồi ấy, trong không khí căng thẳng đợt nhập thành phố, thấy dân không nổi dậy, lại còn bỏ chạy, rất ít người đón chào, phối hợp giúp đỡ bộ đội, nên bộ đội nhập thành phố liền có thành kiến với dân Huế. Họ bảo nhau: Đúng là dân “ngụy” rất nặng căn... Danh từ “ác ôn” hồi ấy dùng cũng tràn lan tùy tiện... Cho nên những vụ tàn sát tập thể có thể đã xảy ra ở các tiểu đoàn đang hành quân rút lui... Các vụ tàn sát này về sau đã được giải quyết ra sao? Có ai bị kỷ luật không? Theo tôi được biết, do dư luận miền Nam, dư luận Quốc tế xôn xao, xúc động mạnh nên Tổng cục Chính trị, cơ quan thanh tra quân đội có chú ý vụ này. Việc có 5 bác sĩ Cộng hòa Liên bang Đức bị giết cũng làm cho vụ này vang động hơn. Tướng Trần Văn Quang có bị phê bình. Chính ủy Lê Chương của mặt trận Trị Thiên về sau chuyển ngành ra Thứ trưởng Bộ Giáo dục. Ông chết trong một tai nạn ô tô ở Nghệ An. Đại tá Lê Minh chỉ huy cánh quân ở tả ngạn sông Hương cũng bị phê bình, ông chết bệnh sau đó.

Cách giải quyết những sự việc lớn của chế độ hiện hành luôn che giấu, ém nhẹm, xử lý nội bộ, úp úp mở mở... Việc giáo dục căm thù cần thiết trong chiến tranh đã đẩy tới mức cực đoan quy định tràn lan là “ác ôn”, kẻ thù tối nguy hiểm, không được để bỏ trốn... đã tạo nên những vụ tàn sát khốc liệt. Lẽ ra trong vụ này, công lý đã phải lên tiếng một cách công khai rõ ràng vì liên quan đến mạng sống của hàng ngàn con người... Lẽ ra tất cả hệ thống chỉ huy Trị Thiên đều phải bị điều tra và xử lý về vụ này để qui rõ trách nhiệm từng người, để kết luận một cách

công minh, để giảm bớt phần nào nỗi đau của những người trong cuộc và gia đình người thân của họ. Điều tệ hại là những người lãnh đạo đảng Cộng sản có khuynh hướng coi những sai lầm “tả khuynh” là nhẹ. Như bắt người trong Cải cách Ruộng đất, thái độ hung hãn với các tôn giáo, qui định quá mức trong Cải tạo Tư sản... đều xử trí qua loa. Họ lập luận rất kỳ quặc là hữu khuynh mới thật tai hại! Hữu khuynh là thiếu tinh thần cách mạng, còn tả khuynh là thừa tinh thần cách mạng. Cho nên, ông Đồng Sĩ Nguyên hồi 1947-1948 ở Quảng Bình phạm tội đốt phá bắn giết một số làng Công giáo, bị kết án cho yên lòng dân, sau đổi tên (tên thật hồi ấy là Nguyễn Sĩ Đồng) ra Hà Nội làm Cục trưởng Dân quân, rồi cứ lên mãi đến Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng” (8)...

Qua ghi nhận của Bùi Tín, trận đánh Tết Mậu Thân 1968 dù được coi là một cuộc tấn công đặc sắc, táo bạo cùng một lúc đánh vào 44 thị trấn và hơn 100 cứ điểm miền Nam gây một tiếng vang lớn trên thế giới nhưng rõ ràng đã gợi nhắc nhiều nỗi nhức nhối với những người CS.

Trước hết, trận đánh đã đẩy lui Cộng sản vào tình trạng thoái trào kéo dài tới giữa năm 1970 do tổn thất nặng nề về nhân sự. Ngoài một số đại đơn vị gần như bị xóa sổ, hầu hết lực lượng cơ sở gồm cán bộ cài đặt từ 1954 và du kích, bộ đội địa phương tổn công tổ chức hàng chục năm cũng bị quét khỏi địa bàn hoạt động.

Tổn thất này khiến hầu hết người dân miền Bắc đều mất mát người thân và là một lý do gây bất ổn trong tâm lý quần chúng. Dù chính sách trấn áp vẫn giữ vững quyền lực cho đảng Cộng sản, nhưng không thể phủ nhận mức sút giảm uy tín của giới lãnh đạo trước con mắt oán trách đã có từ mọi thành phần, kể cả trong hàng ngũ quân đội.

Lực lượng bị tổn hại quá lớn, dân chúng đau đớn vì mất mát người thân, tinh thần binh sĩ xuống thấp vì lâm thế bị động trốn tránh là những hậu quả cụ thể nhất của trận đánh Tết Mậu Thân 1968, trong khi kích đẩy tinh thần chống Cộng của nhiều người dân Miền Nam cho tới lúc đó thường vẫn thờ ơ với mọi vấn đề chính trị.

Nói cách khác, đây là một trận thảm bại của Cộng sản Việt Nam nếu nhìn thuần túy về mặt quân sự và chính trị, vì ngoài những hậu quả trên, trận đánh không đem lại điều gì tốt đẹp.

Ngay trên mặt trận ngoại giao và tuyên truyền luôn được coi là quan trọng hàng đầu với Cộng sản cũng xuất hiện những trở ngại hiển nhiên là dư luận bất lợi về chiêu bài chính nghĩa mà cả khối Cộng sản Quốc tế đang vận động những phong trào phản chiến tỏ vẻ cho chế độ Hà Nội.

Cuộc tàn sát tại Huế – Quảng Ngãi và sự vi phạm lệnh hưu chiến nhân dịp Tết để tạo yếu tố bất ngờ cho trận đánh đã đặt nỗ lực ngoại giao và tuyên truyền vào cảnh chống đỡ nhiều hơn tấn công. Chủ

trương hận thù giai cấp và tận diệt mọi thành phần đối nghịch mà người Cộng sản vẫn che đậy bằng bộ mặt yêu nước thương dân làm thế bị đe dọa bóc trần do hành động được gọi là tả khuynh vốn là kết quả tròng người của Đảng.

Bùi Tín cho rằng các cán binh *tả khuynh tàn sát những người rơi vào tay họ chỉ bởi đã ngộ nhận* về thái độ thờ ơ và trốn chạy của người dân Huế khi Cộng sản xâm nhập với danh nghĩa giải phóng. Bùi Tín muốn giảm nhẹ tội ác bằng cách đẩy cho những phần tử quá khích không phân biệt nổi *bạn và thù* do thái độ của người dân Huế lúc đó.

Trong lời biện giải đã hiện lên cùng một lúc hai sự thực: *dân chúng xa lánh Cộng sản và Cộng sản Việt Nam chỉ theo đuổi việc giành độc quyền thống trị.*

Vì thế, họ đã giáo dục về bạn, thù theo cách biến bất kỳ ai không chịu vớ tay tán thưởng suy tôn họ đều trở thành nguy, ác ôn trong mắt cán binh của họ. Những cán binh này cũng được giáo dục kỹ lưỡng về cách đối phó với kẻ thù là tận diệt thay vì để cho trốn thoát.

Lời biện giải có thể giúp giảm nhẹ tội lỗi cho những kẻ trực tiếp nhúng tay vào máu nhưng lại gia tăng tội lỗi của giới lãnh đạo vì chính là lời xác nhận hướng nhắm của Cộng sản luôn ngược với mọi nguyện vọng của dân tộc. Như thế, nhắc tới trận đánh Tết Mậu Thân 1968 theo cách nào cũng khó tránh chạm tới mối đe dọa bóc trần bộ mặt thực của giới lãnh đạo Cộng sản, đặt họ vào vị thế của những tội phạm đối với dân tộc và nhân loại. Vì qua trận đánh đó, họ chỉ nhắm giành quyền lực tối cao cho tập thể Đảng và sẵn sàng giết người dù đó là những đồng bào vô tội.

Kể từ khi thành lập tổ chức đầu tiên năm 1925 tại Hoa Nam cho tới năm 1973, nhiều nhân vật Cộng sản VN trong số có cả Hồ Chí Minh gần như luôn tuyên bố với báo chí Quốc tế rằng họ không phải Cộng sản.

Sự chối cãi này chính là lời xác nhận giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam ý thức rõ rệt hơn bất kỳ ai hết về mục tiêu họ theo đuổi hoàn toàn ngược với nguyện vọng dân tộc. Cho nên, phủ nhận là việc cần thiết để khai thác sức mạnh dân tộc đồng thời giữ vững chiêu bài yêu nước thương dân trước dư luận thế giới. Không nắm vững được hai yếu tố này, Cộng sản không những khó hy vọng đạt nổi mục tiêu giành quyền lực cho riêng mình mà còn có thể tiêu tan.

Hơn nữa, dù được mô tả là một trận đại thắng, nhưng chính họ lại hiểu hơn ai hết trận đánh Mậu Thân là một thảm bại của họ. Năm 1993, năm năm sau kỳ tổng kết mà Bùi Tín thuật lại, tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* xuất bản tại Hà Nội đã viết về trận đánh Mậu Thân như sau: *“Sau tết Mậu Thân, vùng làm chủ của ta bị thu hẹp, cơ sở bị tổn thất, lực lượng vũ trang bị tiêu hao, phải rút dần lên miền núi. Thế trận chiến tranh nhân*

dân bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Các sư đoàn 5,7,9 chủ lực của miền Nam mất bàn đạp, mất chỗ đứng chân phải lên vùng biên giới Cao Miên. Khu 8 có 2 trung đoàn, còn 1. Khu 9 có 3 trung đoàn còn 1 trung đoàn và một tiểu đoàn. Du kích đặc khu Sài Gòn chỉ còn 1 phần 3...” (9) Cho nên, một số thân tín muốn đẩy trận đánh xa khỏi tầm trách nhiệm của Hồ Chí Minh đồng thời những người ngưỡng mộ Hồ Chí Minh cũng muốn làm việc đó để tránh cảnh thần tượng bị nhuốm máu.

Douglas Pike là người luôn coi mọi thủ đoạn tàn ác và xảo trá của Hồ Chí Minh đều là hành vi biểu hiện thiên tài tổ chức đấu tranh vẫn phải ghi nhận cuộc đấu tranh mà Hồ Chí Minh theo đuổi qua hình ảnh sau: “*Khi Thực dân bị đánh bại và người Pháp bị đuổi rồi, cái chính nghĩa chống Thực dân bị biến đổi từ quyền tự quyết của nhân dân biến thành quyền độc tôn của Đảng. Danh nghĩa không thay đổi; người ta chỉ đổi lại định nghĩa của sự chống Thực dân. Cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục, nay là để chống lại nhân dân Việt Nam, một cuộc chiến dành quyền lực, vì quyền lực... Cái chủ nghĩa chống Thực dân cao cả đã trở thành một giai đoạn lịch sử chuyên chế, ham hố quyền lực*”. Douglas Pike viết tiếp: “*Rất có thể, ông Hồ đã không muốn nó trở thành như vậy*”.

Câu bào chữa này cũng mơ hồ như lời phát biểu Hồ Chí Minh bệnh hoạn không thể tham gia công việc hoặc như Lữ Phương, một người chạy theo Cộng sản vào dịp Tết Mậu Thân 1968, được ban chức Thứ trưởng Văn hóa của chính phủ lâm thời Cộng hòa Miền nam Việt Nam thuở đó, nhưng sau 1975 bị mất chức, tham gia nhóm phản tỉnh, biện bạch rằng Hồ Chí Minh chỉ góp cho cuộc tổng nổi dậy Mậu Thân 1968 một bài thơ.

Những người như Douglas Pike, Lacouture, Jean Sainteny, Bernard Fall... hay Lữ Phương, Vũ Thư Hiên, thậm chí Bùi Tín đều chỉ nêu cảm nghĩ chủ quan chứ không có điều kiện gần bó kề cận với Hồ Chí Minh như Vũ Kỳ trong thời gian chuẩn bị trận đánh Tết Mậu Thân 1968.

Vũ Kỳ là bí thư riêng của Hồ Chí Minh trong thời điểm đó đã viết một bài đăng trên ba tờ báo *Văn Nghệ*, *Tiền Phong* và *Nghệ An* với tựa đề “*Bác Hồ vui Tết Mậu Thân năm ấy*”. Theo Vũ Kỳ, ngày 21-12-1967 Bộ Chính trị điện sang Bắc Kinh mời “*bác về dự hội nghị Bộ Chính trị ngày 28-12-1967*” quyết định ra lệnh tổng tấn công miền Nam.

Trận đánh được dự trù khai diễn vào giữa giờ hưu chiến Đêm Giao thừa miền Nam trong dịp Tết để giành yếu tố bất ngờ. Như thường lệ, nhân dịp Tết Mậu Thân, cả hai phía đều ra lệnh ngưng bắn vào ngày cuối năm cũ và ngày đầu năm mới tức Ba Mươi tết và Mừng Một tết trùng với ngày 28 và 29-1-1968.

Chuẩn bị thực hiện kế hoạch tấn công bất ngờ trên, tháng 8-1967, Cộng sản Việt Nam sửa đổi âm lịch, đẩy nhanh lên 24 giờ để tối Mừng Một tết tại miền Bắc là Đêm Giao thừa tại miền Nam, tức giữa lúc lệnh ngưng bắn dứt với quân đội miền Bắc nhưng đang còn hiệu lực với quân đội miền Nam.

Cùng với việc sửa lịch, chính quyền Hà Nội đưa ra một loạt hoạt động có vẻ xuống thang chiến tranh. Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Duy Trinh tuyên bố sẵn sàng mở các cuộc hòa đàm với Mỹ rồi thủ tướng Phạm Văn Đồng nhờ Roumanie đóng vai trung gian cho các cuộc thương thuyết. Trước đó, Hồ Chí Minh hai lần bắt tiếng qua các phái đoàn hòa bình, phản chiến Mỹ tới thăm Hà Nội ngỏ ý muốn nói chuyện với Mỹ để chấm dứt chiến tranh. Ngày 17-1-1967, Hồ Chí Minh tuyên bố: *“Tổng thống Johnson đã nói rằng ông ta sẽ gặp bất cứ ai, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào để nói chuyện hòa bình. Tôi xin mời ông Johnson đến Hà Nội như là khách của chúng tôi... Tôi xin bảo đảm rằng Tổng thống sẽ an toàn tuyệt đối”* (10)

Việc đánh lạc hướng còn bao gồm cả sự điều động 3 sư đoàn tinh nhuệ 304, 320, 325C và một trung đoàn của sư đoàn 324 về quanh căn cứ Khe Sanh như có vẻ chuẩn bị đánh lớn ở đây để lôi kéo sự chú ý về vùng phi quân sự phía Bắc của Việt Nam Cộng hòa trong khi bí mật chuyển lực lượng và vũ khí xâm nhập các thị trấn phía Nam.

Song song với các nỗ lực đánh lạc hướng đối phương, bắt đầu từ tháng 7-1967, Hà Nội còn thực hiện một cuộc thanh trừng nội bộ, bắt giam nhiều đảng viên cao cấp bị coi là có ý chống lại chủ trương tổng công kích trong số có Hoàng Minh Chính, Lê Liêm, Vũ Đình Huỳnh, Ung Văn Khiêm, Bùi Công Trừng...

Hồ Chí Minh về đến Hà Nội sau một chuyến bay có vẻ nguy hiểm khiến Sơn Tùng, trong buổi nói chuyện tại trường Cán bộ Quản lý Giáo dục tại Hà Nội ngày 11-4-2001, đã đưa ra với ngụ ý như ngầm nhắc từng có âm mưu ám toán Hồ Chí Minh. Sơn Tùng cũng là một người trong số người chủ trương Hồ Chí Minh không chịu trách nhiệm về các tai họa đã xảy ra từ sau 1954. Nhưng ngoài những trục trặc kỹ thuật khiến chuyến bay có vẻ nguy hiểm, Vũ Kỳ đã cho biết về hoạt động của Hồ Chí Minh những ngày sau đó:

“... Trên các chiến trường, công tác chuẩn bị vẫn được khẩn trương tiến hành. Một số lượng khá lớn chất nổ, vũ khí bí mật đã được chuyển vào các đô thị, thành phố miền Nam.

Sáng 25-12-67, thứ hai, 7g15’, Bác sang hội trường Ba Đình, chủ tọa cuộc gặp mặt chúc mừng năm mới của đoàn Ngoại giao ở Hà Nội. Bác rất vui, chúc năm mới đoàn Ngoại giao, tiếng bác sang sảng như trẻ ra.

Ngày 28-12-67, Bộ Chính trị họp phiên đặc biệt ngay bên nhà bác Hồ, có bản đồ to kê trên bục trong phòng họp và nhiều tướng lãnh đến báo cáo....

Chiều 29-12-67, bác Hồ mời bác Tôn đến cùng ăn cơm. Ngắm hai cụ già thân thiết đi bên nhau, thanh thản, ung dung, nói cười vui vẻ, ta cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao, tưởng như đất nước thanh bình.

Ngày 30-12-67... buổi sáng họp tiếp Bộ Chính trị. Buổi chiều họp hội đồng chính phủ...

Ngày 31-12-67, 7 giờ sáng bác Hồ ung dung ra phủ chủ tịch thu thanh lời chúc mừng năm Mậu Thân, mà bác đã ngẫm nghĩ và trao đổi có lẽ đến ba tháng ròng. Bài thơ **Toàn thắng ắt về ta** như bài hịch đã đi vào lịch sử."

Bài thơ chúc mừng năm Mậu Thân với tựa đề **Toàn thắng ắt về ta** mà Hồ Chí Minh phải ngẫm nghĩ và trao đổi suốt ba tháng chỉ gồm 28 chữ, nguyên văn như sau:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua.

Thắng trận tin vui khắp nước nhà.

Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,

Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta!

Chắc chắn Hồ Chí Minh giữa kỳ dưỡng bệnh không thể hao tổn tâm lực nhiều như thế để mong có một tuyệt tác văn học. Trên thực tế, bài thơ đó không thể gọi được là thơ. Sự đắn đo suy nghĩ và trao đổi với mọi người bắt buộc phải có chỉ vì bài thơ chính là mật lệnh khởi phát cuộc tổng tấn công trong kế hoạch đã trù liệu. Trận đánh được quyết định từ nhiều tháng trước, ít nhất cũng từ trước khi Hồ Chí Minh sang Bắc Kinh dưỡng bệnh vào mùa thu 1967 là thời gian mà ý định rút khỏi chiến trường Việt Nam của người Mỹ đã trở nên rõ rệt.

Cho nên ngày 21-12-1967 khi nhận điện tín của Bộ Chính trị, Hồ Chí Minh đã qua 3 tháng nghiền ngẫm về bài thơ được gọi là bài hịch lịch sử đó. Như thế không thể cho rằng Hồ Chí Minh vì bệnh hoạn nên không biết đến công việc. Trên thực tế, Hồ Chí Minh đã tham gia chuẩn bị công việc từ nhiều tháng trước.

Vũ Kỳ thuật tiếp về những ngày sau đó, khi Hồ Chí Minh trở lại Bắc Kinh: "Thế trận đã dàn xong, ba quân đã sẵn sàng. Lời hịch (tức bài thơ nói trên) đã phát. Bác Hồ ra đi chuyến này yên tâm hơn.

Ngoài liên lạc hàng ngày, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà Nước ta vẫn thay nhau sang Bắc Kinh trực tiếp báo cáo và xin ý kiến Bác. Bốn giờ chiều thứ bảy, 20-1-68, đồng chí Lê Đức Thọ sang làm việc với bác đến 6 giờ tối. Sáng ngày 25-1-1968, đồng chí Võ Nguyên Giáp điện trực tiếp báo cáo với bác từ 8 giờ đến 9g15'. Tối 26-1-68, đã

gần đến Tết Mậu Thân, từ 7 giờ đến 8 giờ, hai bác cháu ngồi im lặng trong phòng, vặn nhỏ đài Tiếng nói Việt Nam...”

Vũ Kỳ thuật lại chi tiết buổi tối hồi hộp chờ đợi đó và cho biết khi nghe hết bài thơ chúc Tết 28 chữ, Hồ Chí Minh phấn khởi nói với Vũ Kỳ: *“Giờ này miền Nam đang nổ súng”* Sau đó, sáng Mừng Một khi được báo tin *“đánh khắp miền Nam”*, Vũ Kỳ thấy *“ánh mắt Bác rực sáng niềm vui.”* (11)

Những dòng hồi ký của Vũ Kỳ nêu rõ Hồ Chí Minh tuy ở Bắc Kinh vẫn nhận báo cáo hàng ngày từ trong nước và sáng suốt điều khiển Bộ Chính trị tại Hà Nội.

Khi đứng trước những vấn đề hệ trọng, Hồ Chí Minh dù đang dưỡng bệnh, vẫn phải trở về trong một chuyến bay vất vả và nguy hiểm chứng tỏ Bộ Chính trị rất cần sự quyết định tại chỗ và những mệnh lệnh trực tiếp của ông trước đây đủ bộ tham mưu cao cấp của đảng.

Trong khi đó, *ánh mắt rực sáng niềm vui* và lời nói đầy phấn khởi *giờ này miền Nam đang nổ súng* đã diễn tả trọn vẹn tâm tư và ý hướng của Hồ Chí Minh. Đó không phải là tâm tư và ý hướng của một người chống lại chủ trương dùng võ lực.

Lý do viện dẫn cuối cùng là Hồ Chí Minh đã bị Lê Duẩn lấn áp, khống chế. Lý do này thực sự không còn nền tảng qua những sự việc cho thấy vai trò nổi bật tới những ngày cuối đời của Hồ Chí Minh và niềm vui bộc lộ khi nghe tin đang *đánh khắp miền Nam*.

Dù Lê Duẩn được diễn tả là nắm quyền hành bao trùm miền Bắc thì hơn một tuần trước khi khai diễn trận đánh Tết Mậu Thân vẫn phải cử cánh tay thân tín nhất của mình là Lê Đức Thọ, ủy viên Bộ Chính trị, trưởng ban tổ chức trung ương đảng, đích thân bay sang Bắc Kinh gặp Hồ Chí Minh để báo cáo tình hình và nhận thêm chỉ thị từ 4 giờ đến 6 giờ chiều ngày 20-1-68.

Như thế, Hồ Chí Minh chẳng những chủ tọa các phiên họp của Bộ Chính trị vào ngày 28 và buổi sáng 30 tháng 12 mà sau đó vẫn tiếp tục ra chỉ thị cho Bộ Chính trị.

Ngoài ra, người chỉ huy cao nhất của lực lượng võ trang Cộng sản Việt Nam là Võ Nguyên Giáp cũng điện thoại trực tiếp báo cáo cho Hồ Chí Minh hơn một tiếng đồng hồ vào sáng 25-1-1968 tức 3 ngày trước khi nổ súng.

Những sự việc thực tế đó không cho phép đặt Hồ Chí Minh vào vai trò bù nhìn thất thế. Dù tập thể lãnh đạo Cộng sản Việt Nam phân bè kết nhóm ra sao thì mọi phe nhóm đều khó dám trái ý Hồ Chí Minh.

Điều mà Hồ Chí Minh nói với tướng Salan năm 1946 vẫn hoàn toàn đúng cho tới những ngày cuối đời của ông : *Họ làm được cái gì mà không có tôi ? Chính tôi đã tác thành họ mà!*

Giả dụ những sự việc đã trở thành sử liệu của Cộng sản Việt Nam trong ***Biên niên tiểu sử Hồ Chí Minh*** và những điều do Vũ Kỳ ghi lại đều chỉ là những sự việc có tính trình diễn để khai thác uy thế của Hồ Chí Minh cho đường lối chủ chiến của nhóm Lê Duẩn thì lúc đó vai trò và vị thế của Lê Duẩn đang đạt độ cao nào?

So với đám thủ hạ vây quanh Hồ Chí Minh từ 1925, Lê Duẩn không phải là một khuôn mặt nổi bật. Lê Duẩn sinh tại Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, liền dưới vĩ tuyến 17, xuất thân từ một gia đình thợ mộc, học thức mới qua bậc tiểu học, làm việc bẻ ghi cho công ty đường sắt.

Lê Duẩn tham gia hoạt động Cộng sản tại miền Nam đầu thập niên 1930, bị tù 2 lần tại Côn Đảo từ 1931 đến 1936 rồi từ 1940 đến 1945. Bùi Tín đánh giá Lê Duẩn là cùng loại với những Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Lê Đức Thọ, Phạm Hùng... là những người làm công tác đảng chuyên nghiệp không có học vấn mà Nguyễn Khắc Viện mô tả là những người làm thành *nền chuyên chính vô... học*.

Tháng 8-1945, Lê Duẩn bị chính các đồng chí bỏ quên nên mãi mấy tuần sau mới được đưa ra khỏi nhà tù Côn Đảo và chỉ được giao cho một chức vụ nhỏ tại miền Nam. Phải mất ít nhất năm năm cho tới đầu thập niên 1950, Lê Duẩn mới vươn lên trong hàng ngũ lãnh đạo thay tướng Nguyễn Bình lãnh đạo “Cục R”, là tổ chức trung ương của chi nhánh Cộng sản tại miền Nam, sau khi Nguyễn Bình bị loại. **(12)**

Sau hiệp định Genève 1954, Lê Duẩn tình nguyện ở lại nằm vùng để duy trì lực lượng, tiếp tục gây rối miền Nam và được coi là có óc tổ chức giỏi.

Đây là những lý do để Hồ Chí Minh đặc biệt lưu ý tới Lê Duẩn và sau Cải cách Ruộng đất, Lê Duẩn được chuyển ra hoạt động tại Hà Nội bên cạnh Hồ Chí Minh rồi trở thành Bí thư Thứ nhất đảng Lao động Việt Nam do chính Hồ Chí Minh đề cử nhân Đại hội kỳ 3 Trung ương đảng năm 1960.

Cho đến thời điểm này, Lê Duẩn vẫn chưa thể sánh ngang với nhiều nhân vật hoạt động tại miền Bắc, đặc biệt là so với Võ Nguyên Giáp. Thế nhưng, Hồ Chí Minh đã chọn Lê Duẩn. Vũ Thư Hiên viết về sự việc này: *“Mọi người đều ngạc nhiên trước kết quả của Đại hội. Trong kháng chiến chống Pháp, Võ Nguyên Giáp là nhân vật lãnh đạo thứ ba, chỉ sau có Hồ Chí Minh và Trường Chinh. Trường Chinh ra đi, chức Tổng Bí thư mặc nhiên phải thuộc về Võ Nguyên Giáp, ai chả nghĩ thế... Theo nhận xét của những người thuộc thế hệ đầu tiên thì cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều lo ngại ông tướng đã có quá nhiều vinh quang sẽ trở nên không dễ bảo sau cuộc đảo lộn ngôi thứ. Mà cả Hồ Chí Minh lẫn Trường Chinh đều muốn giữ lại vị trí trước kia của họ về*

thực chất, cho dù danh nghĩa không còn. Cần phải chọn một người có vị trí và uy tín kém hơn Võ Nguyên Giáp. Do biết ơn người cất nhắc mình, người đó sẽ vừa ngoan ngoãn vừa trung thành. Lê Duẩn thích hợp hơn cả với vai trò đó. Trong điều kiện đất nước chia hai, mà trước mắt là mục tiêu thống nhất đất nước thì đưa một người từng lãnh đạo miền Nam lên làm Tổng Bí thư cũng là lý do dễ thuyết phục". (13)

Lê Duẩn đã chính thức thay thế Trường Chinh nhưng chỉ có danh hiệu Bí thư Thứ nhất chứ không phải Tổng Bí thư.

Hồ Chí Minh dùng danh hiệu này vừa bắt chước máy móc theo Khrushchev lúc ấy ở Liên Xô và cũng có thể do ý muốn dựng sẵn một hàng rào hạn chế quyền lực của bất kỳ kẻ nào trở thành người lãnh đạo đảng, ít nhất là trong tương quan với Hồ Chí Minh – theo lập luận phổ biến ở miền Bắc là *Bí thư Thứ nhất khác với Tổng Bí thư*.

Thời gian Lê Duẩn có mặt bên cạnh Hồ Chí Minh trước khi chính thức trở thành Bí thư Thứ nhất là ba năm hẳn đã quá đủ để không thể che đậy xu hướng thực hiện thống nhất bằng bất cứ giá nào, kể cả cuộc chiến đẫm máu. Như vậy, điều này cũng có thể là một trong những lý do chọn lựa của Hồ Chí Minh, vì không có sự việc nào chứng tỏ Hồ Chí Minh phải miễn cưỡng chọn lựa Lê Duẩn.

Những lời Hồ Chí Minh thốt ra với Võ Nguyên Giáp trong cơn mê sảng khi còn ở Việt Bắc cũng như những lời nói với Chu Ân Lai sau này cho thấy Hồ Chí Minh đã tìm được ở Lê Duẩn sự tán đồng tuyệt đối.

Có thể nghĩ không sợ lầm lẫn rằng sau ba năm kề cận, Hồ Chí Minh đã biết chắc Lê Duẩn thực sự là cánh tay phụ tá đắc lực nên không ngần ngại chính danh vai trò phụ tá cho Lê Duẩn trong hệ thống tổ chức Đảng, đồng thời quyết định luôn cả việc kế thừa quyền lực của mình.

Tương quan giữa Lê Duẩn với Hồ Chí Minh trong khung cảnh thực tế đó có thể đúng như diễn tả của Vũ Thư Hiên là giữa người gia ơn với người chịu ơn ngoan ngoãn và trung thành.

Theo Vũ Thư Hiên, sau đó ma túy quyền lực đã khiến Lê Duẩn mù quáng kết nhóm với Lê Đức Thọ thanh toán một loạt những người quan hệ với Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp đồng thời cũng là những người có nhiều thời gian kề cận với Hồ Chí Minh hầu củng cố địa vị.

Dẫn chứng cho nhận định này, Vũ Thư Hiên đã kể trường hợp của tướng Lê Liêm, của Dương Bạch Mai và hàng loạt người khác bị nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ tống vào nhà giam. Cũng tương tự là nhận định của Bùi Công Trùng, Nguyễn Văn Trấn cho rằng Hồ Chí Minh đã bị nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ qua mặt bằng cách nào đó khi hành động như trên.

Nhưng chính Vũ Thư Hiên đã nêu ý kiến của bà mẹ là người biết rõ Hồ Chí Minh từ nhiều năm trước: *“Mẹ tôi không tin. Bà cho rằng để khởi lên một vụ lớn như thế này, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không thể không hỏi ý kiến ông Hồ, ông không thể không biết. Vụ bắt bớ chỉ được tiến hành một khi có sự đồng ý của Chủ tịch nước”*.

Thực ra, không thể quy kết những người bị thanh trừng là phe cánh của Trường Chinh hay Võ Nguyên Giáp, vì một số đông trong đó là những nhân vật miền Nam và lý do chủ yếu bị thanh trừng, như Vũ Thư Hiên đã nhắc, là xu hướng phản đối dùng võ lực để thống nhất đất nước, cụ thể như trường hợp Dương Bạch Mai.

Hầu như hết thảy đều cho rằng chủ chiến là đường lối riêng của Lê Duẩn vốn nghiêng theo Bắc Kinh còn Hồ Chí Minh muốn thực hiện đường lối *“sống chung hòa bình”* của Krutschev, nhưng Hồ Chí Minh yếu thế hơn nên bị khống chế.

Cho tới nay, ngoài những danh từ trống rỗng thiếu hẳn nền tảng thực tế, không ai nêu cụ thể nổi mức độ mạnh, yếu ra sao trong vị thế của Hồ Chí Minh và Lê Duẩn ở thời khoảng từ 1960 cho tới lúc Hồ Chí Minh chết.

Người ta cũng quên thái độ của Hồ Chí Minh lúc đó trước các áp lực của Liên Xô và Trung Cộng đã được Bùi Tín kể lại: *“... Tuy dựa vào Liên Xô và Trung Quốc, ông vẫn giữ thái độ tự chủ trong lãnh đạo chiến tranh. Không nghe theo lời Mao và Lâm Bưu khuyên là ở miền Nam chỉ nên duy trì chiến tranh du kích, chỉ nên đánh ở cỡ đại đội, nếu đánh cỡ tiểu đoàn, trung đoàn trở lên sẽ bị hỏa lực của Không quân và Pháo binh Mỹ diệt hết! Ông cũng không nghe theo lời Liên Xô khuyên là nên hạ súng, tìm giải pháp hòa bình vì Việt Nam không thể chống nổi Mỹ về mặt quân sự như lời nguyên soái Kulikov tư lệnh khối Varsovie nhận xét rằng: Việt Nam mà cứ một mực đánh Mỹ thì đất nước tan tành hết, rồi đến cái quần đùi cũng không có mà mặc”*. (14)

Trước khi nêu sự việc trên, Bùi Tín mô tả Hồ Chí Minh là người truyền bá mạnh mẽ chủ nghĩa Mác-Lênin, rồi cả chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao ở Việt Nam. Ông làm công việc tuyên truyền, giới thiệu các chủ nghĩa này với tất cả lòng hăng hái, tận tâm, coi đó là cầm nang, là vũ khí, lý luận và tư tưởng, là chân lý dẫn đến độc lập, giải phóng, hạnh phúc ở Việt Nam, ở Đông Dương và khắp mọi nơi. (15)

Con người Hồ Chí Minh qua mô tả của Bùi Tín không thể dễ dàng bị một thủ hạ chỉ là phụ tá cho mình lấn áp, khống chế, dù kẻ thủ hạ này được sự hỗ trợ của Bắc Kinh. Vả lại, qua Bùi Tín, chính Liên Xô, Trung Cộng cũng muốn xuống thang chiến tranh hoặc giải quyết vấn đề trong hòa bình nhưng không được Hồ Chí Minh nghe theo thì Lê Duẩn dựa vào đâu để ép buộc nổi Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh đã thản nhiên gạt bỏ lời cảnh cáo của một nguyên soái Liên Xô rằng cứ một mục đánh Mỹ thì *đất nước tan tành hết, đến cái quần đùi cũng không có mà mặc* vì Hồ Chí Minh là người tận tâm với chủ nghĩa Cộng sản coi mục tiêu thiết lập chế độ Vô sản chuyên chính bằng bạo lực mà Marx, Lênin, Stalin, Mao Trạch Đông vạch ra là chân lý tuyệt đối phải được tuân hành. Để đạt tới chân lý đó cái giá *đất nước tan tành cũng chấp nhận* được thì rũ bỏ một số thủ hạ nghịch ý mình đâu phải vấn đề khó khăn.

Nhưng vốn được đào tạo qui mô về nghệ thuật tuyên truyền và sẵn có biệt tài ứng phó, Hồ Chí Minh đã đạt tới phương cách hành xử luôn giữ vẹn uy danh ngay trong lúc theo đuổi những chuyện nghịch nhân tâm.

Trong quá khứ, người ta từng kết án Lâm Đức Thụ giao nạp những phần tử yêu nước nhưng chống Cộng sản cho Pháp, từng kết án Võ Nguyên Giáp lợi dụng lúc Hồ Chí Minh vắng mặt để triệt hạ, tàn sát các đảng viên Việt Nam Quốc Dân đảng, từng kết án Trường Chinh tàn nhẫn giết bà Nguyễn Thị Năm và hàng trăm ngàn nạn nhân trong Cải cách Ruộng đất... và cho rằng Hồ Chí Minh hoàn toàn vô can hoặc do áp lực buộc phải im lặng.

Trên thực tế, vào những thời điểm đó, Lâm Đức Thụ, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh đều là kẻ núp dưới bóng Hồ Chí Minh và những sự việc kia luôn đem lại thành quả mà Hồ Chí Minh mong đợi. Hành vi của Lâm Đức Thụ đã giúp Hồ Chí Minh mặc sức tung hoành tại Hoa Nam để tuyên truyền phát triển chủ nghĩa Cộng sản. Hành vi của Võ Nguyên Giáp đã giúp Hồ Chí Minh quét sạch *những kẻ thù số một* – theo mô tả của Võ Nguyên Giáp – đe dọa chia sẻ quyền lực để giữ vững thể độc tôn trên chính trường Việt Nam. Hành vi của Trường Chinh đã giúp Hồ Chí Minh mở xong đoạn đường đầu tiên xây dựng xã hội chủ nghĩa tại miền Bắc và tăng cao uy tín vì là người đứng ra ngăn chặn lỗi lầm của các cán bộ tả khuynh.

Chính Vũ Thư Hiên đã viết về tương quan giữa Hồ Chí Minh với các lãnh tụ Cộng sản Việt Nam như sau: *“Đối với ông Hồ Chí Minh, họ lúc nào cũng giữ tư cách những học trò khiêm tốn. Bên cạnh ngôi sao sáng Hồ Chí Minh, tổng bí thư Trường Chinh không có vai trò lớn như nhiều người lầm tưởng. Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp không bao giờ dám và cũng không bao giờ được phép tự mình quyết định những chủ trương lớn”*. (16)

Cũng theo Vũ Thư Hiên, vai vế của Lê Duẩn chưa so nổi với Võ Nguyên Giáp và Lê Duẩn trở thành Bí thư Thứ nhất hoàn toàn do cất nhắc của Hồ Chí Minh. Riêng Bùi Tín còn cho thấy Lê Duẩn chưa hề được nể phục qua câu chuyện những kẻ làm thành nền *chuyên chính*

vô học của Nguyễn Khắc Viện. Như vậy, Lê Duẩn có đủ can đảm và đủ quyền lực để tự quyết định các chủ trương lớn đồng thời ép buộc Hồ Chí Minh phải nghe theo không?

Tuy nhiên, Nguyễn Văn Trấn không bịa ra câu chuyện quang cảnh Hội nghị Trung ương kỳ 9 qua lời kể của Bùi Công Trừng. Nguyễn Văn Trấn ghi lại câu chuyện khi ở tuổi 80 và ghi trong tinh thần chuyện trò với mẹ nên chắc chắn là chuyện thực. Cũng thế, Vũ Thư Hiên không bịa ra câu chuyện tướng Lê Liêm được Hồ Chí Minh khuyến khích phát biểu công khai quan điểm chống chủ trương dùng bạo lực của Mao Trạch Đông rồi sau đó bỏ mặc cho nhóm Lê Duẩn xử trí. Những chuyện này đều có thực.

Nhưng Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng và Vũ Thư Hiên đã nhìn những chuyện thực này theo cái hướng không có thực là Hồ Chí Minh bị phe nhóm Lê Duẩn, Lê Đức Thọ khống chế. Đây cũng là cái nhìn mà Sainteny từng có khi cho rằng tại hội nghị Đà Lạt, Võ Nguyên Giáp quá cứng rắn khác hẳn thái độ mềm dẻo của Hồ Chí Minh.

Phùng Thế Tài đã ghi rõ trong hội nghị Đà Lạt, Võ Nguyên Giáp chỉ là người chấp hành mọi chỉ thị của Hồ Chí Minh do Phùng Thế Tài trực tiếp chuyển lại. Sainteny phàn nàn Võ Nguyên Giáp trong khi ca ngợi Hồ Chí Minh chỉ do không nhìn thấy bàn tay Hồ Chí Minh đặt sau lưng Võ Nguyên Giáp.

Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng và Vũ Thư Hiên cũng rơi vào tình thế của Sainteny những ngày trước. Hết thấy đều định ninh Hồ Chí Minh bị Lê Duẩn qua mặt hoặc khống chế vì định kiến tốt đẹp sẵn có đối với Hồ Chí Minh hoặc vì không hình dung nổi phương pháp “tay xoa tay đám” quen thuộc của Hồ Chí Minh.

Vì thế, Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng đã tỏ ý tội nghiệp Hồ Chí Minh bị Lê Đức Thọ chặn họng không cho lên tiếng trước hội nghị trong khi Vũ Thư Hiên buộc tội Hồ Chí Minh vì sợ Lê Duẩn mà nuốt lời hứa với tướng Lê Liêm.

Câu chuyện nhỏ được kể bởi nhà báo Việt Thường từng sống nhiều năm trong chế độ miền Bắc cũng có thể giúp một phần đáng kể cho việc tìm hiểu ý nghĩa thực của những chuyện kể trên.

Theo Việt Thường, vài tháng trước Tết Mậu Thân 1968, Hồ Chí Minh có nhiều cán bộ cao cấp kể cả Võ Nguyên Giáp, Tố Hữu tháp tùng... sang sân bay Gia Lâm, thăm đơn vị tên lửa và không quân để động viên. Câu chuyện do Việt Thường ghi thuộc loại chuyện bên lề không đăng trên tờ báo nào tại Hà Nội lúc đó, nhưng được kể ở hầu hết các tòa soạn báo, đài và cả ở quán cà phê, quán bia hơi ở Hà Nội.

“Khi nghe tin Hồ đến thăm đơn vị, lính ngự (17) trong binh chủng phòng không, không quân vừa đi học ở Nga Xô về, ào ào chạy ra chào

có hàng ngũ gì cả. Từ tư lệnh binh chủng cho đến tụi bảo vệ, cho đến Tổ Hữu, Văn Tiến Dũng đều vây quanh Hồ để bảo vệ, trong khi Võ Nguyên Giáp cầm loa điện cầm tay gào lên: "Yêu cầu trật tự", mà lính nguy cù lờ đi. Hồ bèn giật lấy loa trên tay Giáp và hô: "Nghiêm". Theo "phản xạ lính", tất cả đứng nghiêm. Hồ lại hô: "Tất cả xếp hàng, 5 hàng dọc"! Bọn lính vội xếp hàng. Hồ hô tiếp "Nghiêm"! rồi lại hô "Nghĩ"; và cuối cùng hô: "Nghiêm! Đứng sau quay! Đều bước!" Bọn lính nguy răm rắp làm theo. Bấy giờ Hồ cười cười quay lại bảo Giáp: "Chú là đại tướng vậy mà không biết điều khiển lính!" (18)

Thuật lại chuyện này, Việt Thường đã nêu câu hỏi: “*Một tên gián điệp lão luyện, phản ứng rất nhanh như Hồ, ăn nói với phó thủ tướng, bộ trưởng, đại tướng như nói với thằng nhỏ, con sen như vậy, liệu có thể là kẻ để cho Lê Duẩn khống chế không?*” (19)

Trước Tết Mậu Thân vài tháng, Hồ Chí Minh đang phải dưỡng bệnh mà vẫn giữ nguyên phong độ chế ngự thuộc cấp như vậy thì 4 năm trước đó, năm 1963, Hồ Chí Minh có thể khoan tay chịu nín khe dưới sự khống chế của một kẻ phụ tá vừa được chính mình ban cho ngôi vị không?

Chiếu theo câu chuyện này và uy thế mà Hồ Chí Minh có cho đến trước trận đánh Tết Mậu Thân 1968, chỉ có thể nói trong kỳ hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng 1963, tướng Lê Liêm đã sa bẫy, bị Hồ Chí Minh lợi dụng làm con mồi lôi kéo để làm lộ mặt những kẻ chống chủ trương đánh lớn và việc Hồ Chí Minh khoan tay im lặng là tấn tuồng trút mọi trách nhiệm cho Lê Duẩn, Lê Đức Thọ không hơn không kém. Có thể chính Lê Duẩn, Lê Đức Thọ cũng sa bẫy như Lê Liêm dưới một hình thức nào đó mà không hay nên sau này mới tụt hào là đã sáng suốt chủ chiến.

Những người tin rằng Lê Duẩn đặt được Hồ Chí Minh vào cảnh “*ngồi chơi xơi nước*” để phát động chiến tranh chống lại miền Nam và mở cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân, có thể không lưu tâm tới một số hoạt động của Hồ Chí Minh từ Hội nghị 9 kể trên tới phiên họp Bộ Chính trị ngày 28-12-1967 đã được ghi rõ trong ***Biên niên tiểu sử*** và ***Hồ Chí Minh toàn tập***:

– Ngày 10-12-1963: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị bàn về vấn đề miền Nam sau khi Ngô Đình Diệm bị đảo chính...

– Ngày 27 & 28-3-1964: Hồ Chủ tịch chủ trì Hội nghị Chính trị Đặc biệt họp tại Hà Nội... chỉ thị cho đồng bào, cán bộ miền Bắc... “*phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào ruột thịt miền Nam*”...

– Ngày 19-7-1964: Phát biểu tại cuộc mít-tinh của hơn 40 vạn đồng bào thủ đô, Người kêu gọi “*mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam*”.

– Ngày 25-9-1964: Chủ tịch Hồ Chí Minh họp Bộ Chính trị bàn về chủ trương đấu tranh và đường lối quân sự trước tình hình Mỹ tăng cường lực lượng quân sự ở miền Nam... Hồ Chủ tịch mời cơm Đại tướng Nguyễn Chí Thanh và Thiếu tướng Lê Trọng Tấn chuẩn bị vào chiến trường công tác...

– Tháng 3-1965: Hồ Chủ tịch chủ trì ba hội nghị Bộ Chính trị và một hội nghị Ban Chấp hành Trung ương để bàn về Cách mạng miền Nam, về tình hình nhiệm vụ cấp bách trước mắt ...

– Ngày 10-4-1965: Trong phiên bế mạc kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa III, Người khẳng định: “Lúc này chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước”

– Ngày 14-7-1965: Hồ Chủ tịch họp hội nghị Bộ Chính trị bàn về tình hình miền Nam. Người nêu cao quyết tâm “Tất cả để chiến thắng ở miền Nam”.

– Ngày 20-7-1965: Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước... là “dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”.

– Ngày 7 tới 18-12-1965: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị bàn về tình hình miền Nam và công tác ngoại giao.

– Ngày 30-12-1965: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị bàn về thái độ của ta đối với tuyên bố 14 điểm của Chính phủ Mỹ về thương lượng hòa bình. Người đề nghị ta chỉ đưa ra “Tuyên bố bốn điểm” trả lời trước dư luận Mỹ và thế giới thì tự nhiên tuyên bố của Mỹ sẽ “như ném hạt cát vào mắt người ta”.

– Ngày 6-1-1966: Hồ Chủ tịch tiếp Thứ trưởng Ngoại giao Ba Lan. Người nói: “Tại sao Mỹ phải đi gõ cửa khắp nơi? Chính Mỹ gửi quân đến đây, bây giờ Mỹ phải đình chỉ xâm lược... Mỹ phải rút đi!... Dù Mỹ có tăng thêm quân bao nhiêu cũng không làm gì được chúng tôi. Nhân dân Việt Nam không sợ. Nếu đời chúng tôi không hoàn thành thì con cháu chúng tôi sẽ hoàn thành”.

– Ngày 16-1-1966: Hồ Chủ tịch thăm và nói chuyện với Hội nghị cán bộ cao cấp... khẳng định: “Bây giờ Mỹ có 20 vạn quân ở miền Nam, có thể đưa thêm vào hơn nữa đến 30, 40, 50 vạn quân. Ta vẫn thắng, nhất định thắng”.

– Ngày 12-3-1966: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị nghe báo cáo tình hình chiến sự miền Nam, đồng ý tuyển 50.000 quân đợt 3 và đợt 4 năm 1966... và cho tuyển 5.000 nữ (hoặc hơn) nhập ngũ đợt này...”

– Ngày 16 & 17-10-1966: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị nhấn mạnh bất luận thế nào ta cũng phải nắm phần chủ động đánh Mỹ, thắng Mỹ: “Vô luận thế nào, không đánh cho nó như tử thì nói gì cũng khó”.

– Từ 15 đến 30-8-1967: Hồ Chủ tịch họp Bộ Chính trị cho ý kiến về bản cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền nam Việt Nam...

Hoạt động và lời lẽ tuyên bố đó đủ để khắc họa chủ trương của Hồ Chí Minh và đủ để xác nhận chưa bao giờ Hồ Chí Minh lâm cảnh “ngồi chơi xơi nước”, ngay cả trong trường hợp nhóm Lê Duẩn tha thiết mong làm việc này.

Như vậy, cả ba lý do viện dẫn để đẩy Hồ Chí Minh xa khỏi việc khởi chiến chống lại miền Nam và trận đánh Tết Mậu Thân 1968 đều không còn cơ sở.

Một viện dẫn khác là những tin đồn về việc Hồ Chí Minh đã gửi thiệp chúc Tết tới Ngô Đình Diệm và cho mở những tiếp xúc sơ khởi với Ngô Đình Nhu trong ý hướng tiến tới lập “*Liên bang Đông Dương*”.

Cho tới nay, không hề có một tài liệu nào ở cả mọi phía cho thấy những tin đồn trên là sự thực. Nhưng cứ giả dụ những điều đó đã xảy ra thì cũng không ai quên Hồ Chí Minh là môn đệ tận trung của Lênin, là kẻ theo chủ nghĩa Stalin thuần thành, từng được chính Khrushchev gọi là “tông đồ” Cộng sản.

Do đó, trong đấu tranh, Hồ Chí Minh không bao giờ có thể bỏ quên các nguyên lý chủ nghĩa Lênin nên tuy “*ông sống và làm việc nhưng không phải ông, mà chính Lênin sống và hoạt động trong ông*”. (20)

Với tư cách đó, mục tiêu chiến lược tối hậu của Hồ Chí Minh phải là tiêu diệt chủ nghĩa Tư bản nên tỏ ý hòa hoãn với chế độ Việt Nam Cộng hòa khó thể nằm ngoài sách lược giai đoạn để tiến tới thôn tính. Nhưng thực hiện sách lược giai đoạn này không hoàn toàn tùy thuộc ý muốn của Hồ Chí Minh. Vì phía sau Hồ Chí Minh còn có áp lực của Liên Xô, Trung Quốc và phía sau Việt Nam Cộng hòa còn có áp lực của Mỹ. Thêm nữa, những người lãnh đạo Việt Nam Cộng hòa như Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu đều có kinh nghiệm về liên hiệp với Cộng sản nên ngay cả khi không có những áp lực Quốc tế cũng chưa dễ tiến đến hiệp thương, trừ phi Hồ Chí Minh không còn là tín đồ của Cộng sản chủ nghĩa tức là thành tâm đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết. Đòi hỏi này hoàn toàn bất khả với mẫu người Hồ Chí Minh đã được biểu hiện qua mọi hành động và ngôn ngữ suốt nhiều năm tháng kể từ những năm giữa thập niên 1920.

Cho nên, dù quả tình Hồ Chí Minh đã gửi thiệp chúc Tết cho Ngô Đình Diệm thì hành vi này cũng không hơn hành vi tuyên bố giải tán đảng Cộng sản Đông Dương năm 1945 hoặc những cử chỉ khiêm nhường, bày tỏ thiện chí với Huỳnh Thúc Kháng, với Nguyễn Hải Thần... từng có.

Tóm lại, mọi biện giải cho rằng Hồ Chí Minh là người hiếu hòa, không dính dấp tới cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 tại miền Nam, thậm chí Hồ Chí Minh còn chống lại chủ trương thống nhất đất nước bằng vũ lực đều chỉ là những lời lẽ mơ hồ. Càng mơ hồ hơn nữa là nhận định cho rằng Hồ Chí Minh đã bị thủ hạ khống chế. Thực tế tại Việt Nam trước và sau khi Hồ Chí Minh chết đều nói ngược lại với nhận định trên.

Tại Việt Nam cho tới giờ này, chưa một lãnh tụ nào dám hé răng phê bình Hồ Chí Minh về bất cứ điều gì trong khi cố sức tôn vinh Hồ Chí Minh bằng mọi hình thức và hàng ngày hết thầy vẫn không ngừng nhắc lại một câu nói của Hồ Chí Minh: “*Chỉ có chủ nghĩa Cộng sản mới cứu nhân loại... Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.*”

Rõ ràng cho tới nay, hết thầy vẫn còn đang được Hồ Chí Minh dắt dẫn hay nói khác đi là chưa thoát khỏi vòng khống chế của HCM.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG 49

(01)-(02)-(03) Đêm giữa ban ngày – Vũ Thu Hiền, tr. 228-230

(04) Vietnam, la face cachée du régime – Bùi Tín, tr. 71. Dưới cước chú, tác giả ghi là chuyện xảy ra năm 1983 và tác giả ghi âm trước sự chứng kiến của nhiều người trong đó có Hoàng Tùng, ủy viên ủy ban tư tưởng của đảng, Đông Ngọc, phụ tá tổng bí thư đảng và Nguyễn Cần.

(05) Viết gửi mẹ và Quốc hội – Nguyễn Văn Trấn, tr. 328

(06)-(08) Mật thật – Thành Tín, tr. 113-114 & 179-187.

(07) Về các vụ tàn sát tập thể này, tin tức cho biết trong số nạn nhân có hai linh mục VN là Hoàng Ngọc Bang và Lê Văn Hộ; hai linh mục Pháp là Urbain và Guy thuộc dòng Benedicto Thiên An. Tên 4 người Đức được ghi nhận là bác sĩ và bà Hort Gunther Krainick, bác sĩ Raimund Discher và bác sĩ Alois Alterkoster. Họ là những người tình nguyện đến dạy học ở Đại học Y khoa Huế, bị Cộng sản bắt ngày 5-2-1968, về sau tìm thấy xác gần khu Chùa Tường Vân. Theo Bùi Tín trong hồi ký **Mật thật** thì có 5 bác sĩ Đức bị giết. Ông Nguyễn Lý Tường ghi thêm tên một linh mục Việt bị giết nữa là cha Bửu Đông. Và ông Nguyễn Trấn nói còn có thêm nhiều người Phi Luật Tân cũng bị giết trong vụ này.

Trong hồi ký **Mật Thật**, Bùi Tín cho là con số 3000 là hơi cao so với thực tế, vì “Đào lên 50, 100 cho đến 200 thì hài thì đã cảm thấy ghê gớm lắm, có cảm giác như là 400, 500...” Nhưng sử gia Trần Gia Phụng, trong cuốn **Án tích Cộng sản Việt Nam** (tr. 310) đã ghi lại một bản tổng kê số người bị giết ở 19 địa điểm khác nhau thì thấy có những con số rất là chi tiết, ví dụ: Trường Gia Hội 203 xác; chợ Thông 102 xác; Khe Đá Mài 428 xác v.v... cộng là 2326 xác. Trần Gia Phụng chú thích là ghi theo số

liệu của Bác Sĩ Elje Vannema, người Hòa Lan nhập tịch Canada, dạy ở Đại học Y khoa New York viết trong cuốn *The Vietcong Massacre at Hue*. Lúc xảy ra biến cố, vị nữ bác sĩ này có mặt tại chỗ. Theo Stephen Hosmer tác giả cuốn **Vietcong Repression and its implications for the future** (tr. 217), ngày 14- 6- 1968, sự đoàn 1 Không kỵ Hoa Kỳ đã bắt được một tài liệu của của VC trong đó có cuốn sổ tay của một cán bộ CS ghi: “Toàn bộ hệ thống chính quyền ngụy từ xã tới tỉnh đã bị tiêu diệt hoặc phá vỡ. Hơn 3000 tên đã bị giết.”

Trong tác phẩm của nữ bác sĩ Vannema, các mô tập thể được nói rất chi tiết. Ví dụ ngay khu trường Gia Hội tuy nói có 203 xác, nhưng không phải chôn chung trong một hố mà có tới 14 hố tìm thấy trước gồm 101 xác, sau mới khám phá thêm nhiều hố khác, cộng cả lại là 203. Như vậy, con số 2326 xác không phải là phóng đại hay do lóa mắt nhìn sai, đếm tăng lên. Con số này chỉ là số xác đã tìm thấy trong khi có thể còn nhiều xác khác chưa tìm được. Cho nên nếu ước lượng khoảng 3000 cũng không hẳn là thổi phồng hay bịa đặt như sử gia Mỹ Marilyn Young đã viết.

(09) Về tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt Tết Mậu Thân 1968 - Cao Văn Lượng. Nghiên cứu Lịch sử số 1 - Tháng 1 & 2-1993.

(10) Biên niên tiểu sử – T. 10, tr. 24

(11) Bài báo của Vũ Kỳ trích dẫn ở đây do Sơn Tùng đọc ngày 11-4-2001 tại trường Cán bộ Quản lý Giáo dục Hà Nội.

(12) Nhiều người nghi có bàn tay Lê Duẩn trong việc tướng Nguyễn Bình bị Pháp giết vào năm 1951, khi ông bị gọi ra Bắc. Lộ trình của Nguyễn Bình đã bị một kẻ nào đó mật báo cho Pháp. Nguyễn Bình tham gia Việt Nam Quốc Dân đảng rồi hợp tác với Cộng sản, trở thành Tư lệnh Lực lượng Kháng chiến chống Pháp tại Miền Nam từ 1945.

(13)-(16) Đêm giữa ban ngày – Vũ Thư Hiên, tr. 328 & 223

(14)-(15) Mặt thật – Thành Tín, tr. 91 & 89

(17)-(18)-(19) Con yêu râu xanh – Việt Thường tr. 227- 228. Việt Thường luôn dùng chữ Ngụy để gọi Cộng sản, xin đừng lầm với chữ Ngụy do Cộng sản gán cho chế độ Việt Nam Cộng hòa.

(20) Nhân hai chữ “tông đồ” mà Khutshchev tặng ông Hồ, chúng tôi liên tưởng tới lời thánh Phaolô là đại tông đồ của chúa Giêsu Kitô: “Vivo, jam non ego. Vivit vero in me Christus – Tôi sống, song không phải tôi sống, mà là Đấng Kitô sống trong tôi”.

Chương 50

HỒ CHÍ MINH

và Titô Việt Nam?

Không chỉ riêng Neil Sheehan trưng dẫn ý kiến của nhà ngoại giao George Tabbott để cho rằng nếu các chính quyền Mỹ đừng ruồng rẫy Hồ Chí Minh thì ông ta đã có thể thành một thứ Titô của VN và như vậy đã tránh được chiến tranh. Nhiều sử gia khác như Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Stanley Karnow... cũng khẳng định tương tự.

Hai nhân vật này có gì giống nhau và khác nhau? Hoàn cảnh hai đảng, hai nước Cộng sản Nam Tư - Việt Nam như thế nào? Và điều được các sử gia nói gần gũi ra sao với sự thật?

Josip Broz Titô sinh năm 1892 trẻ hơn Hồ Chí Minh 1 hoặc 2 tuổi (1) và mất năm 1980, sau Hồ Chí Minh 11 năm. Titô được đào tạo tại Liên Xô, đã sống tại đây khoảng 7 năm. Hồ Chí Minh cũng được đào tạo tại Liên Xô và sống ở đây khoảng 5 năm.

Cả hai đều là lãnh tụ Cộng sản, đến khi chết vẫn hãnh diện là đồ đệ trung kiên của Mác-Lênin. Cả hai đều tàn sát những người khác chính kiến, đều áp dụng nguyên lý duy vật biện chứng trong cách hành xử, giành quyền bính bằng mọi giá. Cả hai đều đề cao lý tưởng Cách mạng Vô sản, đều cổ vũ tiến tới Vô sản chuyên chính, lấy đó làm cứu cánh biện minh cho mọi hành động. Trên thực tế, sau khi cả hai nắm được quyền lực, giai cấp Vô sản tại cả hai quốc gia Nam Tư – Việt Nam lại bị thiệt thòi hơn hết.

Điểm khác biệt thứ nhất là Titô nhờ tách khỏi khối Cộng sản Liên Xô nên được Tây phương viện trợ dồi dào khiến người dân Nam Tư có một chút tự do hơn, đỡ đói khổ hơn so với người dân Việt Nam. Điểm khác biệt thứ hai là Nam Tư không phải trải một cuộc chiến kéo dài ba mươi năm như Việt Nam.

Theo các sử gia trên, nếu Hồ Chí Minh trở thành Titô Việt Nam thì điểm khác biệt thứ hai chắc chắn không xảy ra, tức là người dân Việt Nam không phải trải cảnh máu lửa, đồng thời các quốc gia Tây Phương như Pháp, đặc biệt là Mỹ không vướng vào chiến tranh như đã vướng.

Trở ngại lớn nhất khiến Hồ Chí Minh không thể biến thành Titô Việt Nam, theo các sử gia trên, là do các chính quyền Mỹ từ chối lời cầu thân của Hồ Chí Minh được đưa ra vào năm 1945. Sự từ chối khiến Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác ngoài việc chấp nhận dựa vào Liên Xô – Trung Cộng trong khi Mỹ theo đuổi đường lối ngăn chặn sự bành trướng ảnh hưởng Cộng sản trên thế giới.

Lập luận này nêu hai lý do trực tiếp đưa đến cuộc chiến Việt Nam: thứ nhất là nguyện vọng giải phóng dân tộc do Mặt trận Việt Minh theo đuổi và thứ hai là mục tiêu chống Cộng của các chính quyền Mỹ.

Do mục tiêu chống Cộng, các chính quyền Mỹ đã hỗ trợ Pháp trở lại Việt Nam và do mục tiêu giải phóng dân tộc, Mặt trận Việt Minh đã phát động kháng chiến với hậu quả kéo dài tới mãi năm 1975.

Những người nêu lập luận cho rằng cả hai lý do trên đều không xảy ra nếu các chính quyền Mỹ chấp nhận lời cầu thân của Hồ Chí Minh. Bởi, trong trường hợp này, Pháp không có sự hỗ trợ của Mỹ sẽ phải tôn trọng nền độc lập của Việt Nam và Hồ Chí Minh được Mỹ nhận là Đồng minh sẽ tách khỏi khối Cộng sản, như Titô năm 1948.

Như thế, cả lý do giải phóng dân tộc lẫn lý do chống Cộng đều đã giải trừ và cuộc chiến Việt Nam không thể bùng nổ.

Robert Shaplen viết: *"...Pháp và Mỹ, nhất là những nhà làm chính sách ở Paris, đã sai lầm lớn khi không thương lượng với Hồ Chí Minh một cách thực tiễn hơn trong những năm 1945-46 là lúc ông ta rất có thể đã được biến thành Titô (Titôfied), ngay trước khi chưa nghe ai nói đến Titô hay "chủ nghĩa Titô" (Titôism); và như vậy một loạt biến cố đã có thể khác đi và đã tránh được nhiều máu đổ; và ngày nay đã có được một nước VN thống nhất; ngay cả nếu có bị lãnh đạo bởi phe tả, thì vẫn trở thành bức tường ngăn chặn của khối quốc gia trung lập ở Đông Nam Á là những nước đang muốn tránh bị Trung Cộng thống trị". (2)*

Xóa bỏ các biến cố đã xảy ra để thay thế bằng các biến cố giả tưởng là việc làm hoàn toàn vô nghĩa, nhất là trong trường hợp sự giả tưởng chỉ theo suy diễn chủ quan dựa trên nền tảng là những sự việc vụn vặt mơ hồ được cố tình gán ghép một ý nghĩa nào đó.

Thực khó nghĩ là đang đối diện với một người nghiêm túc khi nghe người đó xác quyết chắc chắn tránh khỏi cuộc chiến Việt Nam, nếu chính quyền Mỹ hiểu như anh trung úy John nào đó rằng Hồ Chí Minh là người *dịu ngọt kinh khủng, rằng Hồ Chí Minh từng viết thư cho tướng Trương Phát Khuê của Trung Hoa Dân Quốc hứa sẽ giúp tổ chức mạng lưới tình báo ở Đông Dương và rằng từng có vài người Mỹ nghĩ ông ta sẵn sàng đứng về phe Tây Phương...*

Nhưng theo các tác giả Shaplen, Buttinger, Lacouture, Neil Sheehan... đây chính là những chứng liệu bằng vàng cho thấy lịch sử bắt buộc phải xoay chiều nếu giới lãnh đạo Mỹ không *quá ngu* để nhìn ra vào năm 1945!

Buttinger còn quả quyết: *"Tôi có thể đi xa hơn nữa để nói rằng vì những lý do thúc bách của lịch sử, Hồ Chí Minh đã trở thành một người theo chủ nghĩa Titô hơn cả chính Titô".*

Những chứng liệu bằng vàng này cùng lập luận về *lịch sử xoay chiều* kể trên khó tránh dẫn đến những nụ cười dành cho một trình độ nhận thức chính trị mang nặng tính hài hước.

Tuy nhiên, cứ giả dụ Buttinger và các tác giả trên hoàn toàn có lý và cứ giả dụ các chính quyền Mỹ biết rõ Hồ Chí Minh là người *dju ngọt kinh khủng* và bắt tay với ông ta thì thực tế Việt Nam sẽ ra sao?

Năm 1985, nữ học giả Anh, Nora Beloff viết tác phẩm ***Tito's flawed legacy – Di sản có tỳ vết của Titô, (3)*** sau nhiều năm lui tới nghiên cứu tại chỗ về Nam Tư đã có một số ghi nhận đáng lưu ý, đại để như Titô không đánh phát xít Đức bằng đánh phe quốc gia thân Tây Phương, trong đó có cộng đồng người Chetniks (4) mà lãnh tụ là nhà ái quốc Mihaelovic. Nhân vật này không tìm cách trốn ra ngoại quốc, sau khi Cộng sản toàn thắng ở Nam Tư, mà ở lại tìm cách quy tụ người Serb chống Cộng. Ông bị bắt trong rừng, bị kết tội phản quốc và xử tử ngày 17-7-1947. (5)

Nữ tác giả Nora Beloff khẳng định Titô không phải nhà ái quốc. Ông ta luôn luôn đặt quyền lực và chủ nghĩa Cộng sản trên tổ quốc. Nora Beloff cũng chê Churchill và Roosevelt ngây thơ, dễ tin khi xử trí với Titô, vì Titô theo đúng con đường của Stalin là độc đảng, độc tài, diệt đối lập, kể cả đồng chí như Djilas chẳng hạn. Tác giả nhắc lại lời Stalin khen tặng Titô sau thế chiến II về sự tàn bạo đối với phe đối lập: *“Titô là ngọn tháp của sức mạnh. Ông ta đã quét sạch bọn chúng”*. (6) Theo Nora Beloff, không nên nhìn Nam Tư qua màu kính hồng mà nên ủng hộ những ý kiến tiến bộ đang nảy nở trên đất nước này, tức là sau khi chế độ Cộng sản sụp đổ tại đây.

Titô trở nên nổi tiếng và có danh từ chủ nghĩa Titô chỉ do quyết định tách khỏi tổ chức Quốc tế Cộng sản, không chịu đặt dưới sự lãnh đạo của Đệ tam Quốc tế từ tháng 6-1948 (lúc ấy không còn mang tên Comintern mà trở thành Cominform – Phòng Thông tin Quốc tế CS).

Hành động này rõ ràng xác định thế tự chủ, chống lại sự chi phối của Liên Xô nên được Tây Phương hỗ trợ. Nhờ vị trí Nam Tư ở giữa nhiều quốc gia thuộc khối Tây Phương như Ý, Áo, Hy Lạp và được Mỹ, Anh ủng hộ nên Stalin không đàn áp nổi phong trào ly khai này. Đây là trường hợp ly khai thành công duy nhất trong khối Cộng sản Đông Âu.

Titô thành công trong việc thoát khỏi vòng kiểm tỏa Liên Xô và được báo chí thế giới lấy tên đặt tên cho một chủ thuyết chính trị mới là chủ nghĩa Titô.

Nhưng chủ nghĩa Titô là gì, đã mang lại gì cho đời sống của đất nước Nam Tư? Nữ tác giả Nora Beloff xác định đó chỉ là con đường độc đảng, độc tài, diệt đối lập bất kể đồng chí hay người yêu nước, rập khuôn đúng chủ thuyết Stalin tàn bạo.

Điều mà Nora Beloff nêu lên đã được Milovan Djilas, nhân vật lãnh đạo thứ hai của Nam Tư sau Titô nêu lên từ cuối thập niên 1950. Milovan Djilas là đồng chí kề cận, là bạn thân của Titô nhiều năm trong tranh đấu nhưng nhìn thấy Cộng sản là một chủ nghĩa hoàn toàn không tưởng và cũng nhìn thấy Titô không thể từ bỏ chủ nghĩa Cộng sản dù đã tách khỏi khối Cộng sản Quốc tế và được Tây Phương hỗ trợ.

Với vai trò phụ tá cho Titô, Milovan Djilas thấy rõ Titô vẫn tiếp tục là Cộng sản và tiếp tục áp dụng chế độ Cộng sản Mác–Lênin tại Nam Tư, bất chấp những hậu quả phản lại nguyện vọng nhân dân đồng thời di hại cho đất nước.

Theo Milovan Djilas, sở dĩ Titô bám lấy chủ nghĩa không tưởng này vì “*nó tạo nên quyền lực của lãnh tụ cũng như nó đòi hỏi điều kiện tiên quyết là một đảng có kỷ luật tuyệt đối và một lãnh tụ độc tôn.*”

Cho nên, dù ảnh hưởng viện trợ kinh tế Anh, Mỹ buộc Titô phải có một số nói lỏng trong chính sách cai trị so với Liên Xô, chế độ ở Nam Tư vẫn hoàn toàn là chế độ “*chuyên chính Vô sản*”– *dictatorship of the proletariat*, nghĩa là chế độ độc tài toàn diện (7).

Các nhân vật đối lập vẫn bị bỏ tù, bị sát hại. Mọi mầm mống dân chủ hóa đều bị triệt tiêu. Tình trạng này không được miễn trừ ngay với Milovan Djilas, khi nhân vật này cho phổ biến tác phẩm **Giai cấp mới** năm 1957 mô tả tình trạng bất công trong xã hội Nam Tư, vì chế độ chính trị đã tạo ra một giai cấp đặc quyền đặc lợi, mặc tình tác oai, tác quái những lạm, hà hiếp quần chúng để thâu đoạt lợi lộc cho bản thân.

Trên thực tế, Milovan Djilas không hô hào nổi dậy chống Titô, không kêu gọi lật đổ chế độ Cộng sản. Milovan Djilas chỉ phân tích thực tế đời sống, nêu ra các mặt tệ hại không nên kéo dài để đề nghị tìm biện pháp cải tổ cần thiết hầu đem lại cho người dân những điều kiện dễ thở hơn đôi chút về cơm áo và tự do. Ngay lập tức, Milovan Djilas đã bị Titô lột hết quyền chức, tống vào nhà tù với tội danh “*theo chủ nghĩa xét lại*”. Riêng cái tên tội danh *chủ nghĩa xét lại* gán cho Milovan Djilas đủ cho thấy không có sự khác biệt giữa chủ nghĩa Titô với *chủ nghĩa Mác–Lênin*, vì dù mang tên nào chủ nghĩa đó cũng không rời con đường độc tài thống trị, đặt dân chúng vào cảnh sống không còn một quyền hạn tối thiểu, ngoài phận sự phục tùng mọi chỉ thị của kẻ cầm quyền.

Trong chế độ đó, đối tượng phụng sự không phải đất nước, không phải nhân dân mà chỉ là cá nhân lãnh tụ với một thiểu số nô bộc xung quanh.

Milovan Djilas gọi thiểu số này là *giai cấp mới*, dựa theo uy quyền tối cao của lãnh tụ vun quén một cuộc sống phè phỡn thừa mứa trong khi đại đa số nhân dân quật quã trong áp bức, đói rét. Đây là luận cứ để nữ tác giả Nora Beloff nói Titô không phải người yêu nước vì luôn đặt

quyền lực và chủ nghĩa Cộng sản lên trên hết.

Về điểm này, chắc chắn không cần sự chấp nhận kết giao của các chính quyền Mỹ, không cần sự thương lượng thực tiễn của người Pháp, Hồ Chí Minh đã biến thành Titô từ trước khi có chủ nghĩa Titô.

Titô và Hồ Chí Minh là hai lãnh tụ có cùng một tính chất, có cùng một lý tưởng và cùng được rèn giũa kỹ lưỡng theo một đường lối hành động từ cùng một lò đào tạo.

Titô kiên trì theo đuổi chủ nghĩa Cộng sản với chủ trương giành đoạt và duy trì quyền lực độc tôn bằng mọi giá. Cho nên, dù được Tây Phương hỗ trợ thoát khỏi vòng kiềm tỏa của Liên Xô, Titô vẫn không rời chủ nghĩa Cộng sản, tự phong là Tổng thống trọn đời và tiếp tục củng cố địa vị bằng những biện pháp sắt máu bất kể hậu quả của những biện pháp này xô đẩy đời sống người dân Nam Tư vào cảnh ngộ bị đày đọa ra sao. Nói cách khác, Titô chỉ đam mê theo đuổi tham vọng cá nhân chứ không nghĩ đến quyền lợi của nhân dân Nam Tư.

Hồ Chí Minh không hề khác biệt Titô qua lời tán tụng của Krutshshev về sự tận tụy với chủ nghĩa Cộng sản và qua thổ lộ của chính Hồ Chí Minh với Lucien Laurat : "*Tôi luôn đứng về phía quyền lực. Chỉ có bộ phận này mới có thể hậu thuẫn được cho tôi.*" (8)

Thực tế Nam Tư qua diễn tả của M. Djilas và Nora Beloff cũng không khác biệt với diễn tả của Michel Tauriac về thực tế VN – *một xã hội công an lúc nhúc như rắn rết, linh mục bị đàn áp, tăng sĩ bị tấn công, trẻ ăn xin đầy đường phố, giới trẻ không phương hướng, bắt giam người không cần xét xử, nhà văn bị cấm viết những gì cần viết, nhà báo nhận lệnh phải viết bất cứ thứ gì, quan chức tham ô nhét tiền đầy túi trong khi dân chúng luôn quần quai với cái bụng trống không...* (9)

Bùi Tín luôn kính trọng Hồ Chí Minh cũng thú nhận dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Việt Nam vắng bóng hẳn ba hạng người cần thiết cho đời sống là người phát triển kinh tế, người bảo vệ luật pháp và người thể hiện tự do.

Tất nhiên, sự vắng bóng ba loại người trên không do lịch sử thô thúc, không do Pháp–Mỹ từ chối kết thân với Hồ Chí Minh mà chủ yếu khởi phát từ những biện pháp củng cố quyền lực của Hồ Chí Minh, tức từ nhu cầu thể hiện tham vọng cá nhân của lãnh tụ bao hàm trong chân lý mà lãnh tụ tôn thờ và đường lối hành động mà lãnh tụ chọn lựa.

Kết quả cụ thể là lãnh tụ trở thành thần thánh ngự trị trên ngai quyền lực còn quần chúng sống trong nghèo đói, bất công và áp chế.

Joseph Buttinger, Robert Shaplen, Stanley Karnow, Neil Sheehan... chê bai các chính quyền Pháp–Mỹ *quá ngu dốt* khẳng khái duy trì chính sách ngăn chống Cộng sản đến nỗi bỏ lỡ cơ hội biến Hồ Chí Minh thành Titô đã cho thấy một khoảng trống trong kiến thức về Cộng

sản và về thực tế ở cả Việt Nam lẫn Nam Tư.

Vì trên thực tế, Hồ Chí Minh không khác Titô và chủ nghĩa Titô cũng chỉ là cái tên gọi khác của chủ nghĩa Mác–Lênin đã được Stalin hóa. Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành Titô từ trước năm 1948 và rõ ràng còn Titô hơn cả Titô như Buttingger từng mong ước.

Titô tách khỏi vòng chi phối của Liên Xô nhưng vẫn đối xử với những người khác chính kiến theo cung cách của Stalin. Trong cuốn **Titô (10)**, Milovan Djilas nhắc tới các trại tập trung nổi tiếng ở Goli Otok trong đó riêng số đảng viên bị giam giữ vì nghi ngờ phản đảng hay có khuynh hướng thân Liên Xô, còn luyên tiết Phòng Thông tin Quốc tế Kominform đã có khoảng 15 ngàn người. Những người này thường xuyên bị tra tấn, có khi bị dúi đầu vào đồng phân và khi được thả hầu hết không còn hình dạng người nữa.

Cảnh tù đầy không thiếu tại Việt Nam và đã được Tauriac lược thuật: *“70 hoặc 80 người bị nhét vào một xà lim dành cho 20 người với một cái lỗ đào dưới đất để tiểu tiện, một chút nước với chút gạo đổ trộn sạn làm thức ăn, nước uống nhiễm độc và rất hiếm hơi, không thuốc men, không một tấm mền che gió bắc lạnh thấu xương ở vài vùng, không thư từ, không thăm viếng... Việc lao động khổ sai bất kể tuổi tác (nhiều khi cái tạo già hơn 70 tuổi) dưới mặt trời thiêu đốt hay trong gió mùa khốc liệt... Kẻ hành hạ “không cần nghe nạn nhân giải thích lý do hành động của mình, cũng không cần nêu bất kỳ lý do nào để cho nạn nhân biết tại sao họ bị giết”... Cán bộ tuyên bố với tù nhân là mình được đào tạo để trừng trị căn bã của xã hội Tư bản bằng cách tận diệt chúng... Đảng đã ra lệnh như thế.” (11)*

Trong **A Dragon embattled**, Buttinger đã viết về việc Hồ Chí Minh thành lập Mặt trận Liên Việt ngày 27-5-1946 như sau: *“Thực ra Liên Việt chẳng là gì khác hơn một thứ siêu Việt Minh. Kẻ nào từ chối không chịu tham gia Mặt trận Liên Việt sẽ bị tố cáo là chống độc lập dân chủ và bị dán cho nhãn hiệu phản động, để có thể bị giết...”* Và, theo Buttinger, *“điều khiến ông Hồ vui là tay chân của ông đã tiêu diệt được những đảng phái thân Trung Hoa – tức các đảng quốc gia đối lập”*.

Vu cáo, tàn sát, giam giữ những người chống đối để củng cố quyền lực là hành vi quen thuộc của cả Titô lẫn Hồ Chí Minh không cần có điều kiện lịch sử thúc đẩy và không hề tùy thuộc thái độ của các nước Tây Phương.

Sự tương đồng giữa Titô và Hồ Chí Minh còn có trong cả đời sống cá nhân. Theo Milovan Djilas, các bà vợ và tình nhân của Titô đều *“đẹp một cách lạ lùng”* và đều rất trẻ. Bà vợ đầu tiên kém Titô 9 tuổi, bà vợ thứ hai kém 12 tuổi, bà vợ thứ năm và cuối cùng kém 31 tuổi. Tất cả đều không được sống trọn đời với Titô. Ngay Jovanka Budisavljevic

duyên dáng, đẹp tuyệt vời, kém Titô 31 tuổi, từng qua nhiều năm chăm sóc Titô với tư cách trợ lý, thư ký, bảo vệ... trước khi thành hôn, cũng bị Titô ruồng bỏ vào lúc ông đã ngoài 80 tuổi khiến không ai dám nhắc tới tên bà nữa.

Milovan Djilas vốn rất thân với Titô khi chưa ly khai và chưa bị bỏ tù nên biết nhiều về liên hệ gia đình của Titô, kể rằng khi Titô bị bệnh thập tử nhất sinh, bác sĩ Lavric đã tâm sự với Djilas là nếu không có Jovanka (lúc ấy còn vài năm nữa mới thành hôn với Titô) và một bà phước ở bên cạnh để săn sóc bệnh nhân thì bác sĩ đã không dám tiến hành giải phẫu.

Jovanka yêu Titô đến độ tận tụy với nhiệm vụ như một bà phước, nhưng chẳng những bị Titô ruồng rẫy vào những năm cuối đời mà ngay khi mới lấy nhau cũng không được Titô đối xử một cách xứng đáng. Trong tác phẩm mang tựa đề **Titô**, Djilas viết về cuộc hôn nhân này như sau: *“Cuộc hôn phối thật bất hạnh và tàn phá, đặc biệt đối với Jovanka. Bà không có cuộc sống riêng bên ngoài nhóm cận thân của Titô và công việc tẻ nhạt thường ngày theo nhiệm vụ của bà. Nhiều buổi tối khi chúng tôi đến thăm Titô, chúng tôi đã thấy bà phải ngồi ở lối đi của sảnh đường để canh chừng cùng với đoàn hộ tống của chồng cho đến khi Titô đi ngủ. Trong hoàn cảnh đó, sự thèm muốn và đổ kỵ, sự ngờ vực từ phía những người xung quanh là điều không thể tránh. Sự thân mật giữa bà với Titô sẽ có thể bị giải thích bằng nhiều cách khác nhau, bất lợi và bất công cho bà, như: hám danh, bợ đỡ, hai lòng, đả dâm, lợi dụng sự cô đơn của Titô, tham lam. Đôi khi nhân viên an ninh, vì ác tâm hoặc nghi ngờ đã bắt bà phải ăn thử trước những món ăn mà bà nấu cho chồng với tất cả tình yêu của mình.” (12)*

Bà vợ thứ hai có một sắc đẹp quý phái trường giả, tên Harta Hass, kém Titô 12 tuổi, đã bị Titô ruồng rẫy để lấy bà thứ ba là Zdenka. Harta từng khóc nức nở trên vai Milovan Djilas khi nghe tin Titô bỏ bà để gắn bó với Zdenka.

Về mặt này hiển nhiên Hồ Chí Minh không thua kém Titô. Tăng Tuyết Minh cũng rất chung tình, đảm đang, chăm lo cho chồng nhưng chỉ được ở với chồng một thời gian ngắn. Khi Hồ Chí Minh thành công, trở thành Chủ tịch Nhà Nước đã tuyệt nhiên không nhớ tới cô nữa, dù nhiều lần cô gửi thư, nhờ cả tòa đại sứ Cộng sản Việt Nam ở Bắc Kinh và các nhà lãnh đạo Trung Quốc can thiệp.

Rồi Nông Thị Xuân cũng rất đẹp, rất trẻ, kém Hồ Chí Minh trên 40 tuổi, có con với Hồ Chí Minh đã bị ruồng rẫy và hạ sát thể thảm. Những người khác như Nguyễn Thị Minh Khai, Đỗ Thị Lạc v.v... dù đã có con với Hồ Chí Minh cũng bị đẩy ra xa kể như không quen biết.

Về phương diện này, Hồ Chí Minh khác với Titô là có nhiều mối tình và có số lượng phụ nữ ở bên cạnh đông hơn. Một điểm khác nữa là Titô xử sự tương đối công khai, không lén lút, giả đạo đức. Titô không che giấu chuyện tình cảm, không ra lệnh cho Đảng che giấu giấu để tạo huyền thoại hy sinh trọn đời cho cách mạng giải phóng dân tộc, quên hết tình cảm bản thân....

Giữa Titô và Hồ Chí Minh cũng còn một khác biệt trong đời sống riêng. Cả thế giới đều biết Titô rất thích ở nhà đẹp và sang trọng. Chỗ ở của Titô thường là những lâu đài vua chúa thời xưa. Titô còn bỏ công quỹ xây thêm một tư dinh vĩ đại theo kiểu tối tân. Riêng Hồ Chí Minh không chiếm Phủ Toàn quyền cũ hay Tòa Khâm sứ mà chỉ cho làm một ngôi nhà gỗ bên cạnh. Về căn nhà này, Hoàng Quốc Kỳ đã châm biếm, mỉa mai là tấn kịch giả dối vụng về với dụng ý tuyên truyền cho tính giản dị và gần gũi dân chúng. Dù sao, đây cũng là sự khác biệt của Hồ Chí Minh so với Titô.

Những khác biệt hoặc tương đồng về đời sống riêng tư chắc chắn không quan trọng đủ khiến có sự tiếc rẻ cho việc Pháp - Mỹ đã bỏ lỡ cơ hội biến Hồ Chí Minh thành Titô để xoay chiều lịch sử theo một hướng khác. Thực ra, cơ hội đó thực sự có hay không?

Luận cứ thứ nhất do Jean Lacouture đưa ra để chứng minh cho cơ hội này là sự đặc biệt lưu tâm của Hồ Chí Minh tới nước Mỹ và chính trị Mỹ. Theo Jean Lacouture, Hồ Chí Minh từng tới Mỹ vào khoảng 1915-1916; từng gửi Yêu sách 8 điểm cho hội nghị Versailles do sáng kiến của Tổng thống Mỹ Willson vào tháng 6-1919; từng giúp viên phi công Shaw của Mỹ bị rớt máy bay tại Cao Bằng cuối năm 1944 rồi sau đó cộng tác với toán đặc vụ tình báo Mỹ OSS tại Hoa Nam để được giúp đỡ về vũ khí, từng trích Tuyên ngôn Độc lập Mỹ vào Tuyên ngôn Độc lập Việt Nam đọc ngày 2-9-1945; khi ở tù làm thơ từng nhắc đến tên ứng cử viên Tổng thống Mỹ Wendell Willkie; từng nghiên cứu Tam dân chủ Nghĩa vì Tôn Dật Tiên nói đến Abraham Lincoln; từng lưu tâm tới chính sách chống Thực dân của Tổng thống Mỹ Roosevelt và tại Hà Nội thời 1945-46 đã có một hội Hữu nghị Việt Mỹ, đồng thời trên khắp phố phường luôn xuất hiện cờ Mỹ và nhiều biểu ngữ bằng tiếng Anh, chứ không có biểu ngữ nào bằng tiếng Pháp, tiếng Trung Hoa, hay tiếng Nga v.v...

Có thể kể thêm hàng loạt những sự kiện loại này, nhưng nếu cho đây là bằng chứng cụ thể về sự thành tâm muốn kết thân với Mỹ, muốn trở thành Đồng minh của Mỹ thì rõ ràng đã quá cường điệu hóa. Vì hết thấy đều vụn vặt và nặng tính cá nhân, không đủ tầm vóc biểu hiện một chính sách quốc gia, thậm chí vô nghĩa, chẳng hạn việc Hồ Chí Minh từng đặt chân lên đất Mỹ, việc Hồ Chí Minh khi còn tham gia nhóm

Phan Chu Trinh gửi Yêu sách 8 điểm cho hội nghị Versailles, việc tương quan với nhóm tình báo đặc vụ Mỹ tại Hoa Nam, một câu thơ viết trong tù hay cờ Mỹ tung bay tại Hà Nội... Các sự kiện này đã được gán cho cái ý nghĩa mà bản thân không đủ tầm vóc chứa đựng.

Luận cứ thứ hai được nhắc tới là bản tính dịu ngọt, mềm mỏng và ý hướng của Hồ Chí Minh muốn kết thân với Mỹ theo ghi nhận của một số nhân viên tình báo đặc vụ Mỹ OSS từng có mặt một thời gian tại vùng Việt Bắc, đặc biệt là thái độ thân hữu của các cán bộ lãnh đạo Mặt trận Việt Minh biểu hiện bằng hành vi Võ Nguyên Giáp đã đứng nghiêm đưa nắm tay chào khi nghe cử bản quốc thiều Mỹ...

Nêu tính nết con người và cách xã giao giữa một số cá nhân để suy luận đã có cơ hội bằng vàng xoay chiều lịch sử là vấn đề cần xét lại về tính nghiêm túc. Nhưng Duiker vẫn dựa theo đó và nêu thêm mấy lá thư Hồ Chí Minh nhờ gửi tới nhà cầm quyền Mỹ đương thời.

Lá thư thứ nhất viết đầu tháng 5-1945 nhờ thiếu tá Patti chuyển cho phái đoàn Mỹ tại Hội nghị Liên Hiệp quốc. Nội dung thư kêu gọi Hội nghị trên ủng hộ nền độc lập của Việt Nam, ký tên Đảng Quốc Dân Đồng Dương.

Lá thư thứ hai nhân danh Mặt trận Việt Minh viết ngày 15-8-1945 gửi cho trung úy Mỹ tên John nhờ chuyển về Bộ Chỉ huy của ông ta với nội dung như sau: *“Ủy ban Dân tộc Giải phóng của Mặt trận Việt Minh yêu cầu nhà cầm quyền Hoa Kỳ báo cho Liên Hiệp quốc rằng chúng tôi đã đứng về phía Liên Hiệp quốc chống lại bọn Nhật. Nay bọn Nhật đã đầu hàng. Chúng tôi yêu cầu Liên Hiệp quốc thực hiện lời hứa long trọng của mình là tất cả các dân tộc đều được hưởng dân chủ và độc lập.”* (13)

Sau đó, từ 29-9-1945 tới 16-2-1946, Hồ Chí Minh gửi thư 7 lần gồm 2 lần gửi Ngoại trưởng James Byrnes và 5 lần gửi Tổng thống Truman. Trong 7 lá thư này, 4 lá lặp lại nội dung 2 lá thư nhờ các sĩ quan OSS chuyển và 3 lần gửi vào ngày 18-10-1945, 18-1-1946, 16-2-1946 còn gửi chung cho các nhà lãnh đạo Anh, Hoa, Nga.

Nội dung riêng biệt chỉ có trong 3 lá thư ngày 1-11-1945, 29-9-1945 và 9-11-1945.

Thư ngày 1-11-1945 gửi Ngoại trưởng Mỹ James Byrnes, Hồ Chí Minh nhân danh chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đề nghị *“được gửi phái đoàn khoảng 50 thanh niên Việt Nam sang Mỹ để thiết lập quan hệ văn hóa thân thiết với thanh niên Mỹ và xúc tiến việc nghiên cứu kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lãnh vực chuyên môn khác”*. (14)

Thư ngày 29-9-1945, gửi Tổng thống Truman, Hồ Chí Minh ngỏ lời phân ưu về trường hợp trung tá OSS Mỹ Dewey bị hạ sát tại Sài Gòn ngày 26-9-1945.

Thư ngày 9-11-1945, gửi Tổng thống Truman, Hồ Chí Minh tả về cảnh đói của dân chúng Việt Nam, xin được Mỹ viện trợ và giúp ngăn chặn quân Pháp trở lại Việt Nam. Lời yêu cầu giúp ngăn chặn quân Pháp cũng được Hồ Chí Minh gửi cho Tưởng Giới Thạch trong các lá thư khác.

Trong cùng thời điểm đó, theo ghi nhận của Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh vẫn không ngừng nhắc mọi người rằng “*Hồng quân Trung Hoa mới là bạn của ta. Quân đội Quốc Dân đảng của Tưởng Giới Thạch chính là kẻ thù của nhân dân và Cách mạng Trung Quốc, cũng là kẻ thù của nhân dân và Cách mạng Việt Nam*” (15)

Như vậy, những lá thư trên không dễ coi là bằng cứ cho ý muốn thành thực kết thân. Võ Nguyên Giáp cũng nói rõ dụng tâm che giấu thực chất Cộng sản trong thời gian này: “*Đầu tháng Chín, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là một bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc Dân đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã qua thời kỳ ẩn náu, lẩn tránh, về sống giữa đồng bào, nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật... Hầu hết đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa cán bộ Việt Minh*” (16)

Vì thế, hai lá thư gửi tới các giới chức Mỹ qua sự chuyển giao của thiếu tá Patti và trung úy John đều nhấn mạnh mục tiêu tranh thủ độc lập cho dân tộc và còn ẩn danh dưới một đoàn thể không hề có mặt trên thực tế là Đảng Quốc Dân Đông Dương. Yếu tố thành tâm mà Duiker và nhiều người khác nhắc tới là điều hết sức đáng ngờ.

Nói về cùng sự kiện này, Bernard Fall cho rằng Hồ Chí Minh cố tình tỏ ra thân Mỹ chỉ với mục đích mong được tiếp trợ về vũ khí và hư trương là được phe Đồng minh công nhận hầu che kín thực chất Cộng sản trong sự vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc đối với quần chúng và các phe phái chính trị đương thời.

Tiết lộ của Cựu hoàng Bảo Đại vào đầu thập niên 1990 xác nhận quan điểm của Bernard Fall rất gần thực tế.

Trước khi qua đời, Cựu hoàng Bảo Đại đã gián tiếp thú nhận mình làm khi nói với một nhà báo về lý do thoái vị trao quyền cho Hồ Chí Minh như sau: “*Lúc ấy tôi chỉ biết Hồ Chí Minh có chí hướng quốc gia muốn mưu tìm độc lập, thống nhất cho Việt Nam. Hồ Chí Minh được giới thiệu như người cộng tác với Đồng minh và được đại tá Patti trong tổ chức OSS ở Vân Nam của Mỹ ủng hộ.*” (17)

Dù sao, tất cả đều trở thành việc đã rồi.

Tuy nhiên cứ giả dụ lịch sử thực sự xoay chiều khiến Hồ Chí Minh trở thành Titô Việt Nam thì có tránh được cái hậu quả thảm khốc cho nhân dân Việt Nam và cho cả thế giới như W.J. Duiker và một số tác giả

khác đã nói không?

Điều kiện xoay chiều lịch sử được nêu ra chỉ đơn giản là Tổng thống Truman chấp thuận ủng hộ Hồ Chí Minh. Có điều kiện này, Pháp không thể đưa quân trở lại Việt Nam khiến bùng nổ cuộc chiến 1945–1954 và Việt Nam hoàn toàn độc lập thống nhất, nằm ngoài vòng chi phối của Liên Xô nên Mỹ không cần đưa quân tới chống Cộng sản kéo dài cuộc chiến thêm 20 năm. Nền tảng của xác quyết này hết sức mong manh vì chỉ là sự phán đoán về thái độ của cả Pháp lẫn Hồ Chí Minh theo chủ quan.

Trên thực tế, sau khi Pétain chính thức đầu hàng Đức ngày 22-6-1940, ảnh hưởng Nhật bao trùm khắp Đông Dương nhưng chính quyền tại đây vẫn nằm trong tay Pháp.

Năm 1943, trước và sau cuộc đổ bộ Phi châu của Đồng minh, lực lượng kháng chiến Pháp do De Gaulle lãnh đạo đã có nhiều nỗ lực ngoại giao cùng các hành động chuẩn bị tiếp tục duy trì chủ quyền tại Đông Dương.

Ngày 8-12-1943, De Gaulle công bố chính sách đối với các quốc gia Đông Dương với lời hứa hẹn “*từng bước trao trả quyền tự trị*” cho vùng đất này, tuy nhiên lại lập Ủy ban Hành động Giải phóng Đông Dương – *Comité d’Action pour la Libération de l’Indochine*, lập Lực lượng Viễn chinh Pháp ở Đông Dương - *Forces Expéditionnaires Françaises d’Extrême-Orient* và cử tướng Mordant làm Cao ủy Đông Dương.

Suốt thời gian này, các giới lãnh đạo Mỹ thường chống lại quan điểm của De Gaulle về Đông Dương mà kết quả cụ thể là Hội nghị Cairo tháng 11-1943 và đặc biệt là Hội nghị Postdam tháng 7-1945 không dành cho Pháp vai trò nào tại Đông Nam Á, dù ngày 24-3-1945, De Gaulle đã công bố một số cải cách trong chính sách về Đông Dương với các điểm sau:

- Liên bang Đông Dương sẽ được thành lập bao gồm 5 xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Ai Lao, Cao Miên và nằm trong khối Liên hiệp Pháp.

- Liên bang sẽ có một Quốc hội do dân cử thông qua các cuộc đầu phiếu tự do và có quyền tự trị về kinh tế tài chính.

- Liên bang được lãnh đạo bởi một Chính phủ với thành phần nhân sự gồm một nửa là người bản xứ, do một toàn quyền Pháp lãnh đạo. Pháp sẽ thay mặt cho Liên bang trong các hoạt động ngoại giao.

- Liên bang sẽ được trao trả quyền tự trị chính trị sau một thời gian tùy thực tế.

Chính sách trên không được Mỹ tán thành nhưng De Gaulle tiếp tục đi tới. Ngày 15-8-1945, đô đốc D’Argenlieu được cử làm Cao ủy Đông Dương thay tướng Mordant trong khi Bộ Quốc phòng Pháp đưa

một số đơn vị đang đóng tại Đức vào Lực lượng Viễn chinh Đông Dương.

Hai ngày sau, tướng Leclerc tới Ấn Độ trực tiếp vận động Anh giúp đỡ đưa một số đơn vị biệt kích Pháp đổ bộ Sài Gòn.

Ngày 24-8-1945, trong dịp chính thức viếng thăm Mỹ, De Gaulle tuyên bố thẳng tại Hoa Thịnh Đốn: *“Thế kỷ 20 này là thế kỷ độc lập của mọi dân tộc kể cả các quốc gia thuộc địa, nhưng điều này chưa thể xảy ra ngay tại Viễn Đông... Chính sách của Pháp đối với các xứ Đông Dương trong lúc này là phải xác lập chủ quyền tại đây”*. (18)

Kết quả là ngày 23-9-1945, chiến tranh Việt–Pháp bùng nổ tại Sài Gòn, trước khi Hồ Chí Minh gửi thư chính thức cho Bộ Ngoại giao và Tổng thống Mỹ.

Nếu Truman chấp nhận xiết tay Hồ Chí Minh thì cuộc chiến cũng đã mở màn và thực tế cho thấy cái xiết tay này khó có uy lực buộc Pháp thay đổi đường lối mà De Gaulle vạch ra từ mấy năm trước với những chuẩn bị ráo riết để sẵn sàng tiến hành. Bởi ngay khi đưa quân trở lại Đông Dương, De Gaulle vẫn phải chống chọi với thái độ phản đối của Mỹ và tổ ra không hề nao núng.

Về phần Hồ Chí Minh sẽ có thái độ nào đối với Mỹ, có thực sự trở thành Đồng minh của Mỹ và sẵn sàng tách khỏi khối Liên Xô không?

Sau khi Stalin tuyên bố giải tán Đệ tam Quốc tế, Tổng Bí thư Trường Chinh đã đưa ra chỉ thị ngày 15-7-1943: *“Vô luận trong tình thế nào, những người Cộng sản Đông Dương cũng không được sao lãng việc tuyên truyền chủ nghĩa Cộng sản và việc phát triển tổ chức Đảng... không được hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng, coi thường nhiệm vụ Đảng hoặc làm lu mờ sứ mệnh thiêng liêng của giai cấp Vô sản Đông Dương”* (19)

Trong lúc Hồ Chí Minh gửi thư tỏ ý muốn kết thân với Mỹ và tuyên bố giải tán Đảng, Ban Chấp hành Trung ương Đảng tiếp tục đưa ra chỉ thị ngày 25-11-1945 nêu rõ: *“Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp. Chúng chủ trương câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô”*.

Đồng thời, đường lối tuyên truyền và ngoại giao của Đảng theo chỉ thị của Hồ Chí Minh là *“phải lợi dụng sự mâu thuẫn của Trung Hoa – Mỹ và Anh – Đờ Gòn”*. Chính vì thế, Võ Nguyên Giáp không tiếc lời xỉ vả Nguyễn Tường Tam do chủ trương tìm sự giúp đỡ từ phía Mỹ. Vào lúc Hồ Chí Minh ve vuốt các quân nhân Mỹ có mặt ở Hà Nội, gửi thư tới giới lãnh đạo Mỹ thì Võ Nguyên Giáp kết án mọi xu hướng ngả về phía Mỹ: *“Những phân tử phản động của Việt Nam Quốc Dân đảng trong chính phủ liên hiệp chủ trương nên tìm chỗ dựa ở Tưởng và Mỹ. Ngày 12 tháng 3, Nguyễn Tường Tam tới Bộ Ngoại giao nhận chức, tuyên bố:*

“Trung Hoa và Mỹ có nhiệm vụ duy trì nền hòa bình ở Viễn Đông”. Y luôn luôn nhắc tới việc cần liên hệ với Mỹ, cần tranh thủ sự giúp đỡ của Mỹ...” (20)

Nguyễn Tường Tam bị kết án vì thực sự muốn kết thân với Mỹ, trong khi đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh luôn coi Mỹ-Anh là đế quốc thù địch với Liên Xô và chỉ muốn khai thác tình thế đương thời để lợi dụng Mỹ thôi. Ý nghĩa thực của những diễn biến trên chỉ có thể ghi nhận như thế.

Cho nên Tường Vĩnh Kính từng nhận định: *“Hành động “liên kết với Mỹ” và “bài Hoa” của ông Hồ và Mặt trận Việt Minh hoàn toàn đặt cơ sở trên nổi thao thức về vấn đề sinh tồn và phát triển của bản thân họ”, bởi Hồ Chí Minh luôn trung thành với điều đã ghi trong tác phẩm **Con đường Kách mệnh**: “Một là, nhiệm vụ cách mạng không phải vì một thiểu số người nào mà vì quảng đại giai cấp công nhân và quần chúng nông dân, do đó cần phải tổ chức quần chúng. Hai là, cách mạng tất yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác-Lênin. Ba là, cuộc vận động cách mạng ở mỗi quốc gia phải được kết hợp chặt chẽ với giai cấp Vô sản Quốc tế; công nhân và quần chúng nông dân phải phân biệt rõ giữa Đế tam và Đế tứ Quốc tế.”*

Theo Tường Vĩnh Kính, mục đích tối hậu của Hồ Chí Minh là đoạt chính quyền để tiến hành Cách mạng Vô sản Quốc tế nên nổi thao thức chính yếu lúc đó không phải vấn đề *“có thể sớm đạt được một nền độc lập hay không”*, mà là vấn đề *“bản thân Việt Minh có thể đoạt thủ được chính quyền hay không...” (21)*

Khi đặt vấn đề Hồ Chí Minh là người quốc gia hay Cộng sản, Bùi Tín cũng phát biểu: *“Thật ra ông Hồ Chí Minh ít có chính kiến riêng về đường lối chính trị. Đến tinh thần dân tộc trong tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin như ông Titô ở Nam Tư, ông Hồ cũng không có. Ông tuyệt đối tin ở đường lối và kinh nghiệm của Liên Xô, không một chút phê phán, với thái độ giáo điều” (22)*

Một người hoàn toàn tin tưởng ở Liên Xô như thế và với chủ trương, đường lối đã được thực tế biểu thị như thế hẳn khó sẵn sàng từ bỏ Liên Xô để trở thành Đồng minh của Mỹ.

Thực ra, trường hợp Titô ngã về phía Tây Phương đã xảy ra trong khung cảnh hoàn toàn khác với khung cảnh Việt Nam.

Titô lúc đó không được Stalin tin cậy và trở thành đối tượng cần loại trừ. Trong tình thế hiểm nghèo, Titô tách khỏi Cominform, thối thân của Comintern cũ, cả hai hoàn toàn do Liên Xô chi phối. Sự hỗ trợ của Anh – Mỹ chỉ đơn giản là hành vi đáp ứng trước một thực tế hiển nhiên.

Với Hồ Chí Minh, sự việc chỉ nằm trong vòng dự đoán qua những lá thư hoàn toàn mập mờ trong khi các nguồn tin do Bộ Ngoại giao Mỹ tiếp nhận không hề ngờ vực về tương quan giữa Hồ Chí Minh với Liên Xô.

Vì vậy, dù vẫn theo đuổi các nỗ lực ngoại giao nhằm thúc đẩy hai phía giải quyết vấn đề Đông Dương bằng thương thuyết, chính quyền Mỹ đã không thể hoàn toàn loại bỏ mối lo ngại Liên Xô sẽ mở một đầu cầu tại Đông Nam Á nên Mỹ không thể dứt khoát nghiêng về phía nào.

Các viên chức trong Đông Nam Á Sự vụ của Bộ Ngoại giao Mỹ như Moffat, Landon ngay từ những ngày đầu năm 1946 đã nhiều lần lui tới Sài Gòn, Hà Nội gặp gỡ D'Argenlieu và Hồ Chí Minh nhưng không tìm được điều kiện dung hòa.

Trở ngại lớn nhất là cả hai phía Pháp và Hồ Chí Minh đều có những dự tính nằm ngoài các vấn đề thường được nêu ra trong thương thuyết. Theo đánh giá của Bộ Ngoại giao Mỹ, đặc biệt là của Phụ tá Ngoại trưởng Dean Acheson, Hồ Chí Minh liên hệ mật thiết với Mạc Tư Khoa và Diên An nên sẽ cố giữ thế toàn quyền hành động để tiến tới bành trướng ảnh hưởng Cộng sản trong tương lai.

Ngược lại, Pháp luôn ngờ vực về sự thành thực của đối phương và cũng muốn tái lập chế độ bảo hộ. Thực ra, ngay từ thời điểm đó, việc kéo Hồ Chí Minh về phía Tây Phương đã được nghĩ tới qua ghi nhận của Lãnh sự Mỹ Reed tại Sài Gòn trong báo cáo với Bộ Ngoại giao Mỹ là *thái độ trung lập của Mỹ đối với vấn đề Đông Dương có thể khiến Hồ Chí Minh ngã về phía Liên Xô*. Thông báo ngày 16-12-1946 của Ngoại trưởng Byrnes gửi các đại sứ Mỹ xác nhận mối liên hệ chặt chẽ với Đệ tam Quốc tế của Hồ Chí Minh có thể coi như lời giải đáp.

Vấn đề có thể hiểu là *không làm được* chứ không phải *bỏ lỡ không chịu làm*. (23)

Một điểm so sánh đáng kể khác giữa Hồ Chí Minh và Titô, là *“Titô tiếp thu chủ nghĩa Mác–Lênin với tinh thần dân tộc”*, như Bùi Tín đã nhận định, trong khi *“Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tín ngưỡng Cộng sản”* theo mô tả của Krutshchev.

Hồ Chí Minh và Titô không hoàn toàn giống nhau về tương quan với Cộng sản, tuy cả hai đều trung thành với chủ nghĩa Mác–Lênin và Stalin. Titô vận dụng chủ nghĩa Cộng sản như một phương tiện củng cố quyền lực và giới hạn trong phạm vi một quốc gia còn Hồ Chí Minh say sưa với giấc mơ tiến tới nền chuyên chính Vô sản trên toàn thế giới.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh được người lãnh đạo tối cao là Stalin tin cậy còn Titô thì ngược lại. Vào lúc Titô cảm thấy tính mạng và địa vị bị đe dọa thì HCM hoàn toàn thoải mái, nên giữa cảnh ngộ khó khăn của Việt Nam 1945 vẫn đặt nặng vấn đề bảo vệ Liên Xô qua lời Võ Nguyên

Giáp: “*Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp... câu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô*”. (24)

Trong nổi thao thức của Hồ Chí Minh, Liên Xô lớn hơn Việt Nam và vấn đề đoạt thủ quyền lực cho đảng Cộng sản lớn hơn nền độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh không nhìn Liên Xô như một quốc gia mà như một mục tiêu phụng sự. Đây không phải ý nghĩ chủ quan của Trường Vĩnh Kính mà là tiếng nói cất lên từ những diễn biến thực tế đã có.

Cho nên, Cộng sản Việt Nam nguyên rủa Titô là “*phản bội để kiểm soát Mỹ*” và Hồ Chí Minh đã làm một việc hết sức bất thường là đã kích Titô liền ngay sau ngày 22-2-1950 là ngày Nam Tư công bố sẵn sàng lập bang giao với Việt Nam theo Hồ Chí Minh yêu cầu.

Trong cuốn **Titô (25)**, Vladimir Dedijer cho rằng việc Hồ Chí Minh yêu cầu Nam Tư công nhận Việt Nam chỉ là thủ đoạn của Liên Xô nhắm đẩy Titô vào thế khó khăn trong bang giao với Pháp, Mỹ do Hồ Chí Minh được lệnh thực hiện.

Liệu chỉ bằng một cử chỉ bất tay thân thiện, Tổng thống Mỹ Truman có thể biến đổi hoàn toàn con người Hồ Chí Minh như thế thành thù địch với Liên Xô như Titô không? Câu trả lời thuận tình nhất khó tránh là một câu phủ định.

Từ lời nói, từ việc làm, Hồ Chí Minh luôn chứng tỏ chỉ muốn lợi dụng Mỹ để tranh thủ các mục tiêu của mình như đã từng lợi dụng Trung Hoa Dân quốc, lợi dụng các đảng phái quốc gia và lợi dụng chiêu bài giải phóng dân tộc.

Do đó, nếu Truman bất tay Hồ Chí Minh thì cũng chỉ có nhiều triển vọng là thêm một nạn nhân sập bẫy, không hơn không kém. Trong trường hợp này, Hồ Chí Minh có thể dễ dàng hơn trong việc củng cố quyền hành cho bản thân và đảng Cộng sản Đông Dương để mau chóng tiến hành “*nhiệm vụ Quốc tế*” tại Đông Nam Á là quét sạch ảnh hưởng chủ nghĩa Tư bản tại đây.

Như thế, có thể Mỹ sẽ phải đối đầu với một cuộc chiến khốc liệt hơn và Việt Nam còn có thể biến thành cuộc chiến toàn cầu gây chết chóc nhiều hơn nữa.

Nhưng cứ giả sử Hồ Chí Minh dám tách khỏi Liên Xô như Titô và Mỹ tránh được cuộc chiến tại Việt Nam thì nhân dân Việt Nam hiển nhiên vẫn phải sống dưới một chế độ độc tài sắt máu. Vì Hồ Chí Minh và Cộng sản Việt Nam cũng giống như Titô và “*Liên đoàn những người Cộng sản Nam Tư*” (26) vẫn theo chủ nghĩa Cộng sản, vẫn áp dụng chế độ độc đảng, vẫn tàn sát những người không chịu cúi đầu tuân phục...

Tổng thống trọn đời Titô đã đem lại cho đất nước Nam Tư cuộc sống đầy bất công và áp bức.

Thực tế Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh không khác bao nhiêu. Dù có cái bắt tay của Truman hay không, lịch sử vẫn đã xoay theo đúng hướng của nó.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG 50

(01) Theo tài liệu chính thức, Hồ Chí Minh sinh năm 1890. Nhưng cũng có những tài liệu khả tín khác nói Hồ Chí Minh tuổi con Mèo tức sinh năm Tân Mão, 1891. Riêng tài liệu hộ tịch của làng Kim Liên, theo sử gia Daniel Hemery, ghi Hồ Chí Minh sinh năm 1894.

(02) *The Lost Revolution* – Robert Shaplen - tr. 28.

(03) Nxb Westview Press, Colorado 1985.

(04) Thuộc chủng tộc Serb, trong khi Titô người gốc Croat.

(05) Trong thế chiến II, quân đội Chetniks (thuộc sắc dân Serbia) của Mihaelovic bị cộng quân tấn công tàn sát dữ quá, đã có lúc phải tạm dựa vào quân Đức, nhưng vẫn được quân Anh kháng Đức tiếp tế, yểm trợ.

(06) Theo Milovan Djilas trong cuốn *Titô*, Stalin nói câu này vào lúc khiển trách phái đoàn Ba Lan về sự do dự yếu kém của cộng đảng Ba Lan đối với phe đối lập. Một nhà ngoại giao rất trẻ thuộc đảng CS Ba Lan kể lại cho tác giả khi ngồi trên xe với ông – SĐD tr. 39.

(07) Chúng tôi không dùng từ “toàn trị” để dịch từ “totalitarian regime”, vì nó không lột hết nghĩa chuyên chế, cực quyền mà còn có thể gây hiểu lầm là một chế độ cai trị tốt (toàn hảo, toàn thiện).

(08) Theo Bùi Xuân Quang - Xin đọc chương về Nhóm Đường Mới.

(09) Bản dịch Anh ngữ xuất bản tại Hoa Kỳ 1980, tr. 71- 91

(10)-(12) *Viet Nam, le dossier noir du communisme* – Michel Tauriac, Bản Việt ngữ, tr.308, 45

(11) SĐD tr. 144-145

(13)-(14) *BNTS* – T. 2 tr. 228, 261, 57

(15)-(16)-(20)-(24) *Những năm tháng không thể nào quên* – Võ Nguyên Giáp, tr. 30, 68-69, 19, 183

(17) Diễn Đàn Phụ Nữ, tháng 9-1992 – Bài phỏng vấn của ký giả Phan Thế Trường.

(18)-(19) *Việt Nam những sự kiện lịch sử* – Dương Trung Quốc, tr. 417, 366

(21) *Hồ Chí Minh tại Trung Quốc* – Tưởng Vĩnh Kính, tr. 361

(22) *Mặt thật* – Thành Tín, tr. 99

(23) Nội dung thông báo của James Byrnes cho biết Hồ Chí Minh tương quan mật thiết với Liên Xô và hướng nhắm của Hồ Chí Minh trong “giai đoạn đầu là thực hiện một quốc gia độc lập rồi tiến tới Cộng sản hóa” – Theo *Việt Nam niên biểu* – Chính Đạo, tr. 369

(25) Nxb Simon and Schuster, New York 1953.

(26) Danh xưng của cộng đảng Nam Tư kể từ sau đại hội 6 của đảng này vào năm 1952, 4 năm sau khi ly khai khối CS Liên Xô.

Chương 51

HỒ CHÍ MINH

và vị đại anh hùng ái quốc

Không một ai thắc mắc khi nghe nhắc Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung... là những đại anh hùng cứu quốc hoặc Trần Bình Trọng, Lê Lai hay Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Thái Học... là những anh hùng dân tộc và Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... là những nhà Cách mạng yêu nước. Cũng không một ai thắc mắc khi các danh xưng trên không được dành cho nhiều nhân vật lịch sử lừng danh như Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly, Mạc Đăng Dung, Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Ánh...

Vấn đề không phản ánh thái độ gán ghép chủ quan mà thể hiện sự đáp ứng trọn vẹn các tiêu chuẩn trong hàm nghĩa của ngôn từ. Hành vi và quyền lực của Trần Thủ Độ chưa dễ có người sánh nổi hoặc vượt qua, nhưng Trần Thủ Độ vẫn mãi mãi chỉ là Trần Thủ Độ. Trần Thủ Độ là nhân vật trung tâm gây dựng một triều đại lẫy lừng nhưng lịch sử đã ghi nhận xu hướng mưu đồ cho một dòng họ và thủ đoạn tranh đoạt quyền hành bá đạo. Trần Thủ Độ đã thành công, đã chứng tỏ tầm vóc phi thường nhưng không phải anh hùng, cũng không phải người yêu nước.

Lịch sử không nghiệt ngã, thiên kiến nhưng công bằng. Bởi danh hiệu anh hùng, yêu nước luôn bác bỏ việc đặt quyền lợi cá nhân hoặc phe phái cao hơn cuộc sống toàn dân và bác bỏ mọi hành vi đi ngược nhân tính. Ở các trường hợp trên, mọi tiêu chuẩn trong hàm nghĩa của ngôn từ đều được thực tế đáp ứng nên *danh chính* khiến *ngôn thuận*, và vì thế, không còn thắc mắc.

Trong trường hợp Hồ Chí Minh, việc phù hợp với danh hiệu nào không đơn giản. Tuy đều dựa vào nền tảng thực tế, mọi danh hiệu luôn có vẻ thiếu chính danh và tiếp tục khơi gợi những thắc mắc. Người xưng tụng Hồ Chí Minh là anh hùng, yêu nước cũng như người kết tội Hồ Chí Minh là phản dân, hại nước đều có thể nêu chứng cứ và đều gặp chống đối.

Người xưng tụng dựa trước hết vào mục tiêu đoàn kết dân tộc chống xâm lăng, giải phóng đất nước của các tổ chức đấu tranh mà Hồ Chí Minh tham dự qua nhiều thời kỳ.

Kế tiếp, là lòng yêu nước và bản tính nhân hậu bẩm sinh được bồi từ thuở thơ ấu bởi cả hoàn cảnh gia đình lẫn xã hội đã sớm đặt Hồ Chí Minh vào sự chọn lựa ý hướng tự nguyện hy sinh, sống trọn đời gian khổ vì dân, vì nước.

Cuối cùng là thái độ sùng kính mà toàn dân dành cho Hồ Chí Minh thể hiện qua sự triệt để hưởng ứng mọi hành động của Hồ Chí Minh, qua danh hiệu *Cha già Dân tộc* và qua tiếng gọi Bác thân thiết...

Những người khác phủ nhận mọi viện dẫn trên cho rằng tất cả chỉ là trò trình diễn lường gạt nhắm lời cuốn quần chúng để khai thác cho tham vọng cá nhân và mục tiêu truyền bá ảnh hưởng Liên Xô tại vùng Đông Á là nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh được Đệ tam Quốc tế giao phó.

Bởi, từ thập niên 1920, Hồ Chí Minh đã thực sự trở thành *tín đồ Cộng sản, (1)* đã dứt khoát chọn con đường Cách mạng Vô sản thế giới và chưa bao giờ tỏ một dấu hiệu nào cho thấy chỉ dựa vào Liên Xô như một phương tiện khai thác cho cuộc đấu tranh giải phóng đất nước. Cho nên, Hồ Chí Minh từng bị dân chúng gọi là *Cáo Hồ*, là *Quý Vương*, Mặt trận Việt Minh từng bị coi là tiêu biểu của đối trá qua tiếng *Vem (2)* phổ biến từ 1945...

Sự khác biệt như ngày với đêm, như nước với lửa bắt nguồn từ thực tế phức tạp của một giai đoạn lịch sử mà mỗi sự việc, mỗi biến cố, mỗi hành vi của các nhân vật đều có thể hiểu theo nhiều cách, tùy thể đứng, tùy trình độ và tùy cá cảm quan cá nhân. Nói một cách khác, thực tế đã trải nhiều uốn nắn cho phù hợp với những phát biểu mang nặng tính chủ quan thay vì được giới thiệu chính xác để tự phát biểu.

Sau ngót 7 năm xuôi ngược mưu sinh, cuối năm 1917, Hồ Chí Minh định cư tại Pháp và bắt đầu tham gia đấu tranh qua tổ chức Những người Việt Nam Yêu nước của Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường. Nhưng toàn bộ hoạt động của Hồ Chí Minh cho tới cuối năm 1920 hoàn toàn không đáng kể, ngoại trừ sự gia nhập đảng Xã hội Pháp theo thúc đẩy của Phan Văn Trường là người lúc đó có nhiều tương quan với tổ chức này.

Cuối tháng 12-1920, Hồ Chí Minh ngã theo nhóm đảng viên Xã hội ly khai để một năm sau, cuối tháng 12-1921, có mặt trong số những người thành lập đảng Cộng sản Pháp rồi được cử sang Nga vào năm 1923.

Từ đây, Hồ Chí Minh mới thực sự bước vào đấu tranh với một quá trình hoạt động có thể phân thành 3 thời kỳ chủ yếu:

- Thời kỳ hoạt động giải phóng dân tộc 1924-1945.
- Thời kỳ cầm đầu lực lượng kháng chiến 1945-1954.

- Thời kỳ “chiếu cố miền Nam” từ 1954 tới cuối đời.

– **Thời kỳ hoạt động giải phóng dân tộc** của Hồ Chí Minh khởi sự cuối năm 1924 tại Hoa Nam là vùng đất quy tụ người Việt Nam lưu vong đấu tranh chống Thực dân Pháp.

Từ đầu thập niên 1920, diễn biến chính trị tại Á Đông không thể rũ bỏ ảnh hưởng của cuộc chính biến tháng 11-1917 tại Nga. Trong khung cảnh này, việc Lênin và đảng Cộng sản Nga đoạt được quyền lãnh đạo đất nước có tác động hết sức lớn đối với hết thảy người Việt Nam đang đấu tranh giành lại chủ quyền độc lập. Câu hỏi đến với mọi người lúc đó không phải chủ nghĩa Cộng sản ra sao mà chỉ đơn giản là người Nga có bí quyết gì để lật đổ nôi chế độ Nga hoàng?

Nguyện vọng đánh đuổi Thực dân Pháp thúc đẩy tâm trạng nôn nóng muốn nắm ngay bí quyết này. Cho nên, năm 1920, Phan Bội Châu đã tìm gặp các viên chức Nga tại Bắc Kinh ngõ ý nhờ giúp đỡ huấn luyện về kỹ thuật đấu tranh. Phan Bội Châu không đạt ý muốn vì bị đặt trước đòi hỏi phải chấp nhận sự ràng buộc của Liên Xô.

Ảnh hưởng chính biến tại Nga cũng gây chấn động với giới lãnh đạo cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911 của Trung Hoa khiến lãnh tụ Tôn Dật Tiên đã chấp nhận dung nạp Cộng sản Trung Quốc để liên kết với Nga qua việc ban bố chính sách *Liên Nga Dung Cộng*. Việc liên kết Liên Xô – Trung Hoa Dân quốc dẫn tới sự xuất hiện phái bộ cố vấn Borodin tại Quảng Châu là lý do Hồ Chí Minh có mặt tại đây từ cuối tháng 11-1924 với cái tên Lý Thụy (3).

Sự có mặt của Hồ Chí Minh khiến Hoa Nam không còn là địa bàn hoạt động riêng của những người Việt Nam đấu tranh thuần túy cho mục tiêu giải phóng dân tộc mà bắt đầu có sự chen chân của Cộng sản Quốc tế với mục tiêu vận động giai cấp đấu tranh tiến tới chuyên chính Vô sản thế giới.

Vì tuy là người Việt Nam, Hồ Chí Minh đã có mặt với tư cách một cán bộ Đệ tam Quốc tế để thực hiện các nhiệm vụ ghi rõ trong quyết định ngày 25-9-1924 dưới sự chỉ huy trực tiếp của các cán bộ thuộc Bộ Phương Đông Đệ tam Quốc tế như Hilare Noulens, Serge Lefrank... và theo lời lẽ của Hồ Chí Minh qua bản báo cáo ngày 18-12-1924 khi bắt đầu có mặt tại đây: “*Trong lúc này, tôi là một người Trung Quốc chứ không phải là một người Việt Nam và tên tôi là Lý Thụy chứ không phải là Nguyễn Ái Quốc*”.

Công việc trước mắt của Hồ Chí Minh cũng được ghi rõ trong một văn thư của Quốc tế Nông Hội thuộc Đệ tam Quốc tế: “*Theo nghị quyết của đoàn chủ tịch ngày 31-7 (1925), đồng chí được phân công phụ trách không những phong trào của nông dân Trung Quốc mà còn của tất cả các thuộc địa mà đồng chí có thể liên hệ được từ Quảng Châu, nghĩa là*

của Đông Dương, Miến Điện, Xiêm, Đài Loan và Nam Dương. Đồng chí đặt ngay liên lạc với những thuộc địa trên và tiến tới lập những nông hội ở đấy”.

Thời gian này, Hồ Chí Minh thường xuyên báo cáo công tác của mình và nguyên văn một đoạn báo cáo gửi về Mạc Tư Khoa mùa hè 1926 như sau:

“Từ khi tới đây tôi đã làm những việc sau đây cho Đông Dương: 1. Lập một tổ chức bí mật. 2. Lập một hội nông dân (của những Việt kiều sống ở Xiêm). 3. Lập một nhóm thiếu niên tiên phong Đông Dương, con cái công nông. Các cháu đang ở Quảng Châu do chúng tôi nuôi dạy. 4. Tổ chức một nhóm phụ nữ cách mạng (bắt đầu từ tháng 4, có khoảng 12 thành viên). 5. Lập một trường tuyên truyền...”

Bản báo cáo còn đề cập tới vấn đề tài chính cung cấp bởi Đệ tam Quốc tế: “Các chuyến đi dài ngày (khoảng 2 tuần) nguy hiểm và tốn kém nhiều mà phương tiện của chúng tôi lại ít ỏi (với tiền lương của tôi cộng với tiền lương của một trong số các đồng chí Liên Xô, công việc vẫn chưa chạy nhanh như mong muốn)... (4)

Không thể xóa bỏ nguồn cội Việt Nam, nhưng Hồ Chí Minh không còn coi mình là người Việt Nam như lời tự xác nhận vì đã chọn ý hướng phục vụ Đệ tam Quốc tế, được tổ chức này nuôi dưỡng và chỉ thị trong từng bước hành động.

Tuy nhiên để đạt hiệu quả trong thực tế, Hồ Chí Minh không thể công khai hóa tư cách Cộng sản mà cần có bộ áo quốc gia che kín thân hình màu đỏ xẫm của mình, tức không thể tách rời khỏi hàng ngũ người Việt Nam yêu nước.

Theo đúng chiến lược Lenin “đường tới Paris phải qua Bắc Kinh”, Liên Xô đặc biệt chú trọng việc bành trướng ảnh hưởng về phương Đông mà hầu hết các quốc gia đều mất quyền tự chủ nên đang sôi sục nguyện vọng giải phóng dân tộc.

Lenin đã đề ra sách lược Liên minh qua chính sách mặt trận dân tộc với lời nhắc nhở: “Thắng lợi của cách mạng thế giới sẽ không thể có, nếu không có liên minh cách mạng giữa Vô sản tại các nước tiên tiến với các dân tộc bị áp bức tại các thuộc địa bị nô dịch.” Liên minh để tăng sức mạnh cho giai cấp Vô sản đồng thời phân rẽ kẻ thù tư sản thành từng cụm nhỏ cô lập.

Tại phương Đông, cụm kẻ thù đầu tiên là các chính quyền Thực dân và liên minh là đoàn kết với các thành phần chống đối Thực dân. Nhưng nghĩa chữ đoàn kết theo CS đã được Bùi Tín nêu rõ như sau:

“Với những người lãnh đạo Cộng sản, chữ đoàn kết có ý nghĩa khác với ý nghĩa thông thường... Đoàn kết luôn có nghĩa và chỉ có một ý nghĩa là: Theo tôi! Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, trong Mặt trận Liên

Việt hay trong Mặt trận Tổ quốc có nghĩa là theo sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, chịu mọi sự áp đặt của đảng CS. Nói khác với Đảng, cãi lại Đảng là vi phạm tinh thần đoàn kết, là phá vỡ khối đoàn kết, là có tội...

Ngay ở trong Đảng, vấn đề giữ đoàn kết của Đảng như con người của mắt mình, có nghĩa là luôn phải tuân theo ý kiến của lãnh đạo, không được có ý kiến khác, nếu có ý kiến khác thì liền bị kết tội bẻ phái, chia rẽ, phá vỡ sự đoàn kết, thậm chí là phản bội, phản động...

Trong phe xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với Liên Xô luôn bao hàm ý tuân theo sự lãnh đạo và chỉ huy của Liên Xô, những ý kiến của Liên Xô phải coi là chỉ thị để chấp hành nghiêm chỉnh. Trong mối quan hệ trên bán đảo Đông Dương, giữa ba nước Việt Miên Lào cũng vậy, đoàn kết bao gồm ý phải công nhận sự lãnh đạo của Việt Nam, phải coi ông Hồ Chí Minh là người lãnh đạo của cả ba đảng...

Đoàn kết trở thành sợi dây vô hình trói buộc mọi cá nhân với Đảng, mọi tổ chức với đảng Cộng sản, thủ tiêu các quyền dân chủ, thủ tiêu sự bình đẳng, làm cơ sở cho mọi sự chuyên quyền và độc đoán tệt hại. Đây cũng là một kiểu cách lạt mềm buộc chặt của ông Hồ Chí Minh" (5)

Hồ Chí Minh đã được huấn luyện tại Mạc Tư Khoa về sách lược liên minh và ý nghĩa đoàn kết đó trước khi nhận nhiệm vụ tại Bộ Phương Đông của Đệ tam Quốc tế. Cuối năm 1924, Hồ Chí Minh có mặt bên cạnh các phần tử dân tộc đấu tranh tại Hoa Nam trong tinh thần liên minh và đoàn kết theo đúng hướng đã học tập.

Để thuận tình hợp cảnh, Hồ Chí Minh bắt buộc phải xuất hiện như một người yêu nước nhiệt thành với nguyện vọng tranh thủ độc lập và chủ nghĩa Cộng sản chỉ được trình bày như phương tiện hữu hiệu duy nhất để đạt nguyện vọng này.

Đây không phải thủ đoạn cá nhân mà chính là nguyên tắc đấu tranh đã trở thành kinh điển. Không chỉ Hồ Chí Minh trình diễn bộ mặt yêu nước mà hết thảy những người khác sau khi trở thành đảng viên Cộng sản cũng phải trình diễn tương tự.

Cũng không riêng các cá nhân mà mọi tổ chức Cộng sản đều phải thực hiện cùng một cung cách, dù hết thảy đảng viên Cộng sản các cấp đều thuộc lòng điều tâm niệm "*dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất và chủ nghĩa ái quốc là một điều nguy hiểm*" như khảng định của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội trên báo *Thanh niên*, cơ quan ngôn luận của hội số ra ngày 20-12-1926.

Trước đó, tháng 6-1924, Nghị quyết Đại hội V của Đệ tam Quốc tế về sự hợp tác với các phần tử dân tộc tại Phương Đông cũng ghi rõ: "*Điều mà chúng ta bắt buộc các đảng Cộng sản phải làm là tìm cách xử dụng các phần tử dân tộc chống lại giai cấp tư sản. Các đảng Cộng sản phải thúc đẩy các phần tử bất mãn chống lại chế độ... Dĩ nhiên chúng ta*

không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc... Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc Cách mạng Vô sản.” (6)

Hồ Chí Minh có mặt tại đại hội này và từng phát biểu: “*Hiện nay nạn độc và sức sống của bọn rấn độc Tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc” (7)* Lời phát biểu không chỉ bày tỏ sự tán trợ sách lược vận dụng hình thức mặt trận dân tộc đoàn kết, lợi dụng các phần tử yêu nước mà còn xác nhận thể đứng đứn khoát trong trận tuyến đấu tranh giai cấp tiêu diệt kẻ thù Tư bản.

Mục tiêu theo đuổi của Hồ Chí Minh không còn là nền độc lập dân tộc nữa mà là sự thành công của Cách mạng Vô sản và kẻ thù không chỉ là các guồng máy Thực dân thống trị mà là toàn thể bọn rấn độc Tư bản chủ nghĩa. Dân tộc Việt Nam trước mắt Hồ Chí Minh không còn là một tập thể đồng bào cùng chung huyết mạch mà là một tập thể đầy rẫy bọn rấn độc Tư bản chủ nghĩa, kẻ thù không đội trời chung của giai cấp Vô sản là giai cấp tiền phong trong cuộc đấu tranh Cách mạng đem lại hạnh phúc cho con người và cũng là giai cấp được Hồ Chí Minh chọn lựa phụng sự.

Trong tầm nhìn mới của Hồ Chí Minh so với ba năm trước, đấu tranh giải phóng dân tộc chỉ còn là đoạn đường đoạt thủ quyền lực, cụ thể là đoạt thủ chính quyền cho giai cấp Vô sản.

Do các phần tử đấu tranh giải phóng dân tộc đều nhắm mục tiêu lật đổ guồng máy Thực dân thống trị để giành độc lập nên tạm thời được coi như đối tượng liên minh cần thiết để tăng triển sức mạnh đối đầu với kẻ thù Tư bản trong đó các phần tử Thực dân là đối tượng cần tiêu diệt trước hết.

Liên minh chỉ là giai đoạn và ngay trong liên minh vẫn phải nắm quyền chủ động để bảo đảm chính quyền thuộc về giai cấp Vô sản khi Thực dân bị xô đổ, bởi như Engels đã định nghĩa, *chính quyền chỉ là bộ máy mà một giai cấp dùng để hủy diệt giai cấp kia* nên không thể để rơi vào tay các giai cấp khác, dù là giai cấp đang được liên minh.

Suốt thời gian hoạt động tại Hoa Nam, Thái Lan và cho tới cuối đời, trong mọi cuộc liên minh, Hồ Chí Minh đã tuân thủ triệt để ý nghĩa đoàn kết mà Bùi Tín diễn tả chính bởi mục tiêu này. Liên minh để tăng triển lực lượng đấu tranh với điều kiện bảo đảm vị thế độc tôn của giai cấp Vô sản nên đoàn kết trở thành tiêu diệt mọi dị kiến.

Trước hết là biến đổi các đối tượng đã tuân phục thành tín đồ tận tụy và kế tiếp là thanh lọc bằng mọi cách các đối tượng không chịu tuân phục. Cho nên khi Phùng Thế Tài bài bác việc gia nhập hàng ngũ các tổ chức đấu tranh giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã giảng giải: “*Không vào là sai rồi. Tại sao không vào? Chúng mở cửa cho ta vào nắm quần chúng, sao ta lại quay đi? Chúng mở được hội, thì chúng có khả năng*

triệu tập quần chúng. Ta phải lợi dụng khả năng ấy. Phải vào mà biến tổ chức địch thành tổ chức ta.”

Tới Quảng Châu tháng 11-1924, chỉ vài tuần lễ sau, Hồ Chí Minh đã tiếp cận tổ chức Tâm Tâm Xã và tháng 6-1925 biến tổ chức này thành Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội với cái nhân được gọi là nhóm bí mật *Cộng sản đoàn*. Nhóm bí mật gồm Hồ Chí Minh và 8 thành viên Tâm Tâm Xã tuân phục Hồ Chí Minh đã điều khiển tổ chức gồm rất đông hội viên đang có mặt tại Hoa Nam, Thái Lan, Việt Nam vận dụng chiêu bài giải phóng dân tộc, ngấm ngấm truyền bá tư tưởng Cộng sản.

Với danh nghĩa Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội và chiêu bài tranh thủ độc lập, kể từ 1925, Hồ Chí Minh thu hút nhiều phần tử dân tộc đấu tranh ở trong nước tham gia Cộng sản như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Đặng Xuân Khu, Tôn Quang Phiệt, Đào Duy Anh... cùng nhiều phần tử chống Pháp khác đang hoạt động tại Thái Lan, Hoa Nam...

VN Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội nêu mục đích *“hy sinh tính mệnh, quyền lợi, tư tưởng để làm cuộc Cách mạng dân tộc, đập tan bọn Pháp, giành lại độc lập cho xứ sở, rồi sau làm cách mạng thế giới, lật đổ chủ nghĩa đế quốc”*, nhưng trong công tác tuyên truyền vận động quần chúng, phần được nhấn mạnh chỉ là làm cách mạng dân tộc.

Đầu năm 1930, khi Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội bị xóa tên để trở thành đảng Cộng sản Đông Dương thì đảng viên Cộng sản tiếp tục xâm nhập các tổ chức yêu nước khác như Việt Nam Độc lập Đồng minh hội của Hồ Học Lãm, Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội của Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần... đồng thời nêu chiêu bài dân tộc đấu tranh chống Thực dân Đế quốc qua một loạt tổ chức, trước hết là Hội Phản đế Đồng minh xuất hiện tháng 11-1930, rồi Mặt trận Phản đế Đông Dương tháng 4-1931, Đông Dương Phản đế Liên minh tháng 3-1935, Mặt trận Dân chúng Thống nhất Phản đế tháng 6-1936, Mặt trận Nhân dân Đông Dương tháng 10-1936, Mặt trận Dân chủ Đông Dương tháng 3-1939, Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế Đông Dương tháng 11-1939 và Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh tức Mặt trận Việt Minh tháng 5-1941 với lời tuyên truyền *Việt Minh không phải là đảng Cộng sản, chỉ là một mặt trận gồm tất cả các đảng phái lấy lại độc lập cho nước nhà* – theo ghi nhận của Trần Trọng Kim.

Suốt 20 năm từ 1925 đến 1945, Hồ Chí Minh không ngừng thúc đẩy đồng chí tuyên truyền cho mục tiêu đấu tranh của Cộng sản là đập tan chế độ Thực dân Pháp để thu hồi độc lập dân tộc và không ngừng hô hào *đoàn kết dân tộc, thống nhất lực lượng đấu tranh để sớm đi tới thành công*. Nhưng trong hành động thực tiễn, Hồ Chí Minh và các đồng

chí không rời xa ý hướng gây dựng và phát triển sự tồn tại duy nhất của đảng Cộng sản.

Cho nên Douglas Pike mô tả về hoạt động của Hồ Chí Minh trong giai đoạn này như sau: *“Hầu hết những thắng lợi chính trị của Hồ trong thời kỳ tiền Việt Minh là kết quả của tài tổ chức: tạo dựng, xử dụng và đưa ra ánh sáng một cách thuận lợi một chuỗi những tổ chức mật trận thống nhất, cái sau bao giờ cũng cao hơn cái trước, mỗi cái đều tăng cường quyền lực của đảng, mở rộng thêm sự ủng hộ của cơ sở quần chúng và loại trừ đối lập (rivals). Kỹ thuật (loại trừ) này gồm có việc bao lấy tổ chức đối lập đưa nó vào trong một cộng đồng xã hội rộng lớn hơn như một phương cách làm lu mờ căn cước riêng của nó và như một màn mở đầu để chặt mắt đầu, không còn lãnh tụ nên phải tan rã...”*

Thực chất sách lược liên minh hay đoàn kết dân tộc dành cho tất cả các tổ chức chấp thuận liên hiệp cùng Cộng sản dưới một hình thức nào đó với mục đích tăng cường lực lượng chống Thực dân chỉ là lời cuốn, khai thác, lũng đoạn để cuối cùng chiếm đoạt hoặc tiêu diệt theo cách Hồ Chí Minh từng giải thích với Phùng Thế Tài là *biến tổ chức địch thành tổ chức ta*.

Để giữ vững thành quả, sách lược này còn bao gồm một loạt hành động nối tiếp nhằm loại trừ trở ngại và những mầm mống đe dọa được định danh là kẻ địch.

Quan niệm không có chân lý thứ hai ngoài chân lý Cộng sản đã biến mọi tổ chức hay phần tử không tuân phục Cộng sản đều trở thành kẻ địch. Tất nhiên, trong loại trừ kẻ địch thì mọi phương tiện đều tốt, bất kể kẻ địch là ai, ở đâu.

Bernard Fall ghi lại cách đối phó của Hồ Chí Minh với những người từng tham gia các lớp huấn luyện do Hồ Chí Minh hướng dẫn tại Quảng Châu nhưng không chịu từ bỏ tinh thần dân tộc: *“Đối với những kẻ chúng tôi không đáng tin cậy, hoặc sau khi tốt nghiệp trường Hoàng Phố mà từ chối không theo Cộng sản, Hồ dùng một liều thuốc rất công hiệu: sai đảng viên Cộng sản tiết lộ danh tánh họ cho tinh báo Pháp. Sở an ninh trong nước sẽ tóm cổ họ ngay khi về tới.”*

Cộng tác với mật thám Pháp chỉ là một trong nhiều phương cách thanh trừng trở ngại. Hai phương cách khác đã trở thành hoạt động đấu tranh của Cộng sản là vu cáo, bôi nhọ hết thảy các tổ chức, phần tử dân tộc có uy tín trong quần chúng hoặc thủ tiêu, ám sát.

Sẽ hoàn toàn vô nghĩa nếu nhìn phương cách hành động của Hồ Chí Minh qua sự biểu hiện một tài năng đấu tranh siêu việt theo kiểu nhìn của Halberstam, Douglas Pike, Buttinger... hoặc như chúng có cho một bản tính hiểm độc tàn ác theo kiểu nhìn của nhiều người khác. Đó là những kiểu nhìn chỉ nhắm dẫn đến những lời khen hay tiếng chê

về một con người biệt lập chứ không đóng góp tích cực cho nhu cầu xác định các biến cố đã xảy ra trong thực tế với tính cách lịch sử.

Tiếng nói quan trọng cất lên từ phương cách hành động của Hồ Chí Minh đối với những người nặng tình thần dân tộc, không chấp nhận chủ nghĩa Cộng sản là tiếng nói xác định ý hướng phụng sự của Hồ Chí Minh.

Ít nhất kể từ 1918, Hồ Chí Minh đã tham gia hoạt động trong nhóm Phan Chu Trinh do thúc đẩy của lòng yêu nước. Nhưng từ 1923, khi trở thành cán bộ Đệ tam Quốc tế, Hồ Chí Minh tin tưởng tuyệt đối rằng “*chủ nghĩa Mác-Lênin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui*” (8)

Ánh sáng của vùng mặt trời này cho thấy ngoại trừ giai cấp Vô sản và những người tin theo Cộng sản, mọi giai cấp hoặc phần tử khác đều thuộc hàng ngũ kẻ thù tức *bọn răn độc Tư bản chủ nghĩa* – theo ngôn ngữ của Hồ Chí Minh.

Vì thế, lòng yêu nước theo cái nghĩa thông thường đã được chính Hồ Chí Minh chỉ cho các đồng chí trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội hiểu là nguy hiểm bởi vừa khuôn hạn giữa các biên giới quốc gia nhỏ hẹp vừa đồng nghĩa với sự yêu thương *bọn răn độc Tư bản*.

Lòng yêu nước, nếu không được hiểu như một vỏ ngoài theo sách lược, sẽ phải hàm chứa ý nghĩa mới là mở rộng theo tầm soi rọi của ánh sáng chân lý Mác-Lênin tức bao quát hết thấy giai cấp Vô sản cùng những người tin theo Cộng sản trên thế giới. Đất nước của Hồ Chí Minh không còn mang tên Việt Nam mà đã đổi thành quê hương của giai cấp Vô sản.

Cho nên mới có lời nhắc nhở của Hồ Chí Minh về tính chất cuộc Cách mạng tại Việt Nam như Trần Văn Giàu đã lập lại: “*Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc Thực dân tức là đánh Tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận*”.

Tính giai cấp đã hoàn toàn thay thế mọi thứ tình nhân loại, tình đồng bào... thậm chí cả tình gia đình ruột thịt. Bởi tất cả những thứ tình này đều đe dọa gây trở ngại cho hoạt động đấu tranh Cách mạng Vô sản trong trường hợp thiếu nền tảng giai cấp tính.

Sách lược đấu tranh đòi hỏi Hồ Chí Minh phải vận dụng lòng yêu nước theo cái nghĩa thông thường, nhưng ý hướng đấu tranh và mục tiêu phụng sự của Hồ Chí Minh đã đặt trọn vào giai cấp Vô sản. Phương cách hành động của Hồ Chí Minh từ 1924 tới 1945 là tiếng nói dứt khoát khẳng định thực tế này và phương châm hành động của Cộng sản là *cứu cánh biện minh cho phương tiện*.

Từ đây tiếng nói quan trọng thứ hai đã cất lên là tiếng nói xác định những tổn hại mà lực lượng dân tộc yêu nước phải gánh chịu do phương cách hành động của Hồ Chí Minh.

Sau 20 năm hoạt động, Hồ Chí Minh đã có trong tay đảng Cộng sản Đông Dương đủ sức đoạt chính quyền vào tháng Tám 1945. Sự lớn mạnh của Đảng này tất nhiên do tinh thần tích cực của các đảng viên nhưng không thể phủ nhận xương máu của nhiều nạn nhân là những người Việt Nam yêu nước kể từ tháng 6-1925. Những nạn nhân này đã đóng góp mạng sống vào sự phát triển của đảng Cộng sản bằng cách tự nguyện hy sinh cho chiêu bài yêu nước mà Hồ Chí Minh và các đồng chí luôn giương cao hoặc bằng cách bị đẩy vào ngục tù Thực dân hay bị âm thầm hạ sát bởi những người Cộng sản.

Song song với sự lớn mạnh của đảng Cộng sản, lực lượng dân tộc yêu nước đã liên tục bị triệt hạ, bị tiêu hao không vì mục tiêu phụng sự dân tộc hàng mong mỏi. Duncanson tỏ ra không xa thực tế khi cho rằng dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, đảng Cộng sản Đông Dương đã trở thành *lực lượng chống lại những người-yêu-nước-chống-thực-dân*. Bởi khó thể nói khác rằng sức mạnh của Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản Đông Dương đã được nuôi dưỡng bằng xác chết của không biết bao nhiêu tổ chức dân tộc đấu tranh và những người Việt Nam yêu nước.

Douglas Pike biện giải rằng dù thực tế diễn ra như thế nhưng có thể ông Hồ không muốn thế và Larteguy coi đây là *cái giá phải trả* cho một cuộc cách mạng – “*Để giữ nguyên sự thán phục dành cho cuộc cách mạng, tốt nhất là không nên nhắc đến các nạn nhân của nó*”.

Douglas Pike, Larteguy là những người ngoài cuộc có thể phát biểu theo bất kể cách suy nghĩ đảo điên nào, nhưng tiếng nói cất lên từ thực tế Việt Nam vẫn khẳng định Hồ Chí Minh đã tranh thủ vị thế lãnh đạo bằng cái giá gây tổn hại đau đớn nặng nề cho dân tộc và hàng ngũ những người yêu nước đấu tranh.

Hồ Chí Minh đã nhân danh lòng yêu nước, nhân danh mục tiêu tranh thủ độc lập để tiến hành thủ đoạn tiêu diệt các lực lượng yêu nước hầu đi tới việc độc chiếm quyền hành vào tháng Tám 1945.

Thời kỳ được gọi là đấu tranh giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã diễn ra theo chiều hướng này với những nỗ lực nhắm chủ yếu gây sức mạnh và giành quyền lực cho đảng Cộng sản Đông Dương.

Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm vụ do Đệ tam Quốc tế giao phó là mở một đầu cầu bành trướng chủ nghĩa Cộng sản tại vùng Đông Nam Á bằng cách vận dụng hữu hiệu các nguyên tắc chiến lược sách lược Lenin-được-Staline-hóa để tiêu diệt hầu hết trở ngại là các tổ chức dân tộc yêu nước Việt Nam.

Điểm chính trong chiến lược sách lược này là phải kết hợp mọi tầng lớp nhân dân trong nước bị trị dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, hay dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh, đại diện Đệ tam Quốc tế sáng lập và lãnh đạo. Mục tiêu tối hậu của mọi hoạt động là nắm chính quyền tại Đông Dương để tiến tới Cộng sản hóa vùng Đông Nam Á.

Hồ Chí Minh đã thành công nhưng hàng loạt bàn tay khối óc cần thiết cho công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam đã bị hãm hại, thủ tiêu đồng thời đẩy tập thể dân tộc vào cảnh ngộ phân ly thù hận không thể hàn gắn tới ngày nay.

Bởi vì cuối cùng những người yêu nước đã thấy không còn chọn lựa nào ngoài sự cúi đầu cho Cộng sản sai phái hay trở thành nạn nhân bị thanh toán. Tất nhiên, khi không chịu trở thành công cụ và muốn tránh số phận nạn nhân thì hành vi đối đầu tự vệ là hành vi bắt buộc phải làm và do đó không thể tránh tình trạng phân ly thù hận.

– **Thời kỳ thứ hai** là thời kỳ Hồ Chí Minh cầm đầu cuộc kháng chiến chống Pháp từ 1945 tới 1954.

Biến cố mở đầu được gọi là Cách mạng Tháng Tám hoặc cuộc Tổng Khởi nghĩa cướp Chính quyền về cho Nhân dân xảy ra ngày 19-8-1945 là cuộc biểu tình tổ chức tại Công trường Nhà Hát lớn Hà Nội, sau đó biến thành tuần hành tới một số cơ quan để đại diện Việt Minh tiếp thu chính quyền theo thỏa thuận đã dàn xếp.

Mấy ngày sau, 27-8-1945, Hồ Chí Minh ra tuyên cáo về việc Ủy ban Dân tộc Giải phóng thuộc Mặt trận Việt Minh “*tự cải tổ thành Chính phủ Lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mời thêm một số nhân sĩ tham gia để cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó... Chính phủ lâm thời không phải là chính phủ riêng của Mặt trận Việt Minh... Nó thật là một chính phủ thống nhất quốc gia giữ trọng trách chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ Dân chủ Cộng hòa chính thức...*”.

Trước đó, ngày 25-8-1945 tại Huế, Bảo Đại chính thức tuyên bố thoái vị, trao ấn kiếm cho đại diện Việt Minh đồng thời tại Sài Gòn, Khâm sai Nguyễn Văn Sâm cũng bàn giao chính quyền cho Lâm ủy Hành chánh do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch.

Các phe phái không Cộng sản trên khắp nước đã bày tỏ cụ thể tinh thần liên hiệp đoàn kết. Hồ Chí Minh đã tuyên cáo chính phủ không phải của riêng Mặt trận Việt Minh mà là chính phủ thống nhất quốc gia.

Khó khăn trước mắt là hậu quả nạn đói và trận lụt vừa xảy ra bắt đầu từ ngày 18-8-1945 tại nhiều tỉnh miền Bắc cùng với thái độ của nhiều phần tử Thực dân trong chính giới Pháp không muốn từ bỏ chủ

quyền tại Đông Dương. Tuy nhiên, công việc đầu tiên của chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo lại xoay theo hướng khác.

Chỉ mấy ngày sau khi chính phủ chính thức ra mắt, ngày 1-9-1945, lực lượng vũ trang Việt Minh mở cuộc tấn công tiêu diệt căn cứ Nga My, Ninh Bình của Đảng Đại Việt Duy dân. Trong 10 ngày đầu tháng 9-1945, Võ Nguyên Giáp nhân danh Bộ trưởng Nội vụ ký một loạt sắc lệnh giải tán các đảng Đại Việt Quốc gia Xã hội, Đại Việt Quốc Dân đảng... *vì âm mưu với ngoại quốc đe dọa nền Độc lập của Việt Nam* và bắt giữ nhóm lãnh đạo Thanh niên Ái quốc hội với tội danh *Việt gian*.

Tại miền Nam, các nhân vật giáo phái và nhóm Cộng sản Đệ Tứ Quốc tế bị lùng bắt với tội danh âm mưu đảo chính. Hành động này khiến bùng nổ cuộc biểu tình phản đối của tín đồ Hòa Hảo tại Cần Thơ ngày 8-9-1945 và trở thành một vụ thảm sát khi Việt Minh đưa lực lượng vũ trang tới trấn áp.

Trả lời dư luận thắc mắc, ngày 10-9-1945, Trần Huy Liệu họp báo tại Hà Nội thanh minh chính phủ không hề khủng bố hay bắt bớ tràn lan *“mà chỉ bắt những kẻ đã được nhận thấy là có phương hại tới chính quyền của nhân dân”*.

Ngày 11-9-1945, báo *Cứu Quốc* của Việt Minh loan tin *bắt giữ một số Việt gian* xâm nhập từ các tỉnh Cao Bằng, Lào Kay mà thực tế chỉ là đảng viên Việt Nam Quốc Dân đảng, Việt Nam Thanh niên Ái quốc hội... Trong cùng ngày, Võ Nguyên Giáp ký sắc lệnh giải tán Việt Nam Hưng quốc Thanh niên hội, Việt Nam Thanh niên Ái quốc hội.

Hai ngày sau, 13-9-1945, báo *Cứu Quốc* loan tin bắt giữ hai lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân đảng từng là đồng chí của Nguyễn Thái Học là Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Thế Nghiệp với tội danh *phản quốc*. Hai người này đều bị giết sau đó. Tờ báo đăng một bài dài mạt ly nhóm lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân đảng, đồng thời Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 31 buộc mọi công dân *“phải khai báo ý định biểu tình, hội họp cho chính quyền trước 24 giờ”* và ngày 15-9-1945, Hồ Chí Minh ký thêm sắc lệnh *“đưa đi an trí tất cả những phần tử nguy hiểm cho Cách mạng”*...

Bộ máy chính quyền đã được vận dụng tối đa và tước khắc vào việc trấn áp các phần tử được nhận thấy *có phương hại tới chính quyền của nhân dân* như cách nói của Trần Huy Liệu. Chỉ có một thay đổi nhỏ so với thời kỳ trước là không cần sự tiếp tay của cơ quan mật thám Pháp vì lúc này đảng Cộng sản đã nắm quyền trong tay.

Bernard Fall nói về hoạt động của Hồ Chí Minh: *“Ông ta quyết tâm làm cho cái Nhà nước Việt Nam (Dân chủ Cộng hòa) sống sót bằng bất cứ giá nào... Khi Hồ thương thuyết với Pháp ở Fontainebleau thì đồng chí của ông là Võ Nguyên Giáp, Trần Văn Giàu, Nguyễn Bình, Phạm Văn Bạch thanh toán “các kẻ nội thù của chế độ” gồm các nhà lãnh đạo*

các giáo phái, các quan lại (Ngô Đình Khôi), các nhà trí thức (như Phạm Quỳnh), nhóm Trotskit và các người yêu nước chống cộng” khiến dẫn đến cái hậu quả là “tại Nam Kỳ, cả hai phía, giáo phái và Việt Minh đã giải quyết thanh toán những phần tử cảm tình của đối phương như sau: Trói lại từng chùm rồi thả xuống sông Mê Kông cho chết trôi ra biển.”

Trong lúc tiến hành các thủ đoạn khủng bố tàn khốc đó, Hồ Chí Minh luôn tỏ ra sẵn sàng chấp nhận sự nhượng bộ tối đa trước đòi hỏi của các lực lượng dân tộc để chứng minh lòng yêu nước.

Ngày 11-11-1945, Hồ Chí Minh công bố nghị quyết tự động giải tán đảng Cộng sản Đông Dương với lời phát biểu muốn “hợp tác tình thành với các đảng phái khác” trong tinh thần đoàn kết dân tộc và tiến tới thành lập chính phủ liên hiệp để cùng chung lo việc nước. Các lực lượng Việt Cách, Việt Quốc từ Hoa Nam trở về đáp ứng lời kêu gọi đoàn kết qua bản thông cáo chung ký tên Hồ Chí Minh, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh ngày 24-12-1945 với mục tiêu cụ thể:

– Độc lập trên hết, đoàn kết trên hết, tình thành cùng nhau thảo luận để giải quyết hết thảy những vấn đề khó khăn trước mắt.

– Ủng hộ một cách thiết thực cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội.

– Định chỉ mọi sự công kích nhau bằng ngôn luận và hành động.

Rồi Chính phủ Liên hiệp ra mắt, bầu cử Quốc hội được tiến hành. Trên thực tế, cuộc liên hiệp chỉ giúp Hồ Chí Minh củng cố vai trò lãnh đạo trong hoạt động ngoại giao với Pháp, ngoài ra các biện pháp tấn công phe đối lập vẫn tiếp diễn.

Trong **Một cơn gió bụi**, Trần Trọng Kim ghi lại diễn tiến liên hiệp thời điểm đó: “Việt Minh đem một số người ở ngoài đảng của họ vào trong chính phủ như Nguyễn Mạnh Hà, Nguyễn Văn Tố, Đào Trọng Kim v.v... để tỏ ra là một Chính phủ Liên hiệp có cả các hạng người. Song những cơ quan trọng yếu như quốc phòng, nội vụ, tài chính, tuyên truyền đều ở tay những người chính thức Việt Minh, tức là Cộng sản như Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Lê Văn Hiến, Phạm Văn Đồng v.v...”

Về phương diện quân sự thì quân của Việt Minh có Giải Phóng quân là quân đã được huấn luyện chính trị Cộng sản, Vệ Quốc quân và Tự Vệ quân tức là công dân do các ủy ban xã, phố cất để canh gác và giữ trật tự.

Quân của Quốc Dân đảng thì có từng khu riêng. Tuy bề ngoài nói các quân đội thuộc về bộ quốc phòng, nhưng thực ra bộ ấy không có quyền hành gì cả. Việc gì cũng quyết định ở quân sự ủy viên hội có Võ Nguyên Giáp, Cộng sản, làm chủ tịch... Lúc ấy khẩu hiệu của chính phủ là “thống nhất quân đội” mà ba tháng sau khi Chính phủ Liên hiệp thành lập, quân đội vẫn không thống nhất được... Quân Việt Minh chỉ rình có

cơ hội là đánh quân Quốc Dân đảng, hay bao vây để tiêu diệt lực lượng đối phương, thành ra hai bên cứ kinh địch nhau mãi... Sở công an Việt Minh bắt những người Việt Nam Quốc Dân đảng hay những người bị tình nghi vào tra tấn cực hình, có khi dùng những cách tàn nhẫn ghê gớm hơn thời Pháp và Nhật cai trị. Người một nước với nhau mà đối xử vô nhân đạo như thế, thật là thê thảm.”

Về tình hình chung, Trần Trọng Kim nhận định: “Cộng sản đảng, theo cách tổ chức và hành động, là một tôn giáo mới... Ai không tin theo và phản đối những người đứng đầu đảng tức những bậc giáo chủ, là người phản đạo, phải trừng trị rất nghiêm... Cho nên cha con, anh em, bè bạn không có tình nghĩa gì cả, chỉ biết tôn trọng chủ nghĩa Cộng sản và phục tùng người cầm quyền của đảng, ngoại giả, giết hại lẫn nhau, lừa đảo nhau: hễ ai làm những việc lợi cho đảng là người giỏi, người tốt... để thành lập xã hội mới. Xã hội mới ấy không tranh đấu cho quốc gia hay dân tộc. Dù có nói tranh đấu cho quốc gia hay dân tộc, cũng chỉ là phương pháp dùng tạm thời cho được việc mà thôi, chứ mục đích cốt yếu là tranh đấu cho giai cấp Vô sản... để thực hiện một thế giới đại đồng, đặt dưới quyền chỉ huy của giáo chủ Cộng sản ở bên Nga... Phương thuật của đảng Cộng sản bên Nga nói là bài trừ đế quốc chủ nghĩa và tiêu diệt những chế độ độc tài áp chế nhưng lại áp dụng chế độ độc tài áp chế hà khắc và tàn ác hơn... Người Cộng sản hay dùng chữ giải phóng... Có phải trước kia có cái cũi giam người, bây giờ đem cái cũi kiểu mới đến bên cạnh rồi bảo người ta chạy sang cái cũi mới ấy là giải phóng không? Nếu cái nghĩa giải phóng là thế, thì cũi cũ hay cũi mới cũng vẫn là cái cũi, chứ hơn gì!... Người nào công kích người cầm quyền của đảng là phải tội bị đày, bị giết. Ai không sốt sắng theo mình thì bị tình nghi, phải chịu mọi phiền khổ. Nhân dân vẫn bị đàn áp lầm than... Như thế thì giải phóng ở đâu?... Lúc đầu Việt Minh tuyên truyền rầm rĩ: "Nước Việt Nam đã được Đồng minh cho hoàn toàn độc lập, dân được tha hết các thứ thuế"... Dân nghe nói thế chạy ồ ồ theo. Sau chẳng thấy độc lập đâu và dân lại phải đóng góp nặng hơn trước... Thủ đoạn của Việt Minh là dùng mọi cách bạo ngược, giả dối cho được việc trong một lúc. Như họ đối với Việt Nam Quốc Dân đảng, nay nói đoàn kết, mai nói đoàn kết, nhưng vẫn đánh úp, vẫn bao vây cho tuyệt lương thực. Khi đánh được thì giết phá, đánh không được thì lại đoàn kết, rồi cách ngày lại đánh phá...”

Cho nên, giữa lúc hiện diện Chính phủ Liên hiệp, tháng 7-1946, Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy công an tấn công các trụ sở Việt Nam Quốc Dân đảng tại Hà Nội với lý do *triệt hạ bọn cướp của giết người* và cán bộ Cộng sản dựng hình nộm khắp các cửa chợ, bến sông với tấm băng quàng trước ngực ghi tên *Việt gian Nguyễn Hải Thần, Việt gian Vũ*

Hồng Khanh, Việt gian Nguyễn Tường Tam... là những người có mặt trong chính phủ liên hiệp nhưng không chấp nhận Cộng sản... Hồ Chí Minh đã tiếp nối hoạt động của thời kỳ trước với mức độ cao hơn.

Nhu cầu đoàn kết dân tộc khẩn thiết hơn bao giờ hết khi chiến tranh Việt - Pháp bùng nổ cuối tháng 12-1946, nhưng với Hồ Chí Minh, chiến tranh là cơ hội tốt để thanh toán các phần tử đối lập hầu củng cố đảng Cộng sản được tuyên bố giải tán từ cuối năm 1945. Bernard Fall là người từng gặp gỡ và có nhiều thiện cảm với Hồ Chí Minh đã ghi lại: *“Chiến tranh Đông Dương bùng nổ đã đơn giản hóa những khó khăn về chính trị của ông Hồ. Không cần phải đối xử với phe đối lập bằng bàn tay bọc nhưng nữa: Cứ việc gọi họ một cách đơn giản là Việt gian.”*

Tất nhiên không phải toàn thể quần chúng đều dễ dàng tin theo luận điệu chụp mũ vu cáo do Cộng sản đưa ra. Nếu có những người do lòng yêu nước thúc đẩy chỉ dồn trọn tâm lực vào việc chiến đấu chống Pháp không băn khoăn về mọi diễn tiến khác thì cũng có những người ưu tư về chủ trương của Hồ Chí Minh.

Những người sau này đã nhận thấy đối với Hồ Chí Minh, không phải Thực dân Pháp mà chính những người yêu nước không chấp nhận Cộng sản mới là kẻ thù số một. Cho nên thay vì tập trung sức mạnh toàn dân để ngăn chống Pháp, Hồ Chí Minh đã lợi dụng tình thế chiến tranh để tiêu diệt các phần tử đối lập bằng mọi thủ đoạn.

Mục tiêu phụng sự quốc gia dân tộc mà Hồ Chí Minh luôn tuyên bố đã hiện hình là chiêu bài che đậy cho mục tiêu giai cấp đấu tranh. Quốc gia dân tộc chỉ là phương tiện giúp Hồ Chí Minh và các đồng chí áp đặt một đường lối chính trị vào Việt Nam.

Ý thức này khiến mọi hy vọng cuối cùng về hòa hợp hòa giải dân tộc hết lý do tồn tại và không ít người đã dứt khoát từ bỏ hàng ngũ kháng chiến do Cộng sản đang khai thác để mở ra cục diện tình hình mới là sự hình thành trận tuyến những người Việt Nam yêu nước chống Cộng sản.

Trên thực tế, sự hiện diện của yếu tố Cộng sản trong tình hình Việt Nam ngay từ 1945 đã trở thành vấn đề hết sức phức tạp đối với chính giới Pháp, Mỹ. Tư cách cán bộ Đệ tam Quốc tế của Hồ Chí Minh giúp thêm lý do cho các phần tử Thực dân Pháp theo đuổi tham vọng tái lập chủ quyền tại Đông Dương, đồng thời trở thành chướng ngại cho chủ trương của Mỹ chống đối chế độ Thực dân. Bốn tháng trước khi chính thức tuyên chiến với Đức, Tổng thống Roosevelt đã thuyết phục Thủ tướng Anh Churchill cùng ký tên trong bản Tuyên cáo 14-8-1941 được gọi là Hiến chương Đại Tây dương cam kết tôn trọng quyền tự quyết của các quốc gia bị trị. Với chủ trương này, Mỹ không đồng ý cho quân Pháp giải giới Nhật tại Đông Dương và đặt lực lượng Đồng minh tại

Đông Nam Á dưới sự chỉ huy của Anh. Do đó, đơn vị đặc vụ Mỹ tại Hoa Nam đã hỗ trợ Việt Minh từ đầu năm 1945 và nhiều sĩ quan Mỹ tỏ ra có thiện cảm với Hồ Chí Minh. Trong ngày Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945 của Việt Nam, một số tướng tá Mỹ đã hiện diện trên khán đài ở Hà Nội, thậm chí tướng Gallagher còn lên đài phát thanh Hà Nội hát “quốc ca” đòi “*phanh thây uống máu quân thù*” đến nỗi sau đó bị khiển trách. Tuy nhiên, Mỹ lại nắm chắc tính lệ thuộc Liên Xô của Hồ Chí Minh và đang đối diện với mối lo về tình trạng Liên Xô mở rộng ảnh hưởng khắp Đông Âu sau sự sụp đổ của Đức. Một chính quyền Cộng sản xuất hiện tại Việt Nam với tư cách đầu cầu cho Liên Xô tràn lấn khắp Đông Nam Á là điều ngoài ý muốn của Mỹ. Cũng ngoài ý muốn của Mỹ nếu Pháp tái lập chế độ bảo hộ tại đây.

Thực ra không phải chính quyền Paris lúc đó không chia sẻ mối ưu tư của Mỹ về hiểm họa Cộng sản. Ngay trong thời gian tiến hành hội nghị Fontainebleau, Thủ tướng Pháp George Bidault đã căn dặn trưởng đoàn Pháp Max André về thái độ thận trọng để không biến Hồ Chí Minh thành con cờ của Liên Xô như chính Võ Nguyên Giáp đã ghi lại trong tập hồi ký ***Những năm tháng không thể nào quên***.

Lời căn dặn của Bidault có thể hiểu là lời nhắc nhở phái đoàn Pháp nên uyển chuyển, thậm chí sẵn sàng mềm dẻo tới mức tối đa để thu hút Hồ Chí Minh về phía Tây Phương. Nhưng thái độ của Hồ Chí Minh đã khiến mọi nỗ lực của Pháp không thể đưa tới kết quả mong muốn. Khởi từ sự việc này, có thể nói sự có mặt của Pháp tại Việt Nam đã mang ý nghĩa ngăn chống Cộng sản ngay từ năm 1946, cụ thể là ngăn chống sự bành trướng ảnh hưởng của Liên Xô. Tuy nhiên, ý nghĩa này đã bị che khuất bởi các định kiến sẵn có từ lâu về vai trò Thực dân của Pháp tại Đông Dương, nhất là khó tránh bị khai thác bởi một số người vẫn chưa thể chấm dứt giấc mơ tái lập chế độ thuộc địa.

Những yếu tố phụ thuộc này đã dễ dàng biến ý hướng ngăn chống Cộng sản của người Pháp thành một chiêu bài che giấu ý đồ Thực dân và vì thế đã đặt Pháp vào một trận tuyến không được dư luận Quốc tế hỗ trợ.

Chính vì thế, trong bản thông báo ngày 16-12-1946 gửi các đại sứ Mỹ, Ngoại trưởng James Byrnes tuy ghi nhận *ảnh hưởng Pháp tại Việt Nam không chỉ là kháng tổ với ảnh hưởng Liên Xô mà còn mang tính bảo vệ toàn vùng Đông Nam Á trước đà bành trướng của Cộng sản*, nhưng Mỹ vẫn giữ thái độ hết sức dè dặt. Do đó, nhiều viên chức ngoại giao Mỹ như Abbott, Landon, Reed, O’Sullivan đã tới Việt Nam với vai trò điều giải cố tìm một lối thoát cho tình thế khó khăn tại đây đã không vượt khỏi tình trạng thụ động chờ đợi.

Cuối cùng, tháng 12-1946, Abbott thú nhận đành bó tay, bởi *thay vì nhằm tạo một Liên bang kinh tế cần thiết cho cả hai bên thì Pháp cũng như Việt Minh đều nhìn theo hướng khác. Pháp không thể xác định nổi thế nào là quan điểm quốc gia tự do trong khối Liên hiệp Pháp còn Việt Minh giữ thái độ như trẻ nít chỉ nêu đòi hỏi trong sự thiếu kém kiến thức cả về kinh tế lẫn vấn đề độc lập.* Việt Minh không rời bỏ ý đồ độc bá trong khi Pháp không thể dễ dàng đặt các xứ Đông Dương vào vòng ảnh hưởng của Liên Xô. Nhưng lập trường ngăn chống Cộng sản của Pháp luôn bị đồng hoá với mong muốn tái lập đặc quyền của Pháp, trong khi Việt Minh lại nắm được chiêu bài tranh thủ độc lập cho dân tộc. Trên thực tế, mong muốn tái lập đặc quyền của Pháp vẫn tồn tại với không ít nhân vật trong chính giới Pháp lúc đó và trở thành một xu hướng có ảnh hưởng đáng kể. Hai xu hướng này chỉ có một điểm gặp gỡ là cùng đối đầu với lực lượng yêu nước Việt Nam nên đã có lúc mặc nhiên hợp sức cổ loại khỏi chính trường tiếng nói đại diện trung thực cho nhân dân Việt Nam, và chỉ ngừng tại đó. **(9)**

Thành ra Mỹ không có lý do can thiệp vào nội tình Đông Dương, cũng không thể nghiêng về phía Việt Minh hay về phía Pháp, và chiến tranh trở thành tất yếu. Đương nhiên, cả hai phía đều cố che giấu thực chất của mình. Hồ Chí Minh và đảng Cộng sản đã có sẵn bộ áo dân tộc yêu nước để hô hào toàn dân hỗ trợ chống xâm lăng trong khi những phần tử chủ trương tái lập chế độ thuộc địa cũng khai thác danh nghĩa ngăn chống Cộng sản của Pháp để thúc đẩy tình hình diễn biến theo những tính toán của mình. Thực tế phức tạp này đã đem lại thuận lợi nhiều hơn cho chiêu bài yêu nước của Hồ Chí Minh trong khi phủ mờ ý nghĩa ngăn chống Cộng sản của Pháp vào thời gian bùng nổ cuộc chiến, nhất là khi Cộng sản Quốc tế mở rộng mặt trận tuyên truyền trên khắp thế giới.

Tháng 9-1947, tổ chức Đệ tam Quốc tế Komintern sống lại dưới cái tên Phòng Thông tin Quốc tế Cộng sản Kominform đặt các quốc gia và tổ chức Cộng sản khắp nơi vào cuộc đấu tranh cho cách mạng thế giới do Liên Xô lãnh đạo.

Do ảnh hưởng Liên Xô mở rộng sau chiến tranh, cuộc cách mạng thế giới không còn hạn chế trong phạm vi hưởng ứng của một số tổ chức mà có sự tiếp tay qui mô của nhiều quốc gia. Tình hình thế giới lập tức biến thành thế phân cực đối đầu giữa Liên Xô và các nước Tây Phương.

Do đặt dưới quyền chỉ đạo của Cộng sản, cuộc kháng chiến tại Việt Nam đã gắn kết chặt chẽ với cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối Tự do và Cộng sản như Hồ Chí Minh tuyên bố: *“Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc Thực dân tức là đánh Tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng*

đó có qui mô thế giới mà Cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam là một bộ phận. Cách mạng Việt Nam được sự ủng hộ của Cách mạng thế giới, và Cách mạng VN góp phần vào cuộc Cách mạng thế giới đó”.

Lời tuyên bố của Hồ Chí Minh cho thấy rõ cuộc kháng chiến không hoàn toàn nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc mà nhằm *góp phần vào cuộc Cách mạng thế giới đánh đổ Tư bản chủ nghĩa. Nền độc lập của Việt Nam trở thành thứ yếu* vì cuộc chiến mang tính cục bộ của Cách mạng Vô sản thế giới với mục tiêu bành trướng ảnh hưởng tại Đông Nam Á. Hồ Chí Minh và Cộng sản Việt Nam được sự ủng hộ của Cách mạng thế giới – như lời Hồ Chí Minh tuyên bố – để đẩy nhân dân Việt Nam vào một cuộc trường chinh mở rộng biên thùy cho thế giới CS.

Vai trò chống Cộng sản của Pháp tại Đông Nam Á trở thành sự thực, nhưng hình ảnh Thực dân vốn có nơi Pháp không dễ xóa nhòa trong dư luận. Dân chúng Việt Nam sau gần một thế kỷ bị Pháp đô hộ đã quen đồng hóa người Pháp vào các quan chức thuộc địa.

Với dư luận thế giới, sự xuất hiện những đoàn quân viễn chinh trên một đất nước xa lạ để chống người dân địa phương không dễ giải thích bằng việc bảo vệ bất kỳ thứ lý tưởng nào. Hơn nữa, nhiều người còn ngờ vực về cuộc chiến tranh ý thức hệ, vì không nhìn thấy cuộc chiến đó ở đâu và ngờ vực luôn cả sự hiện diện của tình trạng *chiến tranh lạnh*.

Tâm trạng này xuất phát từ nhiều lý do, trong đó quan trọng hơn hết là sự không lưu tâm tới quan niệm đấu tranh giai cấp với chủ trương liên tục và trường kỳ chiến đấu khắp toàn cầu dưới mọi hình thức để xóa bỏ ý thức hệ Tư bản. Từ quan niệm này, Cộng sản đã phát động cuộc chiến mệnh danh chiến tranh ý thức hệ bất chấp thái độ của kẻ địch, kể cả trường hợp kẻ địch phủ nhận sự hiện diện của ý thức hệ Tư bản – *một cuộc chiến tất yếu theo quan niệm đấu tranh giai cấp và xảy ra dưới nhiều hình thức nhằm đánh đổ mọi kẻ địch được nêu rõ theo lập luận duy vật biện chứng, kể cả những kẻ không hề nghĩ tới Cộng sản hay chống lại Cộng sản*. Cũng do đó đã xuất hiện danh từ “*chiến tranh lạnh*” để diễn tả tình trạng chiến tranh không có tiếng súng. Dưới sự lãnh đạo của Liên Xô, các quốc gia và tổ chức Cộng sản khắp nơi kết thành một trận tuyến chống lại mọi xu hướng tư tưởng khác với tư tưởng Cộng sản bao gồm Phong kiến, Thực dân, Tư bản, Dân tộc... kể cả các hệ phái Cộng sản ngoài Đệ tam Quốc tế như Kausky, Trotski ...

Hồ Chí Minh là cán bộ Đệ tam Quốc tế từ 1923, đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ trực thuộc Đệ tam Quốc tế từ 1931 nên cuộc chiến chống Pháp tại Việt Nam gắn chặt với trận tuyến này, tức không thể không mang tính cục bộ của cuộc chiến ý thức hệ thế giới đang diễn ra giữa hai phe Cộng sản và Tư bản. Từ đây, không thể phủ nhận vai

trò chống Cộng sản của Pháp dù trong chính giới Pháp vẫn tồn tại những phần tử chưa muốn từ bỏ chính sách Thực dân.

Theo đúng nguyên lý Lenin với sách lược mặt trận dân tộc, hết thấy các quốc gia và đoàn thể chịu ảnh hưởng Liên Xô đã khai thác sự hiện diện của những phần tử Thực dân để vùi dập, bôi nhọ vai trò chống Cộng sản của Pháp đồng thời khai thác sự hiện diện của những người yêu nước trong hàng ngũ kháng chiến Việt Nam để tán dương chính nghĩa chống xâm lăng của Hồ Chí Minh. Để tăng hiệu quả cho lời tán dương này cũng xuất hiện những lập luận vu cáo, kết án mọi phần tử yêu nước từ bỏ hàng ngũ kháng chiến vì nhận rõ con đường đi ngược nguyện vọng dân tộc của Hồ Chí Minh.

Chính nghĩa và nguy nghĩa trở thành xen lẫn, đảo lộn trong tình thế thực giả, khó phân. Vai trò chống Cộng sản của Pháp không thể hoàn toàn hiển thị vào lúc đầu nên bị bôi xóa dễ dàng và ảnh hưởng nặng nề tới trận tuyến của những người Việt Nam yêu nước khi từ bỏ hàng ngũ kháng chiến để liên kết với Pháp.

Cuộc liên kết giữa những người Việt Nam yêu nước với Pháp khởi từ cuối năm 1947 là một quá trình vận động hết sức gập ghềnh cho cả hai phía. Để đại diện cho tiếng nói dân tộc, những người Việt Nam yêu nước phải đẩy Pháp về vị trí Đồng minh thuần túy trong cuộc chiến ngăn chống Cộng sản, trong khi Pháp một phần bị ràng buộc bởi thực tế chiến trường phần khác vẫn có những phần tử chưa thể từ bỏ ngay các đặc quyền. Tới cuối năm 1947, nhiều nhân vật chính trị Pháp vẫn nuôi ý đồ dùng các phần tử yêu nước Việt Nam như một chiêu bài trong chiêu bài chống Cộng sản. Vì thế, không ít khó khăn đã kéo dài với việc chấp thuận các điều kiện liên kết do những người Việt Nam yêu nước đặt ra, trong số có 2 vấn đề:

– *Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia thống nhất gồm 3 miền Bắc, Trung, Nam có một chính phủ độc lập do người Việt cử ra.*

– *Việt Nam sẽ có quân đội riêng do chính phủ Việt Nam độc lập nắm quyền điều động.*

Đổi lại, Việt Nam chấp nhận gia nhập Liên hiệp Pháp, sẵn sàng dành cho Pháp thay mặt về các vấn đề ngoại giao và quân đội Việt Nam sẽ tham gia bảo vệ khối Liên hiệp Pháp.

Những đòi hỏi này được Cao ủy Pháp tại Đông Dương Bollaert thỏa thuận với Bảo Đại từ cuộc gặp gỡ tại Hạ Long đầu tháng 12-1947 nhưng mãi 6 tháng sau mới được ghi thành điều 1 trong bản tuyên cáo chung 3 điểm Bollaert – Bảo Đại ngày 5-6-1948 như sau: “*Nước Pháp long trọng nhìn nhận sự độc lập của Việt Nam. Từ rày về sau, việc tự do thực hiện nền thống nhất quốc gia tùy nơi nước Việt Nam. Về phần mình, nước Việt Nam tuyên bố chịu gia nhập vào Liên hiệp Pháp với*

đanh nghĩa một quốc gia đồng hội với nước Pháp". (10) Bản tuyên cáo được gọi là Hiệp ước Hạ Long không được Quốc hội Pháp thông qua. Suốt thời gian này, Mỹ đã nhiều lần cảnh giác Pháp về việc có thể đẩy toàn bộ Đông Dương vào tay Liên Xô và ngày 9-7-1948 Tây Âu Sự vụ của Bộ Ngoại giao Mỹ đã đề nghị với ngoại trưởng Marshall chính thức nói rõ với chính phủ Pháp rằng Pháp đang đứng trước hai ngã đường: *"Hoặc chấp nhận ngay nguyên tắc Việt Nam thống nhất gồm cả 3 miền Nam, Trung, Bắc và độc lập trong khối Liên hiệp Pháp hoặc sẽ mất hết toàn cõi Đông Dương"*.

Tuy vậy, vẫn phải chờ thêm 8 tháng nữa, hai bên mới tiến tới Thỏa ước Élysée 8-3-1949 giữa Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Bảo Đại, chấp thuận các đòi hỏi mà những người yêu nước nêu ra.

Bản Thỏa ước công nhận sự hình thành nước Việt Nam thống nhất độc lập với danh xưng Quốc gia Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại, nhưng trên thực tế việc xây dựng một chính quyền hoàn toàn độc lập cho Việt Nam vẫn chưa hết khó khăn trong đó có những khó khăn ngay từ phía Pháp.

Khó khăn lớn nhất là dư luận chống đối dấy lên từ chính nước Pháp bởi các tổ chức Cộng sản và những phần tử chưa muốn từ bỏ chính sách Thực dân. Cộng sản Pháp trong thế liên kết với cuộc chiến ý thức hệ đã vận dụng tối đa các phương tiện truyền thông triệt hạ uy tín của những người Việt Nam yêu nước hầu ngăn chặn mối nguy cho phe Cộng sản do sự xuất hiện lực lượng dân tộc yêu nước tại Việt Nam.

Trong khi đó, các phần tử chủ trương tái lập chế độ bảo hộ bắt đầu nhìn thấy viễn tượng tan vỡ các đặc quyền. Những bài báo tương tự bài của Simone Terry gọi Hồ Chí Minh là *Bác Hồ – L'Onclé Ho* – từng xuất hiện trên tờ *L'Humanité* lúc Hồ Chí Minh tới Paris tháng 6-1946 lại xuất hiện trên các báo *Revue Socialiste, Franc-Tireur...* ca ngợi *"Chủ tịch Hồ Chí Minh đã qui tụ được những người quốc gia không đảng phái cũng như một số đông người Công giáo yêu nước"* hoặc *"Việt Nam đứng sau lưng Hồ Chí Minh. Trước hết phải thương thuyết với Hồ Chí Minh – Le Vietnam est derrière Ho Chi Minh. Il faut traiter en premier lieu avec Ho Chi Minh"*... Tại diễn đàn Quốc hội Pháp, các dân biểu Cộng sản và phe De Gaulle như Guillon, Marc Dupuy... vu cáo nhục mạ Cựu hoàng Bảo Đại bằng đủ mọi lời lẽ như *"Bảo Đại là tay sai của Nhật, đã giao Đông Dương cho Nhật, một ông vua mất chức được biết nhiều ở các sân golf tại Cannes hay ở các hộp đêm..."* và xuyên tạc những người Việt Nam yêu nước *"chỉ là một nhóm cựu quan lại, cựu công chức, vài trường giả giàu có... chỉ nghĩ đến gia tăng quyền lợi bản thân trước khi nghĩ đến tổ quốc của họ..."*

Những người này chống đối Thỏa ước Élysée, cho rằng Pháp nhượng bộ quá nhiều so với các hiệp ước ký với Hồ Chí Minh năm 1946, vì Hồ Chí Minh đã đồng ý gác lại vấn đề Nam Kỳ, vẫn coi như lãnh thổ hải ngoại của Pháp...

Trận đánh không có tiếng súng này kim chân Quốc hội Pháp trì hoãn tới ngày 2-2-1950 (11) mới phê chuẩn bản Thỏa ước. Lúc này, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã thành lập và công nhận chính phủ Hồ Chí Minh ngày 18-1-1950. Ngày 1-2-1950, Liên Xô cũng công nhận chính phủ Hồ Chí Minh và yêu cầu cử đại sứ tới Mạc Tư Khoa. Hồ Chí Minh đã có một hậu phương khổng lồ ở sát sau lưng với sự yểm trợ về mọi mặt của toàn khối Cộng sản trong khi trận tuyến những người Việt Nam yêu nước chưa ổn định xong về mặt tổ chức.

Dù sao Quốc gia Việt Nam đã thành hình với chủ quyền độc lập, lãnh thổ thống nhất, được Mỹ chính thức thừa nhận ngày 4-2-1950 và Anh thừa nhận ngày 7-2-1950.

Sự kiện thực tế này gần như luôn bị gạt qua bởi những người cố tình diễn tả cuộc chiến Việt Nam là cuộc chiến giải phóng đất nước. Theo những người này, lý do bùng nổ cuộc chiến là hành vi xâm lược của Pháp được Mỹ yểm trợ và chính quyền Quốc gia Việt Nam chỉ là bù nhìn do Pháp dựng lên – *dập khuôn theo luận điệu tuyên truyền mà toàn thể khối Cộng sản nỗ lực đưa vào dư luận thế giới*.

Người ta không chỉ gạt bỏ cuộc vận động giành lại chủ quyền dân tộc của những người yêu nước, gạt bỏ chủ trương tiêu diệt phe đối lập của Hồ Chí Minh mà còn cố tình quên tình trạng bị ràng buộc với Đệ tam Quốc tế khiến Hồ Chí Minh không thể làm khác được những việc đã làm, trong đó có cả điều mà Vụ trưởng Đông Nam Á Sự vụ của Mỹ George Moffat Abbott từng mô tả là *“thái độ như trẻ nít chỉ nêu đòi hỏi trong sự thiếu kém kiến thức cả về kinh tế lẫn vấn đề độc lập”*.

Hồ Chí Minh không bao giờ là trẻ nít mà tuân thủ đúng nguyên tắc đấu tranh, đẩy mọi sự việc theo hướng cần thiết. Từ tháng 9-1945, sau khi quân Pháp đổ bộ Sài Gòn cho tới cuối 1946, Hồ Chí Minh vẫn nhượng bộ, không bàn về vấn đề Nam Kỳ và ký kết cho quân Pháp vào miền Bắc với dụng ý mà các tác giả Lacouture, Sainteny... đã thấy và chính Võ Nguyên Giáp đã ghi lại là tạm hòa với Pháp để có Đồng minh tiêu diệt kẻ thù số một vào lúc đó là các phần tử phản động tức những người yêu nước không chấp nhận cả Cộng sản lẫn Thực dân.

Khi trấn áp xong lực lượng này thì Đồng minh tạm thời là Pháp trở thành kẻ địch. Bước đi được định sẵn của Cộng sản là lợi dụng các phần tử dân tộc bất mãn với Thực dân nên hành động chặt đứt mọi hy vọng thương lượng, đẩy Pháp vào thế phải gây chiến là nước cò theo đúng lớp lang.

Toàn thể dân tộc không còn chọn lựa nào ngoài việc kháng chiến chống Pháp trong khi Hồ Chí Minh và những người Cộng sản với vị thế độc tôn lãnh đạo sẽ biến cuộc chiến thành một bộ phận của Cách mạng thế giới và được sự ủng hộ của Cách mạng thế giới để góp phần vào Cách mạng thế giới như Hồ Chí Minh tuyên bố.

Chuyến du hành qua Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa đầu năm 1950 của Hồ Chí Minh và sự tái xuất hiện đảng Cộng sản dưới danh xưng Đảng Lao động Việt Nam cuối 1951 để mở đầu cho chiến dịch thanh lọc rộng rãi kéo dài từ 1953 tới 1956 trong khuôn khổ các chính sách rèn cán chỉnh quân, cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp... là tiếng nói khẳng định mục tiêu bành trướng chủ nghĩa Cộng sản.

Sự việc càng cụ thể hơn, khi Liên Xô thay đổi đường lối sau cái chết của Stalin và Trung Cộng cần có thời gian hồi phục sau cuộc đối đầu với Mỹ tại Triều Tiên thì Hồ Chí Minh sẵn sàng chấp nhận giải pháp chia đôi đất nước năm 1954, bất kể nguyện vọng dân tộc ra sao, bất kể đã có bao nhiêu con dân Việt Nam bỏ mình vì mục tiêu bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước.

Trong thời kỳ cầm đầu cuộc kháng chiến 1945-1954, Hồ Chí Minh vẫn luôn đặt quyền lợi tối thượng của dân tộc dưới quyền lợi của Cộng sản Quốc tế. Lòng yêu nước theo ý nghĩa thông thường đã khô cạn hẳn trong tâm tư Hồ Chí Minh nên dù hàng ngũ kháng chiến có mất nhiều người yêu nước và ngay cả một số đảng viên Cộng sản cũng kháng chiến vì yêu nước hơn vì lý tưởng Cộng sản thì cuộc kháng chiến vẫn không vì lý tưởng quốc gia. Bởi hàng ngũ kháng chiến được lãnh đạo bởi một tông đồ (apostle) của tôn giáo Cộng sản – như *Khrutshchev mô tả* – và không lúc nào tách khỏi sự chỉ đạo của Đệ tam Quốc tế, cụ thể là Liên Xô, nên luôn hướng cuộc kháng chiến xoay theo đích nhắm của khối Cộng sản.

Kết quả là bất chấp 9 năm hy sinh xương máu của con dân, đất nước bị chia đôi tại vĩ tuyến 17, sau khi đã giành được sự thống nhất Bắc-Trung-Nam với Thỏa ước Élysée 1949 do nỗ lực của những người yêu nước.

Rõ ràng Hồ Chí Minh đặt nặng nhiệm vụ củng cố thế lực Cộng sản hơn quyền lợi dân tộc nên dù luôn kêu gọi liên hiệp, hòa giải vẫn kháng kháng bảo vệ thế độc chiếm quyền hành, cắt đứt mọi điều kiện hình thành một khối dân tộc đoàn kết thực sự, kể cả bằng cái giá là chia đôi lãnh thổ.

Hiệp định Genève 1954 đã đem lại cho Hồ Chí Minh một nửa phần đất nước tựa lưng vào hậu phương Trung Cộng để chuẩn bị cho giai đoạn tiếp nối của cuộc chiến cục bộ tại Đông Nam Á trong Cách mạng thế giới, đẩy Việt Nam vào cục diện tranh chấp mới trong cuộc chiến ý

thức hệ giữa Cộng sản và thế giới tự do. Đây cũng là thời kỳ tranh đấu thứ ba của Hồ Chí Minh.

– **Thời kỳ thứ ba** khởi từ 1954 với nhiệm vụ trước mắt là “*chiếu cố miền Nam*” theo nghị quyết của đảng Cộng sản. Trong thời kỳ này, bộ máy quyền lực tại miền Bắc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh tiếp tục được vận dụng gần như không rời phương hướng cũ. Các chính sách rèn cán chỉnh quân, thanh lọc hàng ngũ, cải cách ruộng đất, cải tạo thương nghiệp... nhằm mục tiêu chủ yếu là củng cố tổ chức và quyền lực cho Cộng sản đã làm tê liệt mọi sinh hoạt xã hội đồng thời gieo rắc thảm họa tang tóc khắp nơi.

Kết luận này không do gán ghép để chỉ trích Hồ Chí Minh mà được nói lên từ thực tế xã hội miền Bắc qua ghi nhận của chính các đảng viên Cộng sản.

Theo Bùi Tín, *thực tế đã dẫn đến những nỗi khổ ải của nhân dân, sự đổ vỡ của nền kinh tế, sự lạc hậu triền miên của xã hội, tình trạng nghèo đói và bất công của số đông là những thất bại nặng nề mà Hồ Chí Minh và ban lãnh đạo đảng Cộng sản chịu hoàn toàn trách nhiệm dù cho ông có thiện chí, có mong muốn tốt đi nữa. (12)*

Ngày 29-10-1956, trước công chúng tại sân vận động Hàng Đẫy Hà Nội, Võ Nguyên Giáp đã nói rõ hơn về nguyên nhân dẫn đến những thất bại đó: “*Chúng ta đã giết quá nhiều người lương thiện... chỗ nào cũng thấy địch và dùng tới khủng bố tràn lan... Khi chính đảng, chúng ta quá chú trọng tới giai cấp xã hội thay vì chỉ căn cứ vào khả năng chính trị mà thôi. Thay vì lấy giáo dục làm chính, ta chỉ dùng tới những biện pháp tổ chức như phạt kỷ luật, khai trừ, xử tử, giải tán tổ chức chi nhánh đảng hay những chi bộ đảng. Tệ hơn nữa, tra tấn được coi như việc bình thường trong thời gian chỉnh đốn tổ chức đảng.*” (13)

Việc xây dựng miền Bắc theo hướng củng cố và bành trướng sức mạnh cho đảng Cộng sản bằng mọi cách, kể cả chém giết, dẫn đến một xã hội “*sống kín mít... giống như đứng dưới đáy giếng. Ăn, mặc, ở, quan hệ với nhau coi như ổn, không thành vấn đề. Mặc gần như đồng phục, ăn uống cũng gần giống nhau, theo mức của tem phiếu. Lấy vợ lấy chồng cũng giống nhau, được phép của đảng, của tổ chức, đám cưới đơn sơ giản dị... không cần có động cơ vun đắp lứa đôi... chẳng khác gì xưa bố mẹ đặt đâu con ngồi đấy. Nay là tổ chức đặt đâu, đảng đặt đâu xin ngồi nguyên đấy cho yên phận... Thế là trong gần 30 năm, do điều kiện chiến tranh, do chính sách bế quan tỏa cảng, hàng chục triệu nhân dân Việt Nam bị tước quyền được là công dân thế giới... Lý lịch là bản mệnh cán bộ và công dân. Nhận xét của cơ quan tổ chức cán bộ và cơ quan công an là có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh chính trị mỗi người. Đối với công dân được nhận xét là trung thành với chế độ, thông*

suốt chính sách của đảng và nhà nước là điểm son. Đối với cán bộ thì lập trường chính trị vững vàng, thông suốt đường lối chính sách, tin tưởng ở đảng và nhà nước, không có gì vướng mắc... là điểm ưu". (14)

Kiểu mẫu xã hội đó chắc chắn không cần thiết và cũng không phù hợp với nguyện vọng sống bình thường của con người ở mọi nơi, nhưng cần thiết cho đảng Cộng sản Việt Nam để đẩy mạnh đấu tranh giai cấp với mục tiêu trước mắt là "*chiếu cố miền Nam*".

Biến xã hội miền Bắc thành trại lính là điều kiện bảo đảm cho sự tiến hành chính sách *chiếu cố miền Nam* bằng bạo lực. Đảng Cộng sản đã trù liệu chiến tranh từ khi ký hiệp định Genève 1954 với kế hoạch chôn giấu vũ khí, cài đặt "cơ sở" tại miền Nam và chiến dịch dựng vợ gả chồng cho cán binh trước khi tập kết ra Bắc để tạo tương quan tình cảm...

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh và các đồng chí đã nhìn thấy sự từ khước chủ nghĩa Cộng sản của đa số dân chúng, nhất là của những phần tử dân tộc yêu nước đang nắm quyền ở miền Nam, sau quá nhiều kinh nghiệm đoàn kết bi thảm với Cộng sản trước và sau 1945.

Cũng hơn ai hết, Hồ Chí Minh và các đồng chí tự hiểu họ đã chọn con đường chỉ có một hướng nhắm duy nhất là tiêu diệt mọi xu hướng dị biệt. Khi các chiêu bài liên hiệp, đoàn kết để hãm hại ngầm không còn điều kiện tiến hành thì giải pháp duy nhất là sử dụng binh lực.

Bởi vì đích nhắm cuối cùng của Hồ Chí Minh với tư cách đảng viên Cộng sản là góp phần vào Cách mạng thế giới để tạo dựng một thế giới đại đồng dưới nền chuyên chính Vô sản. Trong khuôn khổ Cách mạng đó, mọi người Cộng sản đều có nhiệm vụ tham gia trận chiến liên tục trường kỳ cho tới khi đạt thắng lợi cuối cùng.

Cho nên, phát động chiến tranh để chiếu cố miền Nam trở thành tất yếu, ngoài trừ trường hợp không thể xảy ra là Hồ Chí Minh từ bỏ khối Cộng sản để đặt mục tiêu phụng sự dân tộc lên hàng đầu và chân thành đoàn kết cùng mọi phần tử yêu nước khác chính kiến.

Bùi Tín vẫn nghĩ Hồ Chí Minh là người yêu nước vẫn phải nhận định: "*Trở nên cán bộ của Quốc tế Cộng sản Ba, ông bị ảnh hưởng lớn của Stalin và Mao Trạch Đông, đích của ông là giải phóng dân tộc, giành lại độc lập cho đất nước và đích cao hơn nữa là Cách mạng Vô sản ở Đông Dương, ở châu Á và toàn thế giới... Sùng bái "mặt trời phương Đông", nể sợ "thiên triều" Bắc Kinh, ông Hồ đã truyền cho những người lãnh đạo khác ở quanh ông, cho cả đảng Cộng sản một thái độ thụ động vô lý, mất hết khả năng phản kháng và tự vệ. Chính ông cũng bị cỗ xe Mác-Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông đè lên đầu trong khi cả đảng Cộng sản và xã hội bị cỗ xe ấy nghiền nát". (15)*

Tuy thế, Bùi Tín cho rằng "*không phải bất cứ lúc nào Hồ Chí Minh*

cũng chỉ là tay sai ngoan ngoãn, trung thành và mù quáng của Đệ tam Quốc tế.” Chứng cứ được viện dẫn là Hồ Chí Minh đã giữ thái độ tự chủ trong lãnh đạo chiến tranh. Không nghe theo lời Mao và Lâm Bưu khuyên là ở miền Nam chỉ nên duy trì chiến tranh du kích, chỉ nên đánh ở cỡ đại đội... cũng không nghe theo lời Liên Xô khuyên là nên hạ súng tìm giải pháp hòa bình vì Việt Nam không thể chống nổi Mỹ về mặt quân sự. (16)

Trong tác phẩm của mình, Bùi Tín nhắc lại sự việc này nhiều lần, coi là *ưu điểm của Hồ Chí Minh* – “*cùng với một số người lãnh đạo khác trong Đảng không mù quáng theo lời khuyên của Mao là chỉ nên tiến hành chiến tranh du kích ở miền Nam và cũng không theo sức ép của Liên Xô là phải ngừng chiến tranh để tìm một giải pháp thương lượng nhằm chung sống hòa bình bằng mọi giá*”. (17)

Cứ cho rằng đây là ưu điểm của Hồ Chí Minh thì đã dẫn đến kết quả thực tế ra sao? Trước hết, Hồ Chí Minh vẫn đặt Việt Nam vào cuộc chiến ý thức hệ với mục tiêu bành trướng ảnh hưởng Cộng sản thay vì đặt quyền lợi dân tộc vào hướng nhắm cuối cùng để giải quyết mọi mâu thuẫn với các lực lượng đối lập. Vì điều mà Bùi Tín kể như ưu điểm do sáng suốt, không mù quáng của Hồ Chí Minh chỉ là *từ chối thương lượng và cương quyết mở lớn qui mô chiến tranh*.

Hồ Chí Minh và các đồng chí đã đạt ý muốn là đánh bại các phe phái đối lập, giành trọn quyền lãnh đạo để thành lập nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhưng cái giá thực tế mà dân tộc VN phải trả từ 1954 tới 1975 khó thể diễn tả là gì ngoài thảm cảnh tương tàn bi đát kinh hoàng với tất cả mọi người dân trên khắp các miền đất nước.

Thời kỳ thứ ba trong cuộc đời tranh đấu của Hồ Chí Minh tại miền Bắc là các *chính sách chỉnh đảng, chỉnh quân, cải cách ruộng đất, cải tạo thương nghiệp, ba khoan ba chống, ba đảm đang ba sẵn sàng*... tới nay vẫn là ác mộng của nhiều người dân khi nhớ lại và còn lưu dấu trong tác phẩm của nhiều tác giả như Dương Thu Hương, Phùng Thế Lộc, Tạ Duy Anh, Bùi Ngọc Tấn... hay trong hồi ký của Nguyễn Minh Cần, Bùi Tín, Vũ Thư Hiên...

Với miền Nam là những ngày đêm khắc khoải âu lo trước tai họa pháo kích bất ngờ, trước nguy cơ khủng bố ám sát và cảnh sống hãi hùng dưới những trận mưa bom đạn luôn sẵn sàng ập tới...

Hậu quả thực tế của thời kỳ này do *ưu điểm trong chỉ đạo chiến tranh* của Hồ Chí Minh là mọi nỗ lực xây dựng đất nước trên cả hai miền Nam Bắc bị hạn chế tối đa, ruộng đồng trở thành chiến địa, nhà cửa bị tàn phá với hàng triệu người bị sát hại và hàng triệu người khác trở thành tàn phế, kéo lê cuộc sống vô dụng đau đớn...

Theo Bùi Tín, đây là tấn bi kịch của cả dân tộc bắt nguồn từ lòng tin tuyệt đối của Hồ Chí Minh đặt vào chủ nghĩa Cộng sản: “*Bi kịch của cả dân tộc cũng là của ông Hồ là chính ông đã đi đầu trong việc đưa chủ nghĩa Mác-Lênin, nhất là chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao vào Việt Nam*”. Bùi Tín nhắc lại ý kiến của Phan Chu Trinh về chọn lựa của Hồ Chí Minh ngay từ năm 1921 và viết: “*Cụ Phan phê phán Nguyễn Ái Quốc về phương pháp cách mạng... một mục can ngăn Nguyễn Ái Quốc chớ chủ quan cho phương pháp của mình là đúng. Cụ còn phê phán Nguyễn là xưa nay, từ Âu sang Á, chưa ai làm cái việc như Nguyễn làm... Con đường cụ Phan chủ trương gần giống như con đường của các ông Gandhi và Nehru ở Ấn Độ. Đó là con đường bất bạo động, con đường nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, mở mang học vấn, cổ động tinh thần đấu tranh, đồng thời tranh thủ các thế lực dân chủ và tiến bộ ở chính quốc... Nếu như hồi ấy, đường lối đấu tranh đại loại như của cụ Phan đề xướng được chấp nhận và thành hiện thực thì đất nước ta rất có thể đã khác hẳn hiện nay, vừa có độc lập thống nhất, có dân chủ và phát triển, có thể tránh được chiến tranh và tránh bị cỗ máy nghiền mà chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao đã đưa đến thông qua đảng Cộng sản với biết bao hậu quả nặng nề chưa biết đến bao giờ mới khắc phục được...*” (18)

Mong mỗi của Bùi Tín không xa với mong mỗi của mọi người nhưng không trở thành hiện thực, vì Việt Nam đã được gắn vào cuộc chiến toàn cầu giữa khối Cộng sản và thế giới tự do theo đường lối lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Từ giữa thập niên 20, Hồ Chí Minh đã tận lực đấu tranh đưa đất nước vào chiều hướng dẫn tới thực tế như được diễn tả. Thực tế này không thể là nền tảng vững chắc cho sự xưng tụng Hồ Chí Minh là nhà ái quốc hay đại anh hùng của dân tộc Việt Nam. Dù muốn dù không, sự nghiệp của Hồ Chí Minh đã gắn liền với những tàn phá khủng khiếp mà dân tộc phải gánh chịu.

Tuy nhiên, sẽ bất công nếu khẳng định Hồ Chí Minh chỉ là kẻ nuôi mưu đồ phản dân, hại nước. Trên thực tế Hồ Chí Minh đã bước vào đấu tranh do thúc đẩy của lòng yêu nước, góp mặt bên cạnh các lãnh tụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường.

Sự thay đổi sau đó không hẳn do Hồ Chí Minh muốn bán rẻ đất nước cho ngoại bang như nhiều người đã kết buộc mà chủ yếu do niềm tin mù quáng ở khám phá của mình để chọn lựa một lý tưởng bôi xóa dân tộc trong quan niệm phân chia giai cấp.

Hồ Chí Minh chắc chắn không muốn bán rẻ đất nước, nhưng đã biến giai cấp Vô sản thành toàn thể dân tộc. Ngoài giai cấp Vô sản, mọi thành phần giai cấp khác đều trở thành rắn độc trước mắt Hồ Chí Minh.

Quan niệm về đồng chí, đồng bào của Hồ Chí Minh đã đặt trên một nền tảng tư duy khác biệt hoàn toàn so với nền tảng tư duy thông thường. Khi triệt hạ những người yêu nước, Hồ Chí Minh có thể chỉ nghĩ đang thực hiện sứ mạng triệt hạ những con rắn độc để đem lại an toàn cho đời sống của con người đã được nêu rõ là chỉ gồm giai cấp Vô sản.

Trong hoàn cảnh đó, không thể phủ nhận những ý định tốt – dù là mù quáng – để quả quyết Hồ Chí Minh chỉ có ý định phản dân hại nước. Nhưng, ý định tốt hay xấu không thể là nền tảng để đánh giá con người, nhất là những con người mà cuộc đời gắn liền vào lịch sử.

Trên thực tế, vẫn diễn ra không ít trường hợp “*nền hỏa ngục lát bằng những ý định tốt – L'enfer est pavé de bonnes intentions*”. Cho nên, tư tưởng gia Revel đã định nghĩa “*Lịch sử không phải là kết quả do những ý định của người ta mà là kết quả do những hành động của họ*”.

Những bạo chúa trong lịch sử nhân loại như Tần Thủy Hoàng, Néron hay những lãnh tụ khát máu như Hitler, Staline... vẫn có thể theo đuổi ý định tốt nào đó, nhưng ý định này không thể xóa nhòa kết quả hành động của họ là hàng triệu nạn nhân bị tàn sát và những tai họa kinh hoàng mà con người phải gánh chịu. Do đó, đánh giá về Hồ Chí Minh, Revel không nghĩ Hồ Chí Minh có ý định xấu khi chọn lựa lý tưởng Cộng sản và tôn thờ Lênin như thầy, như cha...

Vào lúc chọn lựa, Hồ Chí Minh có thể đang nuôi nhiều ý định tốt nhưng kết quả hành động rõ ràng chỉ đưa lại những thảm họa cho dân tộc Việt Nam: “...*Những kết quả còn đó: Nô lệ, xương máu, chết chóc và đói khát. Đã trưng dụng cuộc chiến đấu chống Thực dân để đưa đến một tình trạng suy sụp như thế thì chẳng còn cách gì chống chế để chạy tội cả. Trái lại, đây là một trường hợp phạm tội gia trọng, một vụ đánh cắp, một vụ lừa bịp không hơn không kém.*” So với mọi cách đánh giá đã có, lối nhìn theo tiêu chuẩn thực tế của Revel là cách đánh giá trung thực và công bằng nhất, vì không mang nặng ảnh hưởng của những thiên kiến có tính gán ghép chủ quan.

Nhưng, khó thể gọi kẻ đã hành động lừa bịp, đã phạm tội gia trọng là anh hùng yêu nước, dù trong khi hành động vẫn có thể có ý định tốt là muốn phục vụ cho một mục tiêu lý tưởng nào đó. Vả lại, trong mỗi con người đều tiềm ẩn hai mặt tốt và xấu với những xu hướng khi nhিপ nhàng ăn khớp với nhau, khi xung khắc loại trừ nhau.

Cá nhân Hồ Chí Minh dù là một chính trị gia, một lãnh tụ hần cũng có những xu hướng trái ngược, một bên là ông thánh, một bên là con quỷ, hay nói theo Pascal, một bên là thiên thần, một bên là con thú. Bị kịch là lòng ham muốn trở thành thiên thần quá mạnh lại dễ biến con người thành con thú.

Với cách đánh giá này, các cơ sở khác đã được nêu ra như lòng ái quốc bẩm sinh khiến Hồ Chí Minh sớm chọn ý hướng hy sinh, sống đời gian khổ vì dân, vì nước và được toàn dân sùng kính, triết để tin theo không còn đáng kể nữa. Dù vậy, vẫn có thể nhìn lại các luận cứ viện dẫn để nhận diện thêm về đối tượng.

Duiker là tác giả tiêu biểu cho những người đề cao Hồ Chí Minh dựa trên hai cơ sở này. Trong ***Ho Chi Minh, a life***, Duiker dành nhiều trang tả thời thơ ấu của Hồ Chí Minh chìm ngập giữa tác động của lòng yêu nước và quả quyết Hồ Chí Minh đã sớm nhận ra sự lạc hướng trong đấu tranh của các bậc tiền bối.

Theo Duiker, từ thuở mới lọt lòng, Hồ Chí Minh đã được mẹ ru bằng ca dao và những vản thơ Kiều rồi được nghe bà kể chuyện về các bậc anh hùng, được cha là một nhân sĩ yêu nước chống Pháp nhắc về các nhân vật lịch sử, được một người thợ rèn hàng xóm nói về các cuộc khởi nghĩa chống xâm lăng...

Trong không khí un đúc này, Hồ Chí Minh sớm nảy nở tinh thần cứu nước và sớm nhận ra các phong trào đấu tranh lúc đó của các lãnh tụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... đều sai hướng nên năm 1911 đã xuất ngoại tự tìm lấy con đường cứu nước để trở thành nhà ái quốc vĩ đại, trở thành vị anh hùng dân tộc của Việt Nam.

Duiker trưng dẫn nhiều nguồn tài liệu khi viết ***Ho Chi Minh, a life***, nhưng những trang viết về đoạn đời này của Hồ Chí Minh chỉ phản ánh trọn vẹn tài liệu của các sử gia Cộng sản Việt Nam.

Bùi Tín tuy ngưỡng mộ Hồ Chí Minh đã phát biểu về khuôn mẫu này như sau: *"Những người viết sử ở Hà Nội theo sự chỉ đạo của Đảng đã tô vẽ ông Nguyễn Sinh Sắc thành một nhân vật cách mạng kiên cường chống Thực dân nên bị mất chức, là cố tình bịa đặt sai sự thật. Việc nêu lên chuyện anh Nguyễn Tất Thành vì thấy cách mạng bế tắc do chủ trương Đông Du và cái lương thất bại nên ra đi để tìm đường cứu nước là cố nói lấy được nhằm tô vẽ lãnh tụ đã giác ngộ cách mạng từ lúc còn rất trẻ cũng là việc sai sự thật lịch sử"*.

Dựa theo các tài liệu xác tín (19) do sử gia Daniel Hemery sưu tập và nhiều nguồn tài liệu khác, Bùi Tín cho thấy cuộc đời thực của Hồ Chí Minh tương phản hoàn toàn với bức họa của William J. Duiker.

Trên thực tế, Nguyễn Sinh Sắc (cha của HCM) chưa từng tham gia đấu tranh. Nguyễn Sinh Sắc sinh năm 1863, mồ côi cha mẹ năm 1868, được ông đồ Hoàng Xuân Đường đem về nuôi dạy. Năm 1881, Nguyễn Sinh Sắc thành con rể của Hoàng Xuân Đường, được cha mẹ vợ tặng cho một số vốn ra sống riêng, theo đuổi con đường cử nghiệp nhưng

tiếp tục lận đận. Năm 1893, ông đồ Hoàng Xuân Đường qua đời nên Nguyễn Sinh Sắc cùng vợ con trở về sống chung với mẹ vợ.

Ngoài 30 tuổi, Nguyễn Sinh Sắc mới đậu cử nhân kỳ thi Hương 1894, nhưng năm 1895 thi trượt kỳ thi Hội. Năm 1898, Nguyễn Sinh Sắc lại thi trượt nên đổi tên là Nguyễn Sinh Huy và đổi tên hai con trai từ Nguyễn Sinh Khiêm, Nguyễn Sinh Cung thành Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành.

Năm 1901, Nguyễn Sinh Huy thi Hội đậu Phó bảng **(20)** và theo phép nước lúc đó, dân làng Kim Liên phải cất cho vị tân khoa một căn nhà lá 5 gian. Năm 1902, vợ Nguyễn Sinh Huy qua đời và năm 1904, Nguyễn Sinh Huy được bổ nhiệm làm một viên chức nhỏ trong bộ Lễ nên dẫn các con về Huế.

Tháng 5-1909, Nguyễn Sinh Huy được cử làm tri huyện Bình Khê, Bình Định, nhưng năm 1910 bị sa thải vì tội say rượu đánh đập đến chết một nông dân tên Tạ Đức Quang.

Sở Mật thám mở cuộc điều tra xác định ngộ sát do Nguyễn Sinh Huy say rượu, nhưng Hội đồng Nhiếp chính ở Huế quyết định tước mọi chức quyền. Thế là gần 50 tuổi bị thu hồi ấn tín, sa thải khỏi quan ngạch, Nguyễn Sinh Huy vỡ mộng quan trường, lâm cảnh sinh kế cùng quần phái về Lộc Ninh làm giám thị cho một đồn điền cao su. Tại đây, Nguyễn Sinh Huy đã nhiều lần gửi đơn lên Khâm sứ Trung Kỳ tả cảnh nghèo khó của mình để xin được giao cho một công việc nào đó. **(21)**

Bùi Tín viết về Hồ Chí Minh thuở đó đại để như sau: *“Năm 1911, khi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu xuất dương, anh chưa nghĩ đó là đi tìm đường cứu nước... Bằng cấp anh có trong tay chỉ là bằng Certificat (tiểu học)... Anh vào trường Dục Thanh, Phan Thiết làm trợ giáo là do sinh kế. Bị kịch gia đình đang tác động mạnh mẽ đến anh. Ông Nguyễn Sinh Huy vốn nghiện rượu rất nặng... Bà Thanh kể rằng hồi ấy cứ lên cơn thèm rượu và say rượu là bà bị ông bố đánh bằng tay và bằng roi rất tàn nhẫn... Cho nên khi xuống tàu xuất dương, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đang ở tâm trạng bế tắc, việc học dở dang, ông thân sinh bị “đứt gánh” đột nhiên trên con đường hoạn lộ. Anh ra đi để cứu mình trước hết, tìm việc tìm nghề và phần nào để giúp gia đình...”*

Cho nên ngay khi vừa đến Pháp, ngày 15-9-1911, anh đã nộp đơn xin vào trường Thuộc địa. Anh bị từ chối vì không thuộc tầng lớp con cháu quan lại cao cấp bản xứ và không có học vấn khá. Từ đó, anh trở thành bồi tào với mối lo lớn nhất là sự sống của gia đình và niềm mong ước là có lúc bản thân sẽ trở thành một maitre d’hotel...”

Cuối năm 1912, khi tới New York, anh đã liên tiếp gửi 2 lá thư cho Khâm sứ Trung Kỳ kèm theo số tiền 15 đồng bạc Đông Dương nhờ

chuyên cho cha và “cầu mong Ngài Khâm sứ vui lòng cho cha tôi được nhận một công việc như Thừa Biện ở các Bộ” (22)... Phải đến sau đệ nhất thế chiến 1914-1918, tư tưởng chính trị của Nguyễn Tất Thành mới thành hình rõ nét, sau khi tiếp xúc với Đảng Xã hội, tiếp đó là đảng Cộng sản Pháp”.

Theo Bùi Tín, Đảng đã chỉ thị cho các sử gia dựng lên khuôn mẫu nhân vật Hồ Chí Minh thuộc một gia đình chí sĩ cách mạng, được un đúc lòng yêu nước từ tuổi ấu thơ, cha bị cách chức vì chống chính sách sưu cao thuế nặng đối với dân chúng nên sớm nuôi chí đấu tranh rời quê hương đi tìm phương cứu nước cứu dân...

Không thể ngờ vực việc Đảng ra chỉ thị nhưng không thể quên rằng khuôn mẫu trên không do Đảng hay các sử gia mà do chính Hồ Chí Minh đã dựng lên trong tác phẩm **Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch** được Hồ Chí Minh viết dưới bút hiệu ẩn danh Trần Dân Tiên. Con người yêu nước từ thuở sơ sinh và sáng suốt hơn bất kỳ người Việt Nam nào của thế kỷ 20 chỉ là con người trong tưởng tượng của Hồ Chí Minh, sau đó được các nỗ lực tuyên truyền Cộng sản trên khắp thế giới tô vẽ lại và Duiker tin theo. Con người này rõ ràng khác rất xa với con người viết thư cho một quan chức thuộc địa cầu xin ân huệ với lời lẽ như “*sự quan tâm cao quý của Ngài*” và “*xin Ngài nhận những lời chào kính cẩn của kẻ dân-con và kẻ tôi tớ chịu ơn Ngài*”... Kẻ có lời lẽ đó không thể là khuôn mẫu anh hùng từ tuổi thiếu niên đã quyết bỏ trọn đời đấu tranh cứu dân cứu nước.

Duiker cùng các tác giả xưng tụng Hồ Chí Minh cũng nhắc rằng Hồ Chí Minh đã trải nhiều gian khổ, đã hy sinh mọi sinh thú cá nhân tận tụy đấu tranh để cuối cùng trở thành *nhà ái quốc vĩ đại, là vị anh hùng dân tộc lớn nhất* trong lịch sử Việt Nam...

Trên thực tế, trọn đời đấu tranh của Hồ Chí Minh chỉ là lãnh lương của Đệ tam Quốc tế, đi lại đó đây như một du khách từ Pháp, qua Nga, qua Đức, qua Trung Hoa, qua Đông Nam Á... với cả nửa tá người tình. Gian khổ cùng cực của Hồ Chí Minh chỉ là 18 tháng bị Trung Hoa Dân quốc bắt giữ do nhập cảnh trái phép và 13 tháng nằm trong nhà giam Hương Cảng của người Anh vì là tay sai Nga bị nghi ngờ muốn phá hoại Hương Cảng.

Hồ Chí Minh bị bắt không do đấu tranh cho đất nước, chưa qua một ngày trong ngục tù Thực dân, không chịu một ngọn đòn tra tấn nào, dù chỉ là một cái bạt tai.

Cảnh ở tù được chính Hồ Chí Minh kể lại là “*mỗi tuần hai lần, chúng cho ông ăn thịt bò, cơm trắng... Mỗi ngày, chúng cho ông ra sân đi bách bộ mười lăm phút... Những buổi đi hồi cung là những lúc nghỉ ngơi khoái nhất trong khi ở tù. Vì bọn mật thám thường mời ông hút*

thuốc lá Anh...” (23)

Cảnh tù đầy đó so với cảnh sống của người dân Việt Nam hiện nay vẫn là cảnh thần tiên nên khó thể trở thành mức hy sinh gian khổ đủ khiến toàn dân kính phục tri ân người phải trải qua để xưng tụng là *Cha già Dân tộc*. Danh hiệu này cũng do Hồ Chí Minh tự gán qua cuốn sách viết về mình và được các hòng loa tuyên truyền đổi thành lời xưng tụng của nhân dân.

Riêng người dân nghĩ về Hồ Chí Minh ra sao thì Vũ Thư Hiên từng có thời quần quít bên Hồ Chí Minh, coi Hồ Chí Minh như người bác thực sự đã ghi lại lời của một bạn thân: *“Chúng ta nhầm... Ông Hồ cũng là vua như các ông vua khác, lại không phải vua hiền. Ông ấy biến những con người lương thiện thành những con quỷ. Ông ấy là Quỷ Vương”* (24) Thái độ rõ rệt nhất đối với Hồ Chí Minh do thực tế nêu lên là hơn một triệu người dân miền Bắc ào ạt chạy vào Nam sau hiệp định Genève 1954 khi biết miền Bắc sẽ đặt dưới sự lãnh đạo của *“vị Cha già Dân tộc”* và chọn lựa tương tự của số đông gấp nhiều lần với những nguy hiểm lớn gấp nhiều lần sau tháng 4-1975 tạo thành những trang sử được Michel Tauriac diễn tả *“đó là lịch sử của những người được gọi là boat people và còn được mệnh danh là những kẻ chết đuối của tự do. Lịch sử của một dân tộc đã bị tàn hại bởi thứ chính trị hận thù và phân rẽ của chủ nghĩa Cộng sản”* (25)

Diễn tả vắn gọn của Michel Tauriac có thể coi là bao quát hết diễn tiến thực tế lịch sử Việt Nam từ giữa thập niên 1920 về sau. Mức tàn phá của thứ chính trị hận thù và phân rẽ theo quan điểm Cộng sản trước hết đã đánh phá hàng ngũ người Việt Nam yêu nước đang đấu tranh đòi độc lập, khi Hồ Chí Minh hoạt động bí mật. Sau đó, khi Hồ Chí Minh giành được chính quyền thì toàn thể dân tộc trở thành đội ngũ tiền phong xung trận trong cuộc chiến ý thức hệ giữa hai khối cực quyền trên thế giới.

Tính chất kháng chiến giành độc lập được gán cho giai đoạn 1945-1954 và kháng chiến chống xâm lăng được gán cho giai đoạn 1954-1975 không hề phản ánh thực tế mà chỉ là kết quả của một trận chiến tuyên truyền với phạm vi bao trùm dư luận khắp thế giới.

Trong giai đoạn 1945-1954, sự hiện diện của quân đội Pháp bên cạnh hàng ngũ yêu nước và sự có mặt của những người yêu nước trong hàng ngũ kháng chiến khiến các luận điệu che giấu tính cục bộ của cuộc chiến ý thức hệ bằng chiêu bài giải phóng dân tộc dễ được chấp nhận.

Trong giai đoạn 1954-1975, sự có mặt của quân đội Mỹ bên cạnh quân đội miền Nam tiếp tục bị khai thác theo hướng cũ với chiêu bài chống ngoại xâm cũng dễ thu đạt hiệu quả do các nỗ lực tuyên truyền

của Cộng sản. Có thể nói không sợ làm lẫn rằng trong cuộc chiến ý thức hệ, Cộng sản luôn nắm ưu thế tuyệt đối về tuyên truyền.

Lý do trước hết là thế giới tự do không đặt nặng việc tuyên truyền trong khi Cộng sản coi tuyên truyền là mặt trận quan trọng có tầm mức quyết định lớn hơn các mặt trận sử dụng bom đạn.

Lý do kế tiếp là Cộng sản đã có một quá trình kết khối với kỷ luật rõ ràng là tuân hành mọi chỉ thị từ Liên Xô khiến mọi hành vi đều phối hợp nhịp nhàng với qui mô phủ khắp thế giới nên một luận điệu tuyên truyền được đưa ra ở nơi này sẽ lập tức được lặp lại ở nhiều nơi khác để tăng cường tối đa hiệu quả.

Lý do khác không kém quan trọng là kỷ luật thép trong chính sách cai trị tại các quốc gia Cộng sản và không khí sinh hoạt dân chủ tại phía thế giới tự do. Mọi phương tiện truyền thông, thậm chí mọi lời nói của từng cá nhân tại các quốc gia Cộng sản đều phải lập lại quan điểm của giới lãnh đạo trong khi người dân phía thế giới tự do có toàn quyền bày tỏ chính kiến theo bất kỳ quan điểm nào. Ưu điểm trong sinh hoạt dân chủ đã mở ra khoảng trống khổng lồ cho Cộng sản tấn công tuyên truyền tại bất kỳ nơi nào, với bất kỳ thành phần quần chúng nào.

Cuối cùng, cuộc chiến Việt Nam với tính cục bộ trong cuộc chiến ý thức hệ đã thành cuộc chiến của mọi quốc gia Cộng sản, mọi đảng Cộng sản, mọi tổ chức Cộng sản. Tất cả đều đứng trước đòi hỏi phải góp phần, vì là nhiệm vụ chung trên đường đấu tranh giai cấp để giành thắng lợi cuối cùng cho lý tưởng Cộng sản, nên hợp quần chiến đấu trong mặt trận tuyên truyền bằng những luận điệu xuyên tạc thực tế, vu cáo bôi nhọ tạo một dư luận dẫn tới cô lập đối phương.

Trong diễn tiến tình hình, vũ khí chiến cụ do Liên Xô, Trung Cộng tiếp trợ gần như chỉ đủ giúp Cộng sản Việt Nam mở các trận đánh duy trì tình trạng chiến tranh để toàn khối Cộng sản khai thác vào mặt trận tuyên truyền với tầm mức quyết định kết quả cuộc chiến.

Trên mặt trận này, Hồ Chí Minh đã góp phần không nhỏ là dựng bản thân mình thành một người yêu nước, một anh hùng dân tộc để qua đó thu hút sự hỗ trợ của dư luận Quốc tế tạo thành áp lực chính trị nặng nề cho đối phương. Khuôn mẫu nhân vật yêu nước Hồ Chí Minh do Hồ Chí Minh nêu lên đã được chép lại ở khắp nơi và chinh phục sự ngưỡng mộ của nhiều người.

Cuốn sách ***Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*** ký tên tác giả Trần Dân Tiên chính là công binh xưởng số một, lò đúc vũ khí vô tận không ngừng được tiếp tế tài nguyên dồi dào của bộ chỉ huy chiến tranh ý thức hệ toàn cầu ở Mạc Tư Khoa. (26)

Khuôn mẫu nhân vật yêu nước Hồ Chí Minh khiến nhiều người không nhìn ra một phần lý do khiến người Pháp ngay từ 1945 không

muốn trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam là mối lo Liên Xô bành trướng qua Đông Nam Á nên đã phủ nhận tính cục bộ trong chiến tranh ý thức hệ của cuộc chiến Đông Dương I.

Không riêng dư luận Quốc tế mà nhiều người ở trong nước cũng bị chinh phục bởi khuôn mẫu này. Do đó, đã có những người yêu nước đứng trong hàng ngũ do Hồ Chí Minh lãnh đạo và không thiếu người xin gia nhập đảng Cộng sản vì tin rằng Đảng đang chiến đấu giành độc lập cho đất nước. Gương hy sinh chiến đấu của những người này đã góp phần không nhỏ vào việc tạo sự nể phục cho dư luận đối với lập trường cứu nước của đảng Cộng sản và Hồ Chí Minh.

Thực ra, Hồ Chí Minh không chỉ tạo ra khuôn mẫu yêu nước cho bản thân bằng cuốn sách ký tên Trần Dân Tiên mà bằng rất nhiều thủ đoạn khác.

Cuối năm 1945, Hồ Chí Minh từng ôm Nguyễn Hải Thần khóc nức nở với lời nói tha thiết: *"Cả Nam Bộ lại lọt vào tay Thực dân Pháp. Mong cụ và anh em Việt Nam Quốc Dân đảng hãy vì Tổ quốc Việt Nam gánh vác trách nhiệm chung với chúng tôi"*. Tính chất của lời nói đã được chứng minh bằng hành vi thực tế đối với Nguyễn Hải Thần và Việt Nam Quốc Dân đảng vào mấy tháng sau.

Trước đó, Hồ Chí Minh từng tuyên bố giải tán đảng Cộng sản để chứng tỏ một lòng vì dân tộc, trong khi trên thực tế đảng Cộng sản vẫn tiếp tục hoạt động và năm 1951 đổi tên để tái xuất hiện công khai. Về sự việc này, Nguyễn Minh Cần đã ghi lại lời lẽ và cử chỉ của Hồ Chí Minh trong hội nghị quyết định đổi tên Đảng: *"Ông giơ cao nắp hộp thuốc lá thơm Craven "A" của ông lên về phía có nhãn hiệu thuốc và nói: "Đây là đảng Cộng sản", rồi ông quay phía trong nắp không có nhãn hiệu và nói: "Còn đây là đảng Lao Động". Ông lại lớn tiếng hỏi: "Thế thì các cô các chú có thấy khác gì nhau không?" Cả hội trường đồng thanh đáp vang: "Dạ không ạ." Ông nghiêm nghị nói: "Các cô các chú nên biết rằng việc đổi tên đảng ta, bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi (chúng tôi được biết hỏi ấy ông vừa đi Moskva về), các đồng chí đã đồng ý. Các cô các chú nên biết rằng: Ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được." Cả hội trường vỗ tay rầm rầm."* (27)

Cung cách và hành vi của Hồ Chí Minh nếu được những người như Douglas Pike, Robert Shaplen, Halberstam... coi là biểu hiện mức độ tài năng siêu việt thì bị nhiều người khác, thậm chí cả Honey, Sainteny... nhìn thành hiểm ác, xảo trá. Những hướng nhìn đó không đánh giá chính xác con người Hồ Chí Minh để giải đáp nghi vấn vẫn treo lơ lửng là nhà anh hùng cứu nước hay kẻ đại phản quốc. Thay vì khen chê theo những tiêu chuẩn đạo đức hay khả năng, cần đặt mọi

cung cách, ngôn ngữ và hành vi đó thành nền tảng cho sự xác định con đường phục vụ và phương pháp đấu tranh của Hồ Chí Minh.

Bằng thực tế, Hồ Chí Minh cho thấy đã gắn bó với đức tin của một tín đồ vào tín ngưỡng Cộng sản từ năm 1921. Sau sự chọn lựa này, Hồ Chí Minh đã tận tụy không ngừng trong việc thực hiện sứ mạng tông đồ nên ngay từ năm 1926, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các đồng chí rằng *dân tộc chỉ là màu sắc và chủ nghĩa ái quốc là điều nguy hiểm*.

Bởi vì, trong giáo điều của tín ngưỡng Cộng sản không hề có quốc gia dân tộc mà chỉ có giai cấp và giai cấp duy nhất được quyền tồn tại là giai cấp Vô sản theo đúng quy luật biện chứng lịch sử. Các giai cấp khác bắt buộc phải bị đào thải theo những ý thức hệ phụ thuộc bao gồm mọi hình thái chủ nghĩa đế quốc Thực dân, quốc gia dân tộc...

Trước mắt Hồ Chí Minh chỉ còn duy nhất *“chủ nghĩa Mác-Lênin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui”* và con đường phục vụ của Hồ Chí Minh hướng trọn về phía ánh sáng chân lý này.

Sở dĩ Hồ Chí Minh luôn xuất hiện dưới vóc dáng người yêu nước, một tín đồ dân tộc chủ nghĩa, vì theo nguyên tắc sách lược Lênin, phải thích ứng với thực tế từng giai đoạn để từng bước tiến lên. Không thể với *một bước nhảy vọt hoặc theo một con đường thẳng tắp để đi từ chân lên đỉnh núi*. Dù không muốn, vẫn phải tùy địa thế dựa theo các triền dốc, uốn theo các khúc quanh. Vóc dáng người yêu nước hay màu sắc dân tộc chính là những khúc quanh, những triền dốc bắt buộc phải bám theo trong phương pháp đấu tranh để đi tới mục tiêu cuối cùng.

Trên tờ *Học Tập*, cơ quan lý luận và tuyên huấn của đảng Cộng sản VN, số tháng 1-1960 nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập đảng, Hồ Chí Minh đã viết: *“Năm nay đảng ta 30 tuổi chẵn.... Chúng ta chân thành cảm ơn đảng Cộng sản Liên Xô và đảng Cộng sản Trung Quốc đã giúp ta tự rèn luyện thành một đảng kiểu mới của giai cấp công nhân.”* Trong cùng số báo đó, Lê Duẩn viết: *“30 năm nay, lý luận khoa học Mác-Lênin luôn luôn là kim chỉ nam cho mọi hành động của đảng ta”*.

Lênin đã phát biểu: *“Chiến tranh lật đổ chế độ tư sản Quốc tế là cuộc chiến tranh trăm phần khó khăn, lâu dài, phức tạp hơn bất cứ cuộc chiến tranh nào giữa các quốc gia. Nếu ngay từ đầu đã từ bỏ không chịu dùng những con đường quanh co, khai thác các mối mâu thuẫn, xung đột quyền lợi thường chia rẽ các đối phương, không chịu thỏa hiệp ký kết thì có khác gì, trong một cuộc mạo hiểm leo núi chưa từng có ai đặt chân tới, mà lại từ chối ngay từ đầu, không chịu đi quanh co một đôi lúc và, đôi khi, quay đầu trở lại, để tìm một hướng đi mới?” (28)*

Khai triển ý niệm trên, trong *Những nguyên lý của chủ nghĩa Lênin*, Stalin đã viết: *“Nhiều người nghĩ rằng chủ nghĩa Lênin, nói chung, chống lại cải cách, hiệp ước và điều đình. Điều đó hoàn toàn sai.*

Người Bolshevick cũng biết rõ như ai rằng ở những hoàn cảnh nào đó, cải cách nói chung và điều giải, thỏa hiệp nói riêng, là điều cần thiết. Chiến sĩ cách mạng chấp nhận sự cải cách, để dùng làm một thứ mồi lửa phối hợp công tác bất hợp pháp, dùng làm nơi ẩn náu ngỗ hầu tăng cường công tác bất hợp pháp, chuẩn bị quần chúng làm cách mạng lật đổ chế độ Tư bản.” (29)

Mọi cung cách nói năng và hành động của Hồ Chí Minh trong diễn tiến tình hình Việt Nam kể từ thập niên 1920, chiếu theo diễn giải của Stalin, chỉ là *những điều giải, thỏa hiệp mang tính ẩn náu trong từng giai đoạn* hoặc các mồi lửa với mục đích tăng cường chuẩn bị lực lượng làm cách mạng lật đổ chế độ Tư bản.

Trong trường hợp gạt bỏ nền tảng thực tế mà Revel đã nhắc tới để chỉ nhận diện Hồ Chí Minh trên nền tảng lý tưởng và phương pháp đấu tranh, việc xưng tụng Hồ Chí Minh là nhà đại ái quốc hay anh hùng dân tộc cũng hoàn toàn thiếu căn bản.

Hình ảnh chính xác nhất của Hồ Chí Minh vẫn là hình ảnh theo Krutshchev diễn tả: *“Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng sản... là vị thánh của chủ nghĩa Cộng sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa Cộng sản”*. Vì thế, Krutshchev đã kêu gọi những người Cộng sản: *“Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng sản”*.

Với Cộng sản, dân tộc chỉ là một tập hợp *đầy rẫy nọc rắn độc và chủ nghĩa yêu nước là điều nguy hiểm* – như Hồ Chí Minh nhắc nhở – nên sự đóng góp lớn lao cho chủ nghĩa Cộng sản của Hồ Chí Minh đến mức lãnh tụ Krutshchev đòi các đồng chí phải quỳ gối tôn kính cũng đồng nghĩa với sự tàn phá khủng khiếp mà dân tộc phải gánh chịu. Dù theo đuổi ý đồ tốt đẹp nào trong tranh đấu, Hồ Chí Minh cũng không thể được đặt vào hàng ngũ yêu nước để trở thành anh hùng dân tộc.

Thái độ của người dân Đức hiện nay với Hitler hay người dân Nga hiện nay với Stalin có thể là thái độ thích hợp nhất đối với mọi người Việt Nam để dành cho thần tượng Hồ Chí Minh.

CHÚ THÍCH CHƯƠNG 51

(01) *Tín đồ Cộng sản là từ do chính đảng Cộng sản Đông Dương dùng để gọi các đảng viên. Trong nghị quyết ngày 5-11-1945 tự giải tán đảng Cộng sản Đông Dương được Hồ Chí Minh công bố ngày 11-11-1945 có câu: “Những tín đồ của chủ nghĩa Cộng sản muốn tiến hành việc nghiên cứu chủ nghĩa sẽ gia nhập Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mã Khắc Tư ở Đông Dương”*

(02) *Vem* là từ ngữ xuất hiện từ chữ VM viết tắt của Việt Minh với hàm nghĩa nói dối. Tiếng *Vem* rất phổ biến trong quần chúng Việt Nam từ 1945: Nói dối như *Vem*...

(03) Dùng thay cho tên Nguyễn Ái Quốc mang từ khi gia nhập đảng Xã hội Pháp đầu năm 1919 và được nhắc tới nhiều từ sau tháng 6-1919.

(04) **Bác Hồ trên đất nước Lenin** – Hồng Hà, tr. 190

(05) **Mặt thật** – Thành Tín, tr. 120-121

(06) Xin xem **Hồ Chí Minh, tên phản quốc...** – Nguyễn Phương Minh.

(07) **Biên niên tiểu sử** – Tập I, tr. 224

(08) **Những năm tháng không thể nào quên** – Võ Nguyên Giáp, tr. 13

(09) **A Dragon embattled** – Buttinger, tr.402 viết về khung cảnh Việt Nam sau hiệp ước 6-3-1946: "...Những cuộc tuần tiễu hỗn hợp Pháp – Việt Minh được thành lập để giữ trật tự và đề phòng bạo động chống Pháp thêm nữa. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu. Những bước tiếp theo cho thấy Việt Minh đã nhìn ra rằng đây là dịp tốt để họ tiêu diệt các đảng thân Trung Hoa và người Pháp vốn coi phe quốc gia không thể thỏa hiệp còn tệ hơn phe Cộng sản chịu hợp tác nên quyết định ủng hộ Việt Minh trong vấn đề này. Nhằm mục đích loại trừ kẻ thù không Cộng sản, Pháp đã trở thành Đồng minh tạm thời của Việt Minh."

(10) Nguyên văn tiếng Pháp: "La France reconnaît solennellement l'indépendance du Vietnam auquel il appartient de réaliser librement son unité. De son côté, le Vietnam proclame son adhésion à l'Union Française en qualité d'État associé à la France. L'indépendance du Vietnam n'a d'autres limites que celles que lui impose son appartenance à l'Union Française".

(11) Trong **The Struggle for Indochina**, Ellen J. Hammer ghi Quốc hội Pháp phê chuẩn Thỏa ước Élysée ngày 23-4-1949. Thực ra vào ngày trên chỉ mới có việc Hội đồng Lãnh thổ Nam Kỳ thông qua sáp nhập Nam Kỳ vào Việt Nam. Từ đó cho tới ngày 2-2-1950 là ngày Quốc hội Pháp phê chuẩn bản Thỏa ước, giao dịch giữa Việt Nam và Pháp chỉ dựa trên văn thư chính thức giữa các đại diện hành pháp là Auriol, Pignon và Bảo Đại.

(12)-(14)-(15)-(16)-(17)-(18) **Mặt thật** – Bùi Tín, tr. 99, 128-129 & 134, 39, 91, 99, 98-102

(13) **Vision accomplished?** – Nguyễn Khắc Huyền – tr. 260

(19) 21 tài liệu gồm thư của Nguyễn Sinh Huy (cha Hồ Chí Minh) gửi Khâm sứ Trung Kỳ, thư của Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) gửi Khâm sứ Trung Kỳ, công văn của Sở Mật thám Trung Kỳ, lời khai của trưởng làng Kim Liên, lời khai của các hương chức Kim Liên, lời khai của Nguyễn Tất Đạt (anh Hồ Chí Minh), lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh

(chị Hồ Chí Minh), ghi chép của Sở Mật thám Nam Bộ, điện của Toàn quyền Đông Dương ...

(20) Từ thời Minh Mệnh, bãi bỏ chức Trạng Nguyên nhưng thêm Phó Bảng là bậc cuối cùng trong 5 cấp đầu trong kỳ thi Hội theo thứ tự sau: Bảng Nhãn, Thám Hoa, Hoàng Giáp, Đòng Tiến Sĩ Xuất Thân và Phó Bảng.

(21) Nguyễn Lý Tường, tác giả **Thuyền Ai Đợi Bến Văn Lâu** (Tác giả XB, Nam Cali, 2001) cho biết, theo lời kể của ông Võ Như Nguyễn, con cụ Võ Bá Hạp bạn thân và đồng môn với cụ Phan Bội Châu (tuy kém Phan 10 tuổi), ông Nguyễn Sinh Sắc, thân phụ ông Hồ, sau khi vợ chết và bị mất chức, đã đem ba người con là Nguyễn Thị Thanh tức Kim Liên, Nguyễn Tất Đạt tức cả Khương hay Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Côn tức Nguyễn Tất Thành vào Huế gửi ông nội của ông Nguyễn là cụ Võ Văn Giáp trông coi hộ. Ông Võ Như Nguyễn cũng kể rằng, khi ông bị Việt Minh bắt sau Cách mạng Tháng tám, chính ông Nguyễn Tất Đạt, tức Cả Khiêm đã tự động can thiệp với Trần Hữu Dực lúc ấy là chủ tịch Việt Minh Trung bộ thả ông, vì nhớ ơn gia đình ông. Hiện ông Võ Như Nguyễn sinh sống tại Pau, miền Nam nước Pháp. - xem SĐD trang 73- 75.

(22) Một đoạn thư của Hồ Chí Minh ký tên Paul Tất Thành viết ngày 15-12-1912 như sau: “J’ose même désirer vous prier de bien vouloir lui accorder un emploi comme Thừa biện des Bộ ou Huấn đạo, Giáo thụ, afin qu’il puisse se gagner sa vie sous votre haute bienveillance. En espérant que votre bonté ne refuserait la demande d’un enfant qui, pour remplir son devoir, n’a l’appui que vous et en attendant votre réponse, veuillez agréer, Monsieur le Résident Supérieur, les respectueuses salutations de votre filial peuple et reconnaissant serviteur”. PAUL TẤT THÀNH, New York le 15 Décembre 1912 – Tôi cầu mong Ngài vui lòng cho cha tôi được nhận một công việc như Thừa biện ở các Bộ hoặc là Huấn đạo hay Giáo thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của Ngài. Với mong mỗi lòng tốt của Ngài sẽ không từ chối lời yêu cầu của một đứa con chỉ còn biết dựa vào Ngài để làm bổn phận của mình, xin Ngài Khâm Sứ nhận những lời chào kính cẩn của người dân-con và kẻ tôi tớ chịu ơn Ngài.”

(23) **Những mẫu chuyện trong đời hoạt động của Hồ Chủ tịch** – Trần Dân Tiên, tr. 90-91

(24) **Đêm giữa ban ngày** – Vũ Thư Hiên, tr.251

(25) **Vietnam, le dossier noir du Communisme** – Michel Tauriac – Bản Việt ngữ, tr. 82.

(26) Về TUYÊN TRUYỀN có hàng trăm đề tài để nói. Chỉ xin đưa một ví dụ rất đơn giản về TIN ĐỒN. Một cán bộ được huấn luyện về tuyên

truyền sẽ biết cách tạo ra tin đồn sao cho có nội dung gần với sự thật, nhưng không phải sự thật rồi chọn đúng nơi, đúng lúc, đúng người để gieo cái tin đồn đó. Nó khởi sự bằng cách khoác cái áo mờ ảo “nửa thật nửa giả”. Những tin đồn loại đó sẽ tạo ra huyền thoại và nhiều huyền thoại sẽ tạo nên thần tượng. Không có huyền thoại không có thần tượng. Do đó thần tượng Hồ Chí Minh đã được tạo nên bởi phần lớn những huyền thoại do chính ông Hồ tạo nên trong tác phẩm tự kể về mình theo phương pháp “vẽ rồng không có đuôi”. Huyền thoại còn được tạo nên bằng tin đồn do cán bộ tuyên truyền và khuấy động quần chúng sáng tác, được lặp đi lặp lại qua bộ máy truyền thông do họ nắm độc quyền. Khi đã giữ độc quyền truyền thông thì dễ dàng chi phối các tin đồn và đối phương hay dân chúng không có cách gì kiểm tra hay cãi chính. Chính vì thế, ngay sau ngày 19 tháng 8 năm 1945, Việt Minh đã nắm ngay đài phát thanh và đặt mọi tờ báo dưới quyền Trần Huy Liệu Bộ trưởng Bộ Tuyên truyền.

(27) Xin xem **đảng Cộng sản Việt Nam qua những biến cố** – Nguyễn Minh Cần

(28)-(29) **Sách lược xâm lăng của Cộng sản** – Minh Võ, Sài Gòn 1970, t. 68

Chương 52

LỜI CUỐI SÁCH

Hết thấy các tác giả viết về Hồ Chí Minh được đề cập trong những chương trên dù thuộc xu hướng nào đều đồng ý về hai điểm.

– Thứ nhất, Hồ Chí Minh là một tín đồ Cộng sản và là một tín đồ thuần thành, tin tưởng tuyệt đối ở mục tiêu xây dựng của lý tưởng Cộng sản cũng như hiệu năng của phương pháp đấu tranh do Lenin ấn định trong các nguyên tắc chiến lược sách lược được khai triển bởi Stalin.

Đối với Hồ Chí Minh, *chủ nghĩa Mác-Lênin là ánh sáng chân lý, là mặt trời đưa lại nguồn vui*, vì ngay từ 1923, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Chỉ có chủ nghĩa CS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc nguồn gốc, sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa chỉ là vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau”

– Thứ hai, từ sau khi tham gia nhóm sáng lập đảng Cộng sản Pháp cho tới cuối đời, Hồ Chí Minh luôn là cán bộ Cộng sản Quốc tế thuộc thành phần lãnh đạo với nhiều nhiệm vụ cụ thể tại Trung Hoa và Đông Nam Á. Liên tục nhiều năm kể từ 1924, Hồ Chí Minh được Quốc tế Cộng sản trả lương và tài trợ mọi phí khoản để hoàn thành các công tác do ban lãnh đạo Cục Đông Phương của Quốc tế Cộng sản trao phó. Hồ Chí Minh đã hoàn thành và hoàn thành xuất sắc mọi công tác, nhất là các nhiệm vụ trên bán đảo Đông Dương, do đó, đã nhận được lời tán tụng nồng nhiệt của lãnh tụ Liên Xô Krutchev: *“Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng sản, là vị thánh của chủ nghĩa Cộng sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa... Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng sản, đã dành cho nó tất cả sức lực và khả năng của mình.”*

Ngoài hai điểm trên, nhận định về Hồ Chí Minh luôn đưa ra những hình tượng khác biệt, thậm chí hoàn toàn đối nghịch.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là anh hùng dân tộc vĩ đại nhất của Việt Nam thì với tác giả khác, Hồ Chí Minh là kẻ gieo rắc đại họa chưa từng có trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là người luôn chủ trương ôn hòa, giàu lòng nhân ái nhưng bị thủ hạ lấn áp, khống chế nên phải bó tay trước các chủ trương gây ra nhiều thảm họa từ phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh qua chính sách cải cách ruộng đất, đàn áp văn nghệ sĩ, trí thức, đối lập tới các chiến thuật biến người tại vùng Việt Bắc, Điện Biên Phủ trước 1954 và *chiếu cố miền Nam* bằng binh lực, ra lệnh Tổng Công kích Tết Mậu Thân 1968... thì với tác giả khác hết thấy những việc trên đều do chính Hồ Chí Minh quyết định.

Với tác giả này, Hồ Chí Minh là người ngay thẳng, trung thực, một lòng vì dân vì nước nên được toàn dân ngưỡng mộ suy tôn là Cha già Dân tộc thì với tác giả khác, Hồ Chí Minh là hiện thân của xảo quyệt, tàn ác, theo đuổi tham vọng cá nhân bằng mọi giá nên bị dân chúng căm thù từng đặt ra nhiều giai thoại để rửa xả, thậm chí gọi là Cáo già, là Quỷ vương, là Hồ ly tinh...

Cũng thế, có tác giả cho rằng nếu không có Hồ Chí Minh, Việt Nam đã tránh được thảm họa chiến tranh và trở thành một quốc gia độc lập thống nhất phát triển từ lâu, nhưng lại có tác giả phát biểu Hồ Chí Minh là người lập công đầu trong việc giành độc lập và thống nhất cho đất nước vì đã lãnh đạo thành công cuộc kháng chiến chống âm mưu xâm lược của các đế quốc Thực dân Pháp – Mỹ...

Bỏ qua các động cơ do phe phái hoặc do mưu tính cá nhân với một dụng ý nào đó, sự khác biệt trong các nhận định xuất phát trước hết

từ nhận thức về bối cảnh lịch sử Việt Nam trong thế kỷ qua.

Với một số tác giả, mục tiêu mà mọi phong trào, mọi lực lượng đấu tranh tại Việt Nam theo đuổi là chống lại các thế lực ngoại bang để giành độc lập, thống nhất quốc gia. Quá trình đấu tranh tuy gồm nhiều giai đoạn đặc thù từ đầu thế kỷ nhưng toàn bộ cuộc đấu tranh chỉ thể hiện ý nghĩa duy nhất là tranh thủ và bảo vệ quyền sống tự do tự chủ cho dân tộc.

Trong quá trình đấu tranh này, lực lượng do Hồ Chí Minh lãnh đạo hoạt động hữu hiệu hơn hết và cuối cùng đã đem lại thành quả đúng với mong muốn của toàn dân.

Với số tác giả khác, Việt Nam đã giành lại chủ quyền và thống nhất lãnh thổ sau biến cố Nhật đảo chính Pháp ngày 9-3-1945, vì ngay từ ngày 11-3-1945, Bảo Đại đã tuyên bố hủy bỏ hiệp ước 1884 và sau đó, ngày 14-8-1945 hủy bỏ tất cả các hiệp ước bất bình đẳng 1862, 1874 do triều đình Huế ký với Pháp. Ngoài ra, ngày 27-4-1945, Bảo Đại đã ký dụ số 11 cử Phan Kế Toại làm Khâm sai Bắc Kỳ và ngày 14-8-1945 ký dụ số 108, cử Nguyễn Văn Sâm làm Khâm sai Nam Kỳ, thu hồi lãnh thổ về một mối.

Do Hồ Chí Minh muốn biến Việt Nam thành chư hầu của Liên Xô để mở rộng ảnh hưởng Cộng sản tại Đông Nam Á nên năm 1945 Pháp phải can thiệp với mục đích ngăn chặn và dẫn đến sự có mặt của Mỹ sau 1954.

Không thể phủ nhận nền tảng thực tế của hết thảy các sự việc nêu trên, nhưng không thể nhìn toàn bộ diễn biến tình hình Việt Nam trong thế kỷ 20 chỉ qua một số sự việc được lọc lựa theo chủ quan.

Thực ra, tình hình Việt Nam là sự đan xen hết sức phức tạp của các sự việc đã được nhắc tới trong bối cảnh quốc tế cũng không kém phần phức tạp từ sau sự hình thành khối Cộng sản Quốc tế, nhất là sau khi chấm dứt đệ nhị thế chiến.

Ảnh hưởng mở rộng của Liên Xô tại Đông Âu nói riêng và trên thế giới nói chung đã hình thành rõ rệt thế lưỡng cực đối đầu quốc tế đặt dưới sự lãnh đạo của Liên Xô ở một phía và Mỹ-Anh-Pháp ở phía kia.

Giữa bối cảnh này, sự bừng tỉnh của ý thức dân tộc tự quyết cũng trở thành động cơ thúc đẩy hình thành phong trào đấu tranh tại nhiều quốc gia trên thế giới chống lại mọi chủ trương Thực dân đế quốc, đặc biệt là tại các quốc gia đang bị mất chủ quyền hoặc đang bị khống chế dưới một hình thức nào đó bởi các cường quốc Tây Phương, cụ thể là các quốc gia nhược tiểu Á Phi và Nam Mỹ trong đó bao gồm cả VN.

Chính khối các quốc gia nhược tiểu này là mục tiêu chinh phục trước mắt của Liên Xô và vì thế trở thành mục tiêu phải bảo vệ của Mỹ-Anh-Pháp.

Cả hai khối cực quyền đều thấy rõ tình thế đối đầu một mất một còn nhưng không nhắm thẳng vào nhau mà tiến hành tranh chấp ở mức độ hạn chế theo quan điểm chiến lược riêng tại lãnh thổ các quốc gia nhược tiểu.

Liên Xô tuy theo đuổi mục tiêu xóa bỏ toàn bộ khối Tư bản để thiết lập nền chuyên chính vô sản trên toàn thế giới như chủ nghĩa Cộng sản đã ấn định, nhưng không thể rời xa nguyên tắc đấu tranh của Lenin là phải tùy giai đoạn, uốn theo *những khúc quanh để đi dần lên đỉnh núi*. Một khúc quanh trong chiến lược Lenin là khai thác các phần tử dân tộc yêu nước để từng bước tiêu hao sức mạnh của kẻ thù tư bản như đã được đề ra trong đại hội 5 Quốc tế Cộng sản vào tháng 6-1924.

Áp dụng nguyên tắc chiến lược này, Liên Xô đã duy trì tình trạng chiến tranh thường trực, liên tục tấn công Tây Phương theo đúng chủ trương đấu tranh giai cấp, nhưng luôn ẩn mình sau chiêu bài giải phóng dân tộc vận dụng các lực lượng ngoại vi, thay vì công khai lộ diện trên trận tuyến.

Do đó tình trạng chiến tranh giữa hai khối cực quyền sau Đệ nhị Thế chiến đã được gọi là *chiến tranh gián chỉ* hoặc *chiến tranh lạnh* vì không có sự đối đầu trực tiếp bằng bom đạn giữa các phe đối địch mà chỉ diễn ra thông qua các lực lượng trung gian dưới nhiều hình thức tại các quốc gia nhược tiểu.

Mục tiêu trước mắt của Liên Xô là thúc đẩy khối nhược tiểu thù hận Tây Phương để thu hẹp phạm vi thế lực đối phương trong lúc bành trướng thế lực bản thân hầu tiến dần tới thế cô lập đối phương trước khi bước vào trận đánh cuối cùng.

Tất nhiên phản ứng của Tây Phương là ngăn chống mưu đồ tràn lấn này. Nhưng khi ngăn chống, Tây Phương luôn phải lộ diện công khai trên trận tuyến trong lúc quần chúng ở khắp nơi, ngay cả tại nội bộ các quốc gia Tây Phương, vẫn chưa hoàn toàn nhận thức rõ về mối hiểm họa Cộng sản thường được nêu ra như lý do chủ yếu đòi hỏi phải hành động.

Thêm vào đó là sự tiếp tục hiện diện nhiều phần tử còn tiếc nuối chính sách Thực dân trong chính giới Tây Phương bên cạnh những phần tử tiến bộ chủ trương tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc.

Tình thế chen lấn vàng, thau và nhận thức còn nhiều nghi ngờ về các đường lối chính trị, kể cả nhận thức về mục tiêu đích thực của Cộng sản, đã dẫn tới những chọn lựa vội vã về thế đứng càng khiến cho thực tế trở thành phức tạp hơn. Tuy cục diện thế giới phân định rõ ràng thành hai khối cực quyền không thể cùng tồn tại do chủ trương tiêu diệt mọi ý hệ dị biệt của CS, nhưng trên thực tế, hàng ngũ các lực lượng đấu tranh không kết thành trận tuyến rõ ràng theo phân định đó.

Cộng sản luôn ẩn mình trong các lực lượng dân tộc yêu nước trong khi hàng ngũ Thế giới Tự do luôn có sự trà trộn của những phần tử không coi trọng việc ngăn chống Cộng sản bằng các đường lối chính trị trực lợi.

Nói chung, thế đối đầu giữa hai khối Cộng sản - Tự do với danh xưng cuộc xung đột giữa hai khối Đông - Tây đã thực sự xảy ra ngay sau đệ nhị thế chiến, nhưng không hiện hình rõ rệt. Trong diễn tiến thực tế, tình trạng đối đầu chỉ là những cuộc chiến giành quyền lãnh đạo tại các quốc gia nhược tiểu được gọi là các cuộc chiến cục bộ hoặc như chính Hồ Chí Minh từng diễn tả: *“Chúng ta làm cách mạng đánh đế quốc Thực dân tức là đánh tư bản chủ nghĩa. Cuộc cách mạng đó có qui mô thế giới mà cách mạng giải phóng dân tộc ở VN là một bộ phận”*.

Cộng sản là một khối đồng nhất trong mọi hành động nên toàn thể các cuộc chiến cục bộ ở mọi nơi đều là những mặt trận liên kết thuộc một trận đánh mang tính quy mô thế giới dưới sự chỉ đạo của Liên Xô nhắm tấn công kẻ thù tư bản.

Trong khi đó, Tây Phương chỉ là một nhóm quốc gia với những chủ trương khác biệt nên nhiệm vụ ngăn chống Cộng sản thường được coi là công việc riêng của từng quốc gia tùy theo khu vực bùng nổ các cuộc chiến cục bộ. Sự yểm trợ quốc tế gần như chỉ bó hẹp giữa vài quốc gia đồng minh và giới hạn ở một số lãnh vực nào đó theo những thỏa thuận có điều kiện. Cuộc chiến Việt Nam 1945-1954 đã diễn ra trong khung cảnh này.

Quan niệm Đông Dương vốn là phần đất thuộc Pháp khiến người Anh chuyển giao vai trò giải giới quân Nhật ở phía Nam vĩ tuyến 16 gần như với ý nghĩa trả về cho Pháp việc ngăn chống Cộng sản tại vùng đất này. Trong khi đó, trong chính giới Pháp vẫn hiện diện nhiều phần tử chưa thể dứt khoát từ bỏ toan tính tái lập quyền bảo hộ tại đây mặc dù đã thấy rõ bàn tay Liên Xô ở phía sau lực lượng do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Ít nhất từ tháng 9-1945 tới hết năm 1947, Pháp tuy đã tự đặt cho mình nhiệm vụ ngăn chống Cộng sản nhưng nhiệm vụ này vẫn bị chi phối bởi các âm mưu khai thác như một chiêu bài nhằm thuyết phục Mỹ hỗ trợ việc tái lập chủ quyền ở Đông Dương là điều mà Mỹ quyết liệt phản đối.

Riêng Mỹ tuy biết chắc Hồ Chí Minh là cán bộ Quốc tế Cộng sản nhưng không tin tưởng hoàn toàn đường lối chính trị của Pháp nên đã chọn thế đứng trung lập sau khi cảnh giác Pháp về hiểm họa Cộng sản có thể lan tràn khắp Đông Dương. Chính vì thế, vào những ngày mở đầu, cuộc chiến Việt Nam đã thể hiện gần như hiển nhiên ý nghĩa kháng chiến chống xâm lăng mặc dù phía người Pháp vẫn nhắc đến mục tiêu ngăn chống Cộng sản.

Khi những khó khăn từ nội tình chính quốc khiến hy vọng thắng trận tại Đông Dương trở nên mờ mịt, nhất là trước viễn tượng Trung Cộng thành công tại Hoa Lục, Pháp mới khởi sự tìm liên kết với lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam.

Nhưng sự đổi thay này không dễ xóa nhòa ấn tượng dân tộc kháng chiến trong những ngày đầu của cuộc chiến. Vì thế ngộ nhận tiếp tục kéo dài với cả dư luận quốc tế lẫn quần chúng quốc nội, nhất là Cộng sản dù nắm trọn quyền lãnh đạo vẫn luôn giấu kín hình tích, trong khi không thể phủ nhận sự hiện diện nhiều phần tử dân tộc yêu nước nơi hàng ngũ kháng chiến.

Song song với thực tế này là những khó khăn tất yếu tồn tại trong quá trình thực hiện liên kết giữa Pháp và lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam ở trận tuyến bên kia.

Hình ảnh các quan thuộc địa kéo dài từ ngót một thế kỷ không thể tan biến ngay, trong khi sự đối đầu giữa một đội quân viễn chinh với một lực lượng bản xứ luôn tạo ấn tượng về sự hiện diện giữa phe xâm lược ở phía này và phe yêu nước ở phía khác. Thành ra, dù Việt Nam thực sự trở thành cuộc chiến cục bộ trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ Cộng sản - Tự do ngay từ 1948, nhưng tính chất này tiếp tục bị vùi lấp. Vai trò chủ động của lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam bên cạnh người Pháp trong trận tuyến ngăn chống Cộng sản không được nhận ra, thậm chí còn bị xuyên tạc là một thứ bù nhìn cho Thực dân.

Sau 1954, khi đất nước bị chia đôi và cuộc chiến đã chuyển sang một giai đoạn khác, lối nhìn này tiếp tục tồn tại với nhiều người bất chấp mọi thực tế lịch sử để đặt ngay người Mỹ vào vị thế cũ của người Pháp. Nhưng thực tế phức tạp chỉ là một phần nguyên do dẫn đến cái nhìn thiếu chính xác về tính chất cuộc chiến Việt Nam, nhất là cuộc chiến sau 1954. Nguyên do chủ yếu dẫn tới tình trạng ngộ nhận thuộc về trận tuyến tuyên truyền mà Cộng sản liên tục nắm quyền chủ động.

Với quan niệm chiến tranh liên tục, trường kỳ và toàn diện, Cộng sản không giới hạn sự đối đầu với kẻ địch trong một phương diện nào mà luôn tạo thế hổ tương giữa nhiều trận tuyến, trong đó tuyên truyền là trận tuyến được đặc biệt chú trọng.

Trước hết, trận tuyến tuyên truyền không cần bom đạn vẫn đem lại thành quả lớn gấp bội lần so với những trận đánh sử dụng bom đạn.

Trong quan niệm đấu tranh Cộng sản, tuyên truyền vận dụng mọi khả năng nên tiến hành dễ dàng ở mọi nơi, mọi lúc và gần như luôn tạo ra sức mạnh quyết định kết quả của mọi trận đánh. Tuyên truyền vừa tiêu hao lực lượng kẻ địch vừa biến đổi, chi phối kẻ địch theo ý đồ sai sử, vì tác dụng chủ yếu của tuyên truyền là thuyết phục, dẫn dắt tâm lý, tư tưởng đối tượng để xoay chuyển về một định hướng trừu tượng.

Suốt hai giai đoạn chiến tranh Việt Nam từ 1945 tới 1975, trận tuyến tuyên truyền Cộng sản không ngừng nỗ lực xoay chuyển tâm lý, tư tưởng mọi đối tượng theo hướng kết buộc các cường quốc Tây Phương, cụ thể là Pháp rồi Mỹ, đã nối nhau theo đuổi tham vọng Thực dân đế quốc.

Mục tiêu của nỗ lực này không chỉ nhằm thuyết phục riêng quần chúng Việt Nam tham gia lực lượng do Cộng sản Việt Nam lãnh đạo mà nhằm gieo rắc thái độ bất bình, thù hận Tây Phương ở khắp nơi trên thế giới trong khuôn khổ cuộc chiến ý thức hệ toàn cầu do Cộng sản Quốc tế phát động.

Đạt tới cái nhìn về tính chất cuộc chiến Việt Nam theo định hướng này là một mục tiêu chiến lược trong tiến trình đấu tranh giai cấp để thực hiện liên minh mở rộng lực lượng chống tư bản trên khắp thế giới. Tất nhiên, tầm vóc này của mục tiêu khiến trận tuyến tuyên truyền về cuộc chiến Việt Nam đã có sự tham gia tích cực của toàn thể các quốc gia Cộng sản cùng mọi tổ chức ngoại vi chịu sự chi phối của Cộng sản ở mọi nơi.

Từng ngày, từng giờ, người dân khắp thế giới không ngừng được nghe, được đọc, được nhắc nhở những tin tức, những sự việc do các bộ máy tuyên truyền Cộng sản chọn lọc, tô chuốt và cuối cùng khó tránh khỏi đẩy lên các ấn tượng thuận lợi cho Cộng sản, thậm chí trở thành những công cụ tự nguyện. Đây là trường hợp của những nhà báo như Wilfred Burchett của Úc, Madeleine Riffaud của Pháp, Don Luce của Mỹ hoặc những nhân vật nổi danh như Jane Fonda, Cora Weiss, Diane Johnstone... và ngay cả Đức Giáo Hoàng cũng bị cuốn vào vòng khai thác để chinh phục dư luận trong thời gian diễn ra cuộc hòa đàm về Việt Nam tại Paris.

Biển không thành có, đổi một thành mười, chuyển mười thành trăm, ngàn... vốn là nghệ thuật siêu đẳng trong tuyên truyền Cộng sản sau quá trình thực hành kéo dài gần trọn thế kỷ.

Có thể nói không sợ làm lẫn rằng sự bành trướng chủ nghĩa Cộng sản trong thế kỷ 20 đã dựa phần lớn vào thành quả của trận tuyến tuyên truyền, một trận tuyến gần như luôn bỏ ngỏ với khối các quốc gia tự do. Do đó, cái nhìn thiếu chính xác của nhiều người về tính chất cuộc chiến Việt Nam không phải là điều đáng ngạc nhiên.

Kể từ khi mở đầu cuộc chiến năm 1945, trận tuyến tuyên truyền gần như sân khấu độc diễn của Cộng sản. Trong tác phẩm ***Vietnam, le dossier noir du Communisme***, Michel Tauriac đã nhắc lại hai tấm hình và vụ một đơn vị Mỹ sát hại 500 người dân áp Mỹ Lai khiến dư luận khắp thế giới không những vui lấp chính nghĩa của những người Việt

Nam yêu nước mà còn thù hận những người này đồng thời cũng khinh ghét quân đội Mỹ.

Tauriac viết: *“Hai hình ảnh đã làm mất đi chính nghĩa của Sài Gòn trên toàn thế giới. Một tấm cho thấy tướng Loan, chỉ huy trưởng Cảnh Sát miền Nam ngay trước các nhiếp ảnh viên đã bắn hạ ngoài đường phố bằng một phát súng lục một kẻ chỉ vài phút trước đó đã giết người hàng loạt... Và tấm khác, chụp cô bé gái 9 tuổi chạy ngoài đường, hoàn toàn lỏa lồ, sau lưng là các tia nổ tung của bom napalm nháng lửa... Hai tấm hình khủng khiếp dán vào trán nước Mỹ như hai vết phỏng... Nước Mỹ đã bị hồng cả mặt.”*

Trước nỗi bất bình cực điểm của dư luận thế giới về hai tấm hình cùng sự việc được nêu, Tauriac nhớ lại nhiều hình ảnh và sự việc khác: *“Không xa Mỹ Lai bao nhiêu là một ngôi làng nhỏ Quảng Ngãi, có hai bệnh viện... Trong đêm Tết 1968, quân Cộng sản xông vào một bệnh viện. Y tá, bác sĩ, bệnh nhân nằm trên giường đều bị giết chết, súng cứ nhả đạn thả dàn. Khi những người Cộng sản ra đi, thẩn chết đã mang theo hết mọi người...”*

Và tấm hình thành phố Huế sau ngày 24-02-1968 khi quân đội Cộng sản bị đánh bật khỏi đây: *“Khi rút lui về rừng, nhóm tấn công mang theo nhiều gia đình để làm bia đỡ đạn. Các tù nhân này không sống sót trên đời được lâu. Một số bị bắn, bị bóp cổ, bị đâm bằng dao... Một số khác phải tự đào lấy mộ trước khi bị chôn sống, bị trói dính thành xâu từng khoảng mười đến mười lăm người... Khoảng năm mươi hố chôn tập thể được khám phá trong thành phố và các vùng lân cận. Ba ngàn thi hài làm nghẹt các hào rãnh của thành phố đổ nát.”*

Một hình ảnh khác không xa Huế là đoạn đường phía Nam thị xã Quảng Trị. *“Năm 1972, mười mấy ngàn xác chết nằm ngổn ngang trên đó, xác của những người dân sống trong vùng đất trận mạc này, khi quân đội Bắc Việt tấn công, đã bỏ trốn do nhìn thấy số phận mà người dân Huế được Cộng sản dành cho vào bốn năm trước. Trên suốt mười cây số, chỉ là những đồng thối đầy máu me trộn lẫn với những hành trang rải rác...”*

Một sự việc cũng chìm vào im lặng dù không thể phai nhòa trong ký ức kinh hoàng của nhiều người Pháp từng sống tại Sài Gòn: *“Ngày 25-9-1945, Trần Văn Giàu đã tự tay và thúc giục đồng bọn tàn sát 450 phụ nữ cùng trẻ em Pháp và lai Âu tại phố Heyraud giữa trung tâm Sài Gòn... Vợ và con người Việt của các người Pháp cũng không được tha. Khắp nơi hàng ngàn vụ tàn sát diễn ra... Khắp nơi các hố chôn tập thể được khám phá...”*

Tauriac tự hỏi tại sao cho tới nay, báo chí tả khuynh Pháp không thốt lên tiếng kêu khiếp hãi nào về tất cả những sự việc đó mà chỉ nói tới vụ Mỹ Lai và hai tấm hình kia?

Làm sao báo chí tả khuynh có thể làm khác, khi trận tuyến tuyên truyền Cộng sản đã định hướng là phải biến phe địch thành những tập đoàn tội ác, những kẻ thù của nhân loại và tô điểm bức chân dung bản thân bằng những màu sắc thiết tha vì dân vì nước!

Điểm quan trọng hơn sự im lặng của báo chí tả khuynh là chính báo chí không tả khuynh đã bị lôi cuốn, kích động và trở thành những trợ thủ đắc lực cho Cộng sản trên trận tuyến tuyên truyền.

Do đó, tội ác thực sự khủng khiếp đã bị vùi lấp trong khi những hình ảnh bình thường trong chiến tranh được biến thành tội ác và phóng đại thành những tội ác chưa từng có trong lịch sử. Đây cũng là phương thức áp dụng để diễn tả thực chất cuộc chiến Việt Nam theo định hướng tuyên truyền Cộng sản.

Trong tuyên truyền Cộng sản, cuộc chiến Việt Nam được vận dụng như một nguồn chứng cứ tố giác tình trạng phạm tội của toàn bộ phe tự do, đồng thời xác định chính nghĩa vì dân vì nước của phe Cộng sản.

Thành quả mà trận tuyến tuyên truyền Cộng sản đạt được là thực tế của một giai đoạn lịch sử đã bị lật ngược để đổi đen thành trắng, ít nhất cũng với một số khá đông người trên thế giới.

Nói cách khác, ngoài tính vàng thau lẫn lộn của một thực trạng phức tạp, hình ảnh cuộc chiến Việt Nam đối với khá đông người trên thế giới chỉ là sản phẩm của tuyên truyền. Trên căn bản này, bức chân dung Hồ Chí Minh với tư cách nhân vật tiêu biểu cho chính nghĩa của phe Cộng sản trong chiến cuộc Việt Nam cũng không thể mang tính cách nào ngoài tính cách sản phẩm của tuyên truyền.

Điều này chính là lời giải đáp cho câu hỏi do đâu nhân vật Hồ Chí Minh đã được lưu ý ở nhiều nơi trên thế giới và do đâu chính Hồ Chí Minh đã phải đích thân ngồi viết một cuốn sách tự phong cho mình danh vị *Cha già Dân tộc* Việt Nam.

Hồ Chí Minh được nhắc tới ở nhiều nơi vì cuộc chiến Việt Nam sau 1945 chính là điểm nóng trong cuộc chiến ý thức hệ đang diễn ra.

Đối với khối Tây Phương, cuộc chiến Việt Nam là mũi dùi tấn công trực diện vào chế độ Thực dân vẫn được Cộng sản gán chung cho mọi quốc gia Tây Phương. Đối với các quốc gia nhược tiểu, cuộc chiến Việt Nam là yếu tố thúc đẩy sự nổi dậy chống lại ảnh hưởng Tây Phương đồng thời là sức hút sự hướng về chủ nghĩa Cộng sản.

Hồ Chí Minh với tư cách tiêu biểu cho cuộc chiến Việt Nam đã trở thành công cụ trong cuộc đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản của toàn khối Cộng sản. Cho nên nhắc nhở theo hướng đề cao Hồ Chí

Minh trở thành việc làm cần thiết của toàn khối Cộng sản cho mục tiêu bành trướng ảnh hưởng để thúc đẩy sự bùng nổ thêm các cuộc chiến cục bộ mới.

Hơn ai hết, Hồ Chí Minh đã nhận thức rõ tầm mức quan trọng trong việc định hướng cho cách nhìn của dư luận về cuộc chiến Việt Nam và về bản thân mình thuộc trận tuyến tuyên truyền Cộng sản. Được thụ huấn về chủ thuyết Cộng sản và các phương pháp đấu tranh tại Mạc Tư Khoa nên Hồ Chí Minh không coi nhẹ trận tuyến tuyên truyền.

Trên thực tế, khi còn hoạt động bí mật, Hồ Chí Minh đã được chỉ thị phải nỗ lực thành lập một trường tuyên truyền tại Thái Lan và những thành tựu bước đầu của Hồ Chí Minh tại Hoa Nam cuối năm 1924 hoàn toàn nhờ hoạt động tuyên truyền.

Với Hồ Chí Minh, tuyên truyền không chỉ là phương thế phát triển ảnh hưởng mà còn là hoạt động gắn liền với hơi thở của lực lượng đấu tranh nên công tác tuyên truyền luôn được đặc biệt lưu ý.

Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đã đặt tên cho đơn vị võ trang đầu tiên của Mặt trận Việt Minh là “*đội vũ trang tuyên truyền*” để nhắc nhở đồng chí về công tác trọng tâm luôn là công tác tuyên truyền. Sau đó, trong chính phủ đầu tiên thành lập cuối tháng 8-1945, Hồ Chí Minh đã đặt Bộ Tuyên Truyền trên cả Bộ Quốc Phòng. Đánh giá tuyên truyền ở tầm mức đó nên việc Hồ Chí Minh ngay cuối năm 1947 đã ngồi viết sách tô vẽ cho bản thân mình là điều dễ hiểu.

Thời điểm trên là thời điểm mà Mặt trận Việt Minh đối diện với những khó khăn chồng chất, mặc dù đã thành công trong việc triệt hạ các lực lượng đối lập để nắm trọn quyền lãnh đạo.

Trước hết, Việt Minh chưa thể bám rễ sâu trong quần chúng vì các phần tử quốc gia yêu nước vẫn duy trì ảnh hưởng ở nhiều nơi và đang có những vận động kết hợp thành một trận tuyến chống lại Cộng sản.

Dấu hiệu nguy hiểm là người Pháp bắt đầu tìm thế chuyển hướng cho sự hiện diện tại Đông Dương qua vai trò đồng minh liên kết với các lực lượng quốc gia Việt Nam. Dấu hiệu không kém nguy hiểm khác là Hồ Chí Minh không còn giấu kín nổi hình tích Cộng sản như thời kỳ hoạt động bí mật trong khi sự nghi ngại trong quần chúng về Cộng sản vẫn là một thực tế.

Dù đã tuyên bố giải tán Đảng Cộng sản, Hồ Chí Minh vẫn chưa thu phục trọn vẹn lòng tin của nhiều người đấu tranh yêu nước và phía Pháp đã tuyên bố không chấp nhận thương lượng với Việt Minh do Hồ Chí Minh là cán bộ Cộng sản Quốc tế chịu sự chi phối của Liên Xô.

Nói gọn lại, tính chất Cộng sản của Hồ Chí Minh đang đe dọa chiêu bài dân tộc yêu nước của Việt Minh đồng thời đẩy Cộng sản Việt Nam vào cảnh có thể bị chống đối từ quốc nội tới quốc tế.

Tạo ra hình ảnh một Hồ Chí Minh tuy từng có tương quan với Cộng sản nhưng một lòng vì dân vì nước, được toàn thể dân chúng kính yêu chính là một nỗ lực trên trận tuyến tuyên truyền để giải tỏa các áp lực chống đối.

Vì thế, cái tên Hồ Chí Minh chỉ mới xuất hiện lần đầu trước công chúng vồn vện 24 tháng trước và còn là mối nghi ngại đối với nhiều người vẫn được chính Hồ Chí Minh diễn tả như một cái tên thân thiết với hết thảy mọi tầng lớp quần chúng và gán cho quần chúng sự sùng kính tốt cùng đối với mình qua những dòng chữ trơ tráo: *“Không có gì so sánh được với lòng dân Việt Nam kính mến tin tưởng lãnh tụ Hồ Chí Minh... Nhiều nhà báo và người ngoại quốc rất ngạc nhiên trước lòng kính yêu của nhân dân Việt Nam đối với vị Cha già Hồ Chí Minh... Hồ Chủ tịch được nhân dân yêu mến là do lòng yêu nước, yêu nhân dân... Hồ Chủ tịch được nhân dân yêu mến là do lòng hy sinh và lòng nhân từ của Người... Chủ tịch không bao giờ nghĩ đến mình. Người chỉ nghĩ đến người khác, nghĩ đến nhân dân... Mọi người kính mến Hồ chủ tịch, nhất là thanh niên và nhi đồng. Ở ngoài mặt trận khi xung phong các chiến sĩ hô lớn: Vì tổ quốc, vì Bác Hồ tiến lên! Vì Bác Hồ mà những người lao động trong nhà máy và trên đồng ruộng tăng thêm năng suất. Đối với nhi đồng tên bác Hồ như là một người mẹ hiền. Chỉ nhắc đến tên Bác là các em trở nên ngoan ngoãn... Nhân dân gọi chủ tịch là Cha già của Dân tộc, vì Hồ chủ tịch là người con trung thành nhất của Tổ quốc Việt Nam”*.

Kiều Phong bảo Hồ Chí Minh lố bịch rở tiền, Vũ Thư Hiên coi đây là chuyện ngớ ngẩn trong khi Bùi Tín cho rằng Hồ Chí Minh đã diễn một tấn trò nực cười... Những phê phán theo hướng này đã bỏ qua khung cảnh thực tế căng thẳng của Mặt trận Việt Minh lúc đó và không xét việc làm của Hồ Chí Minh trong tính cách một nỗ lực đấu tranh trên trận tuyến tuyên truyền.

Vào lúc ngồi nặn óc viết ra những điều giả dối trơ trẽn trên, Hồ Chí Minh không bị thúc đẩy chỉ bởi riêng lòng ham muốn sùng bái cá nhân mà đang chiến đấu cho sự tồn tại trên chính trường của bản thân và phe phái. Cho nên cuốn sách được viết giữa không khí sôi động khốc liệt của chiến trường và vừa viết xong đã gửi cấp tốc qua Ngưỡng Quang để dịch sang ngoại ngữ phổ biến đi khắp nơi.

Chính cuốn sách giả dối trơ trẽn này đã đóng góp lớn lao vào trận tuyến tuyên truyền về cuộc chiến Việt Nam do khối Cộng sản mở ra trên khắp thế giới những ngày sau đó. Những huyền thoại mà Hồ Chí Minh

tạo ra cho mình như con người nhân từ, một lòng hy sinh vì nước, được toàn dân yêu mến tôn xưng là Cha già Dân tộc... gần như được lập lại ở hầu hết các tác phẩm nói về cuộc chiến Việt Nam theo định hướng kết buộc Pháp - Mỹ đã theo đuổi ý đồ xâm lược và lực lượng dân tộc yêu nước Việt Nam chỉ là một nhóm bù nhìn cho ngoại bang.

Dư luận này đã khiến dấy lên những làn sóng chống đối ở nhiều nơi ngăn trở nỗ lực chiến đấu của phía thế giới tự do và lực lượng yêu nước Việt Nam trong khi hỗ trợ tối đa cho hành động của Cộng sản.

Tới nay, khối Cộng sản chỉ còn là một dấu tích của thế kỷ 20, nhưng tiếng nói chính xác của thực tế lịch sử Việt Nam cũng như chân dung thực sự của Hồ Chí Minh vẫn chưa thoát cảnh bị vùi lấp dưới ảnh hưởng của trận tuyến tuyên truyền Cộng sản. Vẫn còn không ít người diễn tả Hồ Chí Minh như một nhà cách mạng ái quốc của Việt Nam, một người có công đầu giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị ngoại bang dù trên thực tế, hết thảy đều đồng ý rằng Hồ Chí Minh là tín đồ thuần thành của chủ nghĩa Cộng sản và trong lý thuyết Cộng sản không có điểm nào dung nạp tinh thần dân tộc.

Những người không thể chối bỏ thực tế hiển nhiên của thảm trạng đời sống Việt Nam suốt gần nửa thế kỷ qua thì biện giải rằng mọi việc đều nằm ngoài ý định của Hồ Chí Minh. Những cách diễn tả hoặc biện giải này đều đã có lời đáp từ nhiều phía được ghi lại rải rác trong các chương sách trước nên xin được bỏ qua.

Ý nghĩ của chúng tôi chỉ trở lại với một điều từng được trình bày trong cuốn sách viết trước đây là nếu không đặt Hồ Chí Minh cùng cuộc chiến mà ông chủ trương và lãnh đạo trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu do Cộng sản chủ trương thì chẳng khác những nhà khoa học trước và đương thời với Copernic và Galilée, cứ nhất định bảo mặt trời xoay quanh trái đất. Mọi người đã rõ số phận của Galilée lúc ấy nhưng ngày nay chỉ người điên mới nói mặt trời xoay quanh trái đất. Không sớm ắt muộn, thực tế sẽ đồng dạng cất lên tiếng nói chính xác không gì có thể rời đổi nổi.

Chúng tôi không dám đem mình sánh với Galilée để diễn tán tuồng đom đóm sánh với mặt trời mà chỉ hy vọng những trang sách đã được viết sẽ gọi nhắc phần nào hướng nhìn gần gũi nhất về con người thực của nhân vật Hồ Chí Minh để từ đó có thể khơi lên những tia sáng sẽ làm tỏ lộ dần tính chất thực của những biến cố lịch sử nhuốm đầy tóe tang và đau đớn mà dân tộc Việt Nam phải gánh chịu suốt gần nửa thế kỷ qua.

Hy vọng này không chỉ do thúc đẩy của khát khao phát hiện những thực trạng từng bị vùi lấp và còn đang bị vùi lấp mà chủ yếu khởi phát từ mong mỏi những tiếng nói hàm chứa trong thực trạng của giai đoạn

vừa qua sẽ mở ra một lối thoát thực sự cho tương lai đất nước để không bao giờ còn lâm cảnh tổn hao xương máu nhiều thế hệ cho thành quả cuối cùng là dẫn bước vào một ngõ cụt tối tăm.

Xin được ghi lại như dấu chấm cuối cùng về bức chân dung Hồ Chí Minh, lời trối trước khi giã từ cuộc sống của một người đã dành trọn đời tham gia hàng ngũ đấu tranh do Hồ Chí Minh lãnh đạo: “*Đất nước mình bất hạnh cùng cực vì đã có một lãnh tụ là ông Hồ!*”.

PHỤ LỤC

01 * ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG bầu trong “Quốc dân Đại hội” Tân Trào 8-7-1945

* *Chủ tịch :*

HỒ CHÍ MINH

* *Phó Chủ tịch :*

TRẦN HUY LIỆU, VÕ NGUYỄN GIÁP,
PHẠM VĂN ĐỒNG, CHU VĂN TẤN.

* *Các ủy viên :*

NGUYỄN LƯƠNG BẰNG, VŨ ĐÌNH HÒE,
DƯƠNG ĐỨC HIỀN, CÙ HUY CẬN,
NGUYỄN VĂN XUYẾN, NGUYỄN HỮU ĐANG,
NGUYỄN CHÍ THANH, PHẠM VĂN THẠCH,
PHẠM NGỌC THẠCH, NGUYỄN ĐÌNH THỊ.

Gọi là đại hội, nhưng thực ra chỉ có chừng ấy người tham dự.

02 * CHÍNH PHỦ ĐẦU TIÊN (Lâm thời) thành lập ngày 29- 8-1945

- *Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao :* HỒ CHÍ MINH
- *Bộ trưởng Nội vụ :* VÕ NGUYỄN GIÁP
- *Bộ trưởng Tuyên truyền :* TRẦN HUY LIỆU
- *Bộ trưởng Quốc phòng :* CHU VĂN TẤN
- *Bộ trưởng Tài chính :* PHẠM VĂN ĐỒNG
- *Bộ trưởng Kinh tế :* NGUYỄN MẠNH HÀ
- *Bộ trưởng Lao động :* LÊ VĂN HIỀN
- *Bộ trưởng Thanh niên :* DƯƠNG ĐỨC HIỀN
- *Bộ trưởng Giáo dục :* VŨ ĐÌNH HÒE
- *Bộ trưởng Tư pháp :* VŨ TRỌNG KHÁNH

- Bộ trưởng Giao thông Công chánh : ĐÀO TRỌNG KIM
- Bộ trưởng Y tế, Vệ sinh : PHẠM NGỌC THẠCH

5 Bộ quan trọng Ngoại giao, Nội vụ, Tuyên truyền, Quốc phòng, Tài chính đều do cán bộ cao cấp Cộng sản giữ. Bộ Tuyên truyền đối với Cộng sản còn quan trọng hơn cả Bộ Quốc phòng. Trần Huy Liệu chỉ đứng sau Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp.

03 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Lâm thời) ngày 01 tháng 01 năm 1946

- Chủ tịch : HỒ CHÍ MINH
 - Phó Chủ tịch : NGUYỄN HẢI THẦN
- Việt Quốc và Việt Cách giữ 2 Bộ Kinh tế và Vệ sinh.
Còn lại là Việt Minh.*

04 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Thứ nhất) ngày 02 tháng 03 năm 1946

- Chủ tịch : HỒ CHÍ MINH (VM)
- Phó Chủ tịch : NGUYỄN HẢI THẦN (Việt Cách)
- Bộ trưởng Tư pháp : VŨ ĐÌNH HÒE (VM)
- Bộ trưởng Giáo dục : ĐẶNG THÁI MAI (VM)
- Bộ trưởng Tài chính : LÊ VĂN HIẾN (VM)
- Bộ trưởng Công chánh : TRẦN ĐĂNG KHOA (VM)
- Bộ trưởng Ngoại giao : NGUYỄN TƯỜNG TAM (VNQDD)
- Bộ trưởng Kinh tế : CHU BÁ PHƯƠNG (VNQDD)
- Bộ trưởng Y tế : TRƯƠNG ĐÌNH TRI (Việt Cách)
- Bộ trưởng Canh nông : BỒ XUÂN LUẬT (Việt Cách)
- Bộ trưởng Nội vụ : HUỖNH THỨC KHÁNG (Không đảng phái)
- Bộ trưởng Quốc phòng : PHAN ANH (Không đảng phái)

* **Chú thích 1:** Theo Võ Nguyên Giáp trong **Những năm tháng không thể nào quên**, 2 ghế đáng lẽ dành cho Nam Bộ, được dành cho các đảng đối lập, 2 Bộ Nội vụ và Quốc phòng dành cho trung lập. Việt Minh và Dân Chủ giữ 4 Bộ Tài chính, Giáo dục, Tư pháp, Giao thông. Việt Quốc và Việt Cách giữ 4 Bộ Ngoại giao, Kinh tế, Xã hội, Canh nông. Phó chủ tịch: Nguyễn Hải Thần (vắng mặt). Chính phủ thành lập trong nửa giờ, ngay tại Quốc hội mà chủ tịch là Ngô Tử Hạ, một nhân sĩ Công Giáo.

* **Chú thích 2:** Theo **Án tích Cộng sản Việt Nam của Trần Gia Phụng**, tr. 78, thêm Dương Đức Hiền giữ Bộ Thanh niên, Nguyễn Văn

Tạo giữ Bộ Lao động, Nghiêm Kế Tổ giữ chức Thứ trưởng Ngoại giao,
Cù Huy Cận giữ chức Thứ trưởng Canh nông.

**05 * CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP (Thứ hai)
ngày 13 tháng 11 năm 1946**

- Cố vấn Tối cao : VĨNH THỤY (đã bỏ qua HK)
- Chủ tịch kiêm Bộ trưởng Ngoại giao : HỒ CHÍ MINH
- Bộ trưởng Nội vụ : HUỖNH THỨC KHÁNG
- Bộ trưởng Quốc phòng : VÕ NGUYỄN GIÁP
- Bộ trưởng Tư pháp : VŨ ĐÌNH HÒE
- Bộ trưởng Tài chính : LÊ VĂN HIẾN
- Bộ trưởng Giáo dục : NGUYỄN VĂN HUYỀN
- Bộ trưởng Canh nông : NGÔ TẤN NHƠN
- Bộ trưởng Giao thông Công chánh : TRẦN ĐĂNG KHOA
- Bộ trưởng Lao động : NGUYỄN VĂN TẠO
- Bộ trưởng Y tế : HOÀNG TÍCH TRI
- Bộ trưởng Xã hội : CHU BÁ PHƯƠNG
- Thứ trưởng Ngoại giao : HOÀNG MINH GIÁM
- Thứ trưởng Nội vụ : HOÀNG HỮU NAM, tức PHAN BÔI
- Thứ trưởng Quốc phòng : TẠ QUANG BỬU
- Thứ trưởng Tư pháp : TRẦN CÔNG TƯỜNG
- Thứ trưởng Kinh tế : PHẠM VĂN ĐỒNG
- Thứ trưởng Tài chính : TRỊNH VĂN BÌNH
- Thứ trưởng Giáo dục : NGUYỄN KHÁNH TOÀN
- Thứ trưởng Canh nông : CÙ HUY CẬN
- Thứ trưởng Giao thông Công chánh : ĐẶNG PHÚC THÔNG
- Quốc Vụ Khanh (Bộ trưởng không Bộ) : NGUYỄN VĂN TỐ, BỒ XUÂN LUẬT.

**06 * THÀNH PHẦN DÂN BIỂU QUỐC HỘI ĐẦU TIÊN
tháng 01-1946**

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| – Mác xít : 10 đại biểu | – Việt Cách : 22 đại biểu |
| – Xã hội : 27 đại biểu | – Việt Quốc : 26 đại biểu |
| – Dân chủ : 15 đại biểu | – Việt Minh : 82 đại biểu |
| – Độc lập : 90 đại biểu. | (các con số chính thức lúc ấy) |

07 * CHÍNH PHỦ LÂM THỜI CỘNG HÒA MIỀN NAM VN
thành lập ngày 8-6-1969

- Thủ tướng : HUỖNH TẤN PHÁT
- Phó Thủ tướng : PHÙNG VĂN CUNG
- Bộ trưởng Phủ Thủ tướng : TRẦN BỬU KIỂM
- Bộ trưởng Quốc phòng : TRẦN NAM TRUNG
- Bộ trưởng Ngoại giao : NGUYỄN THỊ BÌNH
- Bộ trưởng Nội vụ : PHÙNG VĂN CUNG
- Bộ trưởng Kinh tài : CAO VĂN BỐN
- Bộ trưởng Thông tin Văn hóa : LƯU HỮU PHƯỚC
- Bộ trưởng Tư pháp : TRƯƠNG NHƯ TẶNG
- Bộ trưởng Y tế : DƯƠNG QUỲNH HOA
- Bộ trưởng Giáo dục : NGUYỄN VĂN KIẾT

08 * NỘI CÁC CUỐI CÙNG
của triều Nguyễn với vua Bảo Đại

- Thượng thư Bộ Lại (Nội vụ, tương đương Thủ tướng) : PHẠM QUỲNH
- Thượng thư Bộ Hộ (Tài Chánh) : HỒ ĐẮC KHẢI
- Thượng thư Bộ Lễ : ƯNG ỦY
- Thượng thư Bộ Hình (Tư pháp) : BÙI BẰNG ĐOÀN
- Thượng thư Bộ Học : TRẦN THANH ĐẠT
- Thượng thư Bộ Kinh (tế) : TRƯƠNG NHƯ ĐỊNH

09 * CHÍNH PHỦ TRẦN TRỌNG KIM
(sau Nhật đảo chính Pháp)

- Thủ tướng : TRẦN TRỌNG KIM
- Bộ trưởng Nội vụ : TRẦN ĐÌNH NAM
- Bộ trưởng Ngoại giao : TRẦN VĂN CHƯƠNG
- Bộ trưởng Tài chính : VŨ VĂN HIỀN
- Bộ trưởng Kinh tế : HỒ BÁ KHANH
- Bộ trưởng Tiếp Tế : NGUYỄN HỮU THI
- Bộ trưởng Giáo dục và Mỹ thuật : HOÀNG XUÂN HẸN
- Bộ trưởng Tư pháp : TRỊNH ĐÌNH THẢO
- Bộ trưởng Giao thông Công chánh : LƯU VĂN LANG
- Bộ trưởng Y tế và Cứu tế : VŨ NGỌC ANH
- Bộ trưởng Thanh niên : PHAN ANH.

**10 * VÀI BÚT HIỆU
và BÍ DANH của HỒ CHÍ MINH
được nhắc tới trong sách**

- NGUYỄN SINH CUNG
- NGUYỄN TẮT THÀNH
- BA
- PAUL
- NGUYỄN ÁI QUỐC, QUỐC, QUẮC hay NGUYỄN.
- LÝ THỤY, LY, LEE (*phụ tá và thông ngôn của Borodin*),
- VƯƠNG, VƯƠNG SƠN NHỊ,
- TRƯƠNG NHƯỘC TRỪNG
- TÔNG VĂN SƠ
- HỒ QUANG
- NILOPSKI (*1925-1927 ở Hoa Nam*)
- LIN, LINOV (*khi ở Liên Xô*)
- LU, LOU (*phóng viên báo Rosta ở Hoa Nam*)
- TRẦN DÂN TIẾN, TRẦN ZÂN TIẾN (*bút hiệu*)
- T. LAN (*bút hiệu*)
- XYZ (*bút hiệu*)
- TRẦN LỰC (*bút hiệu*)
- LUCIUS (*bí danh để liên lạc với OSS của Mỹ*)

**11 * NHỮNG NĂM SINH
của HỒ CHÍ MINH**

- 1890 : (ngày 19 tháng 5) được chính thức công nhận. Nhưng không có gì bảo đảm là đúng, nhất là về ngày sinh.
- 1891 : được anh ông Hồ là Nguyễn Tất Đạt, cũng gọi là Nguyễn Sinh Khiêm khai. Sơn Tùng (CS) và Cao Thế Dung khẳng định là đúng.
- 1892 : được chính Hồ Chí Minh ghi trong đơn xin nhập học Trường thuộc địa.
- 1893 : theo bà Nguyễn Thị Thanh, chị ông Hồ khai
- 1894 : ghi tại hồ sơ cảnh sát Pháp và sổ hộ làng Kim Liên
- 1895 : Nguyễn Ái Quốc khai tại tòa đại sứ Liên Xô ở Đức.

**12 * CÁC TỔ CHỨC
QUỐC TẾ CỘNG SẢN**

– **QUỐC TẾ 1 hay ĐỆ NHẤT QUỐC TẾ:**
tức Hội Quốc tế Công nhân do Marx và Engels
lập ngày 28-9-1864 tại London, Anh Quốc.
Giải tán năm 1876 tại Philadelphia, Hoa Kỳ.

– **QUỐC TẾ 2 hay ĐỆ NHỊ QUỐC TẾ:**
tức Liên minh Quốc tế các Đảng Xã hội
thành lập tại Paris năm 1889.

– **QUỐC TẾ 3 hay ĐỆ TAM QUỐC TẾ**
tức Comintern hay Quốc tế Cộng sản do Lênin
lập năm 1919 tại Moscow.
Giải tán theo lệnh của Stalin năm 1943.

– **QUỐC TẾ 4 hay ĐỆ TỨ QUỐC TẾ**
do Trotsky lập năm 1938 ở Pháp
trong tình trạng bị trục xuất khỏi Liên Xô.

13 * CÁC ĐẠI HỘI QUỐC TẾ 3 từ đại hội 1 đến đại hội 7

- Đại Hội 1 : từ 2 đến 6-3-1919
- Đại Hội 2 : 1920 tại Petrograd (các đại hội khác họp tại Moscow)
- Đại Hội 3 : từ tháng 6 đến tháng 7-1921
- Đại Hội 4 : tháng 11 và 12-1922.
- Đại Hội 5 : 17-6 đến 8-7-1924 có 504 đại biểu của 49 đảng Cộng sản, 10 tổ chức quốc tế. Hồ Chí Minh là đại biểu đầu tiên và duy nhất của Đông Dương
- Đại Hội 6 : ngày 8-9-1928, Hồ Chí Minh không dự, tả khuynh. Chống thỏa hiệp, liên hệ với tư sản và các phong trào dân chủ. Lãnh tụ Cộng sản Ấn M. N. Roy bị khai trừ vì chống đường lối của đại hội này. (theo Hồng Hà)
- Đại Hội 7 : ngày 25-7-1935 cũng là đại hội chót của Quốc Tế 3. Trong số 513 đại biểu của 76 đảng đại diện 3 triệu 140,000 đảng viên, có 3 người Việt Nam là Lê Hồng Phong, Tú Hựu và Nguyễn Thị Minh Khai. Theo Hồng Hà, “Anh Nguyễn chỉ được mời với tư cách là *đại biểu tư vấn*”. *Đề tài chính trong đại hội này là “chống chủ nghĩa phát-xít.”*

14 * CÁC ĐẠI HỘI Đảng Cộng sản Việt Nam

- Đại Hội 1 : 1935, tại Macao. Số đảng viên chỉ mấy trăm, sau tháng 8-1945 lên 5,000 đảng viên. Ngày 11-11-1945, Đảng Cộng sản tự giải tán, rút vào bí mật trở thành Hội Nghiên cứu Mácxít.
- Đại Hội 2 : 1951, Hội Nghiên cứu Mácxít biến thành đảng Lao động tại Tuyên Quang. Số đảng viên khi giải tán chỉ có khoảng 5000, sau 6 năm lên 760,000.
- Đại Hội 3 : 1960, tại Hà Nội (tất cả các đại hội từ nay đều ở Hà Nội). Lê Duẩn được cử làm Bí thư Thứ nhất (danh xưng theo Liên Xô lúc ấy, Khrutshchev cũng tự xưng bí thư thứ nhất. Thực chất không khác tổng bí thư).
- Đại Hội 4 : 1976, Đảng Cộng sản tái lập sau khi chiếm miền Nam. Số đảng viên là 1,553,500 (trong số 49.6 triệu dân, bằng 3,22% dân số toàn quốc). Lê Duẩn chủ trì.
- Đại Hội 5 : 1982, 5 người bị loại khỏi Bộ Chính trị: Võ Nguyên Giáp, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Duy Trinh, Trần Quốc Hoàn, Nguyễn Văn Linh.
- Đại Hội 6 : 1986, quyết định “Đổi mới”, bầu Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí Thư.
- Đại Hội 7 : 1991, Đỗ Mười làm Tổng Bí thư.
- Đại Hội 8 : 1996, Đỗ Mười và Lê Khả Phiêu
- Đại Hội 9 : 2001, Nông Đức Mạnh.
- Đại Hội 10 : 2006, Nông Đức Mạnh.

15 * DANH SÁCH 20 ĐẢNG VIÊN CSVN được đào tạo tại trường Lao động Đông Phương tại Mạc Tư Khoa (Trường Stalin)

- 01- Bùi Công Trừng (1905-1977)
- 02- Bùi Lâm, tức Nguyễn Văn Xích (1896-?)
- 03- Dương Bạch Mai (1905-1964)
- 04- Hà Huy Tập (1902-1941)
- 05- Hồ Tùng Mậu (1896-1951)
- 06- Hoàng Văn Nọn (Tú Hựu)
- 07- Lê Hồng Phong tự Litvinov (1902-1942)
- 08- Ngô Đức Trì (1902-?), con Ngô Đức Kế
- 09- Nguyễn Hữu Càn
- 10- Nguyễn Khánh Toàn bí danh Robert (1905-1993)
- 11- Nguyễn Thế Rục (1905-1937)

- 12- Nguyễn Thế Vinh (1904-1945)
- 13- Nguyễn Thị Minh Khai hay cô Duy (1910-1941)
- 14- Nguyễn Văn Duyệt
- 15- Nguyễn Văn Trấn bí danh Prigorny (1914-1998)
- 16- Phùng Chí Kiên (1901-1941)
- 17- Trần Ngọc Danh, em Trần Phú, (1908-1950)
- 18- Trần Phú (1904-1931)
- 19- Trần Văn Giàu (1911)
- 20- Trần Văn Kiệt

Chú thích: Trừ Trần Văn Giàu còn sống, Nguyễn Khánh Toàn và Nguyễn Văn Trấn tương đối thọ, hầu hết đều chết trẻ. Điểm đáng lưu ý là cả 20 người được đào tạo tại lò Stalin này, không ai có chân trong các Chính phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh. Ngay cả trong Ủy ban Giải phóng tiền Cách mạng Tháng tám cũng không. Như vậy chỉ có một mình Hồ Chí Minh do Liên Xô trực tiếp đào tạo, rèn đúc, đại diện duy nhất của Quốc Tế 3, toàn quyền xử trí mọi việc.

16 * NHỮNG BÀ VỢ và NGƯỜI TÌNH của Hồ Chí Minh

- Cô Bourdon và cô Brière ở Pháp
- Một cô người Nga
- Tăng Tuyết Minh, y tá Trung Hoa theo đạo Kitô
- Nguyễn Thị Minh Khai, vợ của Lê Hồng Phong, Tổng bí thư đảng
- Đỗ Thị Lạc
- Nông Thị Xuân v.v...

17 * MỘT SỐ NIÊN HIỆU LIÊN QUAN đến cuộc đời của Hồ Chí Minh

- 19-05-1890 : Ra đời với tên Nguyễn Sinh Cung sau đổi là Nguyễn Tất Thành. (Theo tư liệu chính thức của CSVN)
- 05-06-1911 : Nguyễn Tất Thành xuống tàu Latouche-Tréville làm phụ bếp để xuất dương (lấy tên Ba).
- 15-09-1911 : Paul Tất Thành nộp đơn xin học Trường Thuộc địa.
- 10-10-1911 : Cách mạng Tân Hợi thành công tại Trung Quốc.
- 1915 : Nguyễn Tất Thành đến Mỹ, rồi sang Anh.
- 1917 : Định cư tại Pháp.
- Th. 3-1919 : Lênin lập Quốc tế 3 tức QTCS (Komintern)

- 1919 : Nguyễn Ái Quốc đưa Thỉnh nguyện thư 8 điểm cho Hội nghị Versailles về Hòa bình (Nguyễn Ái Quốc lúc ấy là tên chung của nhóm yêu nước VN tại Pháp)
- 1920 : Dự hội nghị Tours của đảng Xã hội Pháp. Bổ phiếu tán thành QT 3, trở thành đảng viên sáng lập đảng CS Pháp.
- 1921 : Đảng Cộng sản Trung Quốc thành lập
- 1922 : Thành lập Liên Xô (Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết)
- 1923 : Nguyễn Ái Quốc (HCM) rời Pháp đi Nga, qua ngã Đức. Tham dự Đại hội Quốc tế Nông dân (tháng 3).
- 1924 : Hiến pháp đầu tiên của Liên Xô
- 1924 : NAQ tham dự đại hội kỳ 5 QT3 (từ 17-6 đến 8-7).
- 1924 : NAQ được cử vào Ủy ban Tuyên truyền Quốc tế, được thành lập liền sau đại hội V của QTCS.
- 11-11-1924 : NAQ đến Quảng Châu, Hoa Nam làm phụ tá kiêm thông dịch cho Borodin, trưởng đoàn trong phái bộ của LX bên cạnh chính phủ TH của Tôn Dật Tiên.
- Th. 6-1925 : Thành lập Việt Nam Thanh niên Cách mệnh Đồng Chí hội từ Tâm Tâm Xã (không cộng sản). Hội này là hạt nhân của đảng CS Việt Nam 4 năm sau.
- 1927 : Cùng Borodin chạy trốn khỏi Trung Quốc, về Nga, sau khi sự hợp tác Quốc - Cộng Trung Hoa tan vỡ.
- 1928 : Tới Thái Lan qua ngã Pháp, Ý, Tân Gia Ba. Nhiệm vụ: Tổ chức các chi bộ cộng sản đầu tiên ở Xiêm, Mã Lai, Nam Dương, Miến Điện.
- 27-10-1929 : Thư của QTCS chỉ thị hợp nhất 3 đảng CS ở ĐĐ.
- 03-02-1930 : NAQ thay mặt QT3 thống nhất 3 đảng CS, và được coi là sáng lập viên ĐCSVN (ít tháng sau đổi thành Đảng CS ĐĐ theo chỉ thị của QT 3).
- 01-05-1930 : Mở đầu phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh. Bắt đầu biểu tình bạo động trên khắp nước.
- Th.10-1930 : Ban hành Luận cương chính trị của đảng do Trần Phú soạn thảo, sau khi ở Liên Xô về nước. Trần Phú được bầu Tổng bí thư đầu tiên của đảng.
- 19-04-1931 : Trần Phú, Tổng bí thư CSVN đầu tiên bị bắt.
- 06-06-1931 : NAQ bị Cảnh sát Anh bắt tại Hồng Kông. QT3 vận động, nhờ luật sư Loseby can thiệp, giúp Quốc ra khỏi tù.
- 1933 : Sống ở Nga hơn 4 năm, học trường QT 3 năm.
- 1935 (27 đến 31-03) : Đại Hội I của CSVN tại Macao.
- 1935 (25-7 đến 20-8) : Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội 7, QT3 với tư cách đại biểu tự vấn. Lê Hồng Phong tham dự với tư cách đại biểu chính thức của ĐCSVN.

- 01-09-1939 : Thế chiến II bùng nổ.
- Th. 11-1939 : Hội nghị Trung Ương đảng CS ĐD kỳ 6.
- Th. 11-1940: Hội nghị Trung Ương đảng CSĐD kỳ 7.
- 1941 : Cướp danh nghĩa VM của ông Hồ Học Lãm (tức Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội thành lập năm 1935), gạt người quốc gia phi Cộng sản ra.
- 19-05-1941 : Thành lập mặt trận Việt Minh ở Pac Bo (phỏng theo tổ chức Việt Minh của Hồ Học Lãm: bỏ chữ *hội* ở cuối và thêm 2 chữ *mặt trận* vào đầu).
- 1942 : Lấy tên Hồ Chí Minh.
- 28-08-1942 : Bị chính quyền THDQ bắt giam ở Quảng Tây
- 1944 : Nhờ sự can thiệp của Nghiêm Kế Tổ, HCM được thả cùng với Nguyễn Tường Tam, nhận lời với tướng Trương Phát Khuê cung cấp tin tình báo về quân Nhật tại Đông Dương.
- 19-12-1944 : Thành lập đội vũ trang tuyên truyền giải phóng quân giao cho Võ Nguyên Giáp chỉ huy.
- 09-03-1945 : Nhật đảo chính Pháp tại Đông Dương.
- 11-03-1945 : Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố Việt Nam độc lập.
- 06-08-1945 : Liên Xô tuyên chiến với Nhật vào giờ chót.
- 15-08-1945 : Nhật đầu hàng.
- 16-08-1945 : Đại hội Quốc dân tại Tân Trào, thành lập Ủy ban Giải phóng Quốc gia, HCM được bầu làm chủ tịch.
- 17-08-1945 : Việt Minh giật micro, cướp diễn đàn trưng biểu ngử và cờ VM, biến cuộc mít-tinh của Hội Công chức ủng hộ nội các Trần Trọng Kim thành mít-tinh ủng hộ Việt Minh.
- 19-08-1945 : VM cướp chính quyền tại Hà Nội (Cách mạng Th. 8).
- 02-09-1945 : Tuyên ngôn Độc lập.
- 11-11-1945: Hồ giải tán đảng CSVN.
- 06-01-1946 : Bầu cử quốc hội đầu tiên. Hồ tặng các đảng đối lập 70 trong số 360 ghế.
- 17-01-1946 : Hồ cho lệnh thống nhất các lực lượng vũ trang.
- 28-02-1946 : Thỏa ước Pháp-Hoa. Pháp trả TH một số nhượng địa, đổi lại Trung Hoa để quân Pháp vào Bắc Việt thay thế quân TH.
- 02-03-1946 : Quốc hội họp khẩn cấp một ngày trước dự định, lập Chính phủ Liên hiệp trong một giờ (theo Bernard Fall thì trong nửa giờ)
- 06-03-1946 : Ký với Sainteny Hiệp ước sơ bộ (Convention préliminaire) 6/3, bên cạnh có chữ ký của Vũ Hồng Khanh.
- 17-04-1946 : Hội nghị Đà Lạt. Trưởng đoàn : Nguyễn Tường Tam.
- 01-08-1946 : Hội nghị Đà Lạt ngưng họp vĩnh viễn.
- 27-05-1946 : Thành lập Mặt trận Liên Việt với mục đích quy tụ mọi xu hướng đảng phái còn ở ngoài VM. Ai không vào coi như Việt gian,

chống lại đường lối cứu nước của VM. Thực ra Liên Việt chỉ là cái vỏ. Cái cốt lõi vẫn là VM, và cốt lõi của VM vẫn là đảng Cộng sản, dù đã giả vờ giải tán.

- 30-05-1946 : Cao ủy d'Argenlieu nhân danh chính phủ Pháp nhìn nhận Cộng hòa Nam Kỳ tự trị. Nguyễn Văn Thinh Thủ tướng, Nguyễn Văn Xuân Bộ trưởng Quốc phòng.
- Th. 07-1946 : Hồ Chí Minh đi Pháp dự Hội nghị Fontainebleau.
- 06-07-1946 : Khai mạc hội nghị Fontainebleau.
- 14-09-1946 : Ký tạm ước Modus Vivendi với Marius Moutet, Bộ trưởng Pháp quốc Hải ngoại tại phòng ngủ của Moutet lúc nửa đêm. (Thủ tướng Pháp lúc ấy là George Bidault).
- 09-11-1946 : Ban hành Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam DCCH.
- Th. 11-1946 : Quốc hội tuyên bố chính thức công nhận Mặt trận Liên Việt (Trung ương gồm 12 đảng viên Lao động, 6 Việt Minh và 9 các thành phần khác).
- 19-12-1946 : Tuyên bố Toàn quốc Kháng chiến.
- 21-01-1947 : Paul Ramadier thay Léon Blum (cùng đảng Xã hội) làm thủ tướng Pháp.
- Th. 09.1947 : Stalin cho thành lập Cominform (Phòng TTCS)
- Th. 06-1948 : Titô bị khai trừ khỏi Cominform.
- 1948 : Tuyên bố vịnh Hạ Long, Pháp đồng ý cho Việt Nam (dưới quyền uốc trưởng Bảo Đại) được tự trị trong LHP.
- 08-03-1949 : Hiệp ước Élysée tổng thống Pháp Vincent Auriol ký với Bảo Đại, nhìn nhận Việt Nam độc lập trong Liên hiệp Pháp.
- 01-10-1949 : Cộng hòa Nhân dân Trung Quốc (CS) ra đời.
- 1950 : CHND Trung Quốc rồi LX thừa nhận VN Dân chủ Cộng hòa.
- 02-02-1950 : Quốc hội Pháp phê chuẩn Hiệp ước Élysée.
- 21-01-1950 : Hội nghị Trung ương họp tại Tân Trào, Tuyên Quang, bàn kế hoạch phản công Pháp ở vùng Việt Bắc với viện trợ của Bắc Kinh.
- 11 đến 19-2-1951 : Họa Đại hội đảng kỳ 2 tại Chiêm Hóa, Tuyên Quang, quyết định cho tái sinh đảng Cộng sản dưới cái tên “đảng Lao động Việt Nam”
- 03-03-1951 : Ra mắt đảng Lao động VN.
- 05-03-1953 : Stalin chết.
- 1953 : Bắt đầu kế hoạch Giảm tô và Cải cách Ruộng đất đợt I.
- Th. 04-1954 : Khai mạc hội nghị Geneve về Triều Tiên và Đ. Dương
- 07-07-1954 : Nhờ Trung Cộng quân viện và đặc biệt cử 2 tướng Trần Canh, Vi Quốc Thanh sang đích thân chỉ huy, quân Bắc Việt thắng trận Điện Biên Phủ.
- Th. 07-1954 : Hội nghị kỳ 6 TƯ quyết định điều đình với Pháp.

- 08-07-1954 : Hội nghị Genève bắt đầu bàn về đình chiến ở VN.
- 20-07-1954 : Ký hiệp định Genève chia đôi Việt Nam.
- 24-11-1955 : Bắc Việt ra lệnh thiết lập chế độ hợp tác xã mua bán ở nông thôn và HTX tiêu thụ ở thành thị.
- 1956 : Cải cách Ruộng đất đợt 2 với các tòa án nhân dân và đấu tố “long trời lở đất”
- Th. 02-1956 : Giai Phẩm (mùa Xuân) ra mắt ở Hà Nội.
- 14 đến 25-02-1956 : Đại Hội 20 của đảng CSLX. Khrutshchev hạ bệ Stalin.
- 1956 : Giải tán Cominform
- 26-10-1956 : (Đệ nhất) Cộng hòa Việt Nam ra đời tại miền Nam.
- 1959 : Mao Trạch Đông bắt đầu kế hoạch “Đại nhảy vọt”.
- 13-05-1959 : Hội nghị trung ương đảng ra nghị quyết “củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam”
- 01-01-1960 : Ban hành Hiến pháp thứ 2, gọi là Hiến pháp 1959.
- 05 đến 10-09-1960 : Đại hội 3 đảng Lao động. (tiếp tục củng cố miền Bắc, chiếu cố miền Nam).
- 1960 : Đặt Lê Duẩn làm Bí thư Thứ nhất. Tham dự đại hội 81 đảng CS thế giới.
- 20-12-1960 : Cho lập Mặt trận DT Giải phóng Miền Nam (20-12-1960)
- 17-10-1961 : Đại hội XXII Liên Xô khai mạc, quyết định đưa thi hài Stalin ra khỏi công trường đổ.
- 01-01-1962 : Thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng (chi nhánh đảng CS Việt Nam) tại miền Nam.
- 01-11-1963 : Đảo chính lật đổ đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam. Tổng thống Ngô Đình Diệm bị giết ngày hôm sau.
- Th. 12-1963 : Trung ương đảng CS Việt Nam ra Nghị quyết 9 (bí mật) chủ trương tiến đánh miền Nam.
- 08-08-1967 : Nghị định số 121/CP của Bắc Việt thay đổi âm lịch, đẩy nhanh lên một ngày.
- 10-11-1967 : HCM ban hành luật chống gián điệp, phá hoại, phản cách mạng... nhằm mục đích bắt giam những phần tử nghi là trong Nhóm Xét lại chống đảng.
- 04-02-1968 (mùng 2 Tết Mậu Thân) : “Tổng công kích, tổng nổi dậy”, vi phạm thỏa hiệp hưu chiến 2 ngày Tết. Thảm sát tại Huế.
- 10-05-1968 : Hội nghị bốn bên tại Paris khai mạc.
- 1968 : Lại cho lệnh tổng nổi dậy, tổng công kích vào ngày sinh thứ 78, 19-05-1968.
- 25-01-1969 : Hội nghị (bốn bên) Paris khai mạc phiên họp chính thức đầu tiên.
- 02-09-1969 : HCM qua đời, để lại di chúc nói đi gặp Mác Lê.

- 27-01-1973 : Ký Hiệp định đình chiến Paris.
- 30-04-1975 : VC vi phạm hiệp định Paris tiến chiếm miền Nam.
- 02-07-1976 : Đổi tên nước thành CHXHCN Việt Nam (thay cho ba thực thể VNDCCH + VNCH + CHLTMTNVN)
- 17-02-1979 : Quân Trung Cộng tiến đánh biên giới Việt Bắc.



